Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ NỘI VỤ**

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TẠI QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ CÔNG

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO **BỘ NỘI VỤ**

HỌC VIỆN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA

QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TẠI QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN LÝ CÔNG

Chuyên ngành: Quản lý công

Mã số:

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC:

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan Luận văn "Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh" là công trình nghiên cứu của riêng cá nhân tôi, được thực hiện dưới sự hướng dẫn của TS. Nguyễn Thị Ngân. Các thông tin, số liệu được trình bày trong Luận văn này là trung thực và được dẫn nguồn cụ thể theo quy định. Tất cả những tham khảo và kế thừa đều được trích dẫn và tham chiếu đầy đủ. Tôi xin chịu mọi trách nhiệm về công trình nghiên cứu của riêng mình.

Thành phố Hồ Chí Minh

Học viên

LỜI CÁM ƠN

Luận văn này là kết quả của sự nghiên cứu nghiêm túc của học viên dưới sự hướng dẫn của TS. Nguyễn Thị Ngân và sự giúp đỡ của Quý cơ quan tại Ủy ban nhân dân quận Tân Phú.

Vì vậy trước hết, học viên xin gửi lời cám ơn chân thành nhất đến TS. Nguyễn Thị Ngân đã tận tình quan tâm, giúp đỡ và hướng dẫn học viên trong suốt quá trình nghiên cứu để hoàn thành luận văn này.

Trân trọng cám ơn Ban Giám đốc, Ban Quản lý Đào tạo Sau Đại học, Quý Thầy, Cô của Học viện Hành chính Quốc gia đã tạo điều kiện thuận lợi cho học viên trong suốt quá trình học tập, nghiên cứu.

Trân trọng cám ơn Lãnh đạo Ủy ban nhân dân quận Tân Phú, Phòng Lao động -Thương binh và Xã hội và ban ngành, đoàn thể thuộc quận Tân Phú đã nhiệt tình hỗ trợ trong việc cung cấp các số liệu và những ý kiến trao đổi liên quan đến đề tài luận văn.

Trân trọng cám ơn gia đình, bạn bè, đồng nghiệp đã quan tâm, động viên học viên trong thời gian thực hiện luận văn này.

Mặc dù đã có nhiều cố gắng song Luận văn không thể tránh khỏi nhiều sai sót, học viên rất mong nhận được ý kiến đóng góp của Quý Thầy, Cô để luận văn được hoàn chỉnh hơn.

Trân trọng cám ơn!

Học viên

Đỗ Đinh Hải Triều

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

MỤC LỤC

ĐỀ MỤC **TRANG**

DANH MỤC CÁC BẢNG

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

PHẦN MỞ ĐẦU 1

1. Lý do chọn đề tài luận văn 1

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn 3

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn 5

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn 5

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn 5

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn 7

7. Kết cấu của luận văn 7

CHƯƠNG 1: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TẠI CẤP HUYỆN 8

1.1. Một số vấn đề chung về giảm nghèo bền vững 8

1.1.1. Khái niệm nghèo đói 8

1.1.2. Chuẩn nghèo và tiêu chí xác định chuẩn nghèo 9

1.1.3. Giảm nghèo bền vững 14

1.2. Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững 15

1.2.1. Khái niệm 15

1.2.2. Sự cần thiết phải quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững 17

1.2.3. Nội dung quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững tại cấp huyện 18

1.2.3.1. Tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách và xây dựng, thực hiện các chương trình, kế hoạch về giảm nghèo bền vững 18

1.2.3.2. Tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững 21

1.2.3.3. Đầu tư, huy động các nguồn lực để giảm nghèo bền vững 23

1.2.3.4. Thanh tra, kiểm tra và giám sát công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững 24

1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững 25
1.3.1. Nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững 25
1.3.2. Năng lực tổ chức, quản lý của bộ máy nhà nước các cấp 25
1.3.3. Chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo bền vững 26
1.3.4. Tư duy, ý thức của người nghèo 26
1.3.5. Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế 27
1.3.6. Cơ sở hạ tầng, kỹ thuật của quốc gia 27
1.4. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững ở một số quận, huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và một số bài học rút ra có giá trị tham khảo
cho quận Tân Phú 28
1.4.1. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững ở một số quận, huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh 28
1.4.2. Một số bài học rút ra có giá trị tham khảo cho quận Tân Phú 30
TIỂU KẾT CHƯƠNG 1 33
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TẠI QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 34
2.1. Đặc điểm địa lý, dân cư và kinh tế - xã hội của quận Tân Phú 34
2.1.1. Đặc điểm địa lý, địa hình 34
2.1.2. Đặc điểm dân cư 34
2.1.3. Đặc điểm kinh tế xã hội 35
2.2. Thực trạng thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận Tân Phú .39 2.2.1. Về tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo 41
2.2.2. Nguyên nhân gây ra nghèo đói 43
2.2.3. Kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo 44
2.3. Thực trạng hoạt động quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú 45

2.3.1. Tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách và xây dựng các chương trình, kế hoạch về giảm nghèo bền vững 45
2.3.2. Tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững 54
2.3.3. Đầu tư, huy động các nguồn lực để giảm nghèo bền vững 60
2.3.4. Thanh tra, kiểm tra và giám sát về giảm nghèo bền vững 72
2.4. Đánh giá hoạt động quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú 76
2.4.1. Kết quả đạt được 77
2.4.2. Một số hạn chế 79
2.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế 81
TIỂU KẾT CHƯƠNG 2 84
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TẠI QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH 85
3.1. Chủ trương, quan điểm của Đảng, mục tiêu của Nhà nước và địa phương về giảm nghèo bền vững 85
3.1.1. Chủ trương, quan điểm của Đảng và mục tiêu của Nhà nước 85
3.1.2. Mục tiêu của Thành phố Hồ Chí Minh 86
3.1.3. Mục tiêu của quận Tân Phú 87
3.2. Phương hướng quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú 88
3.2.1. Gắn hoạt động QLNN về giảm nghèo bền vững với hoạt động phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn 88
3.2.2. Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững 89
3.2.3. Tổ chức tốt công tác điều tra, rà soát, đánh giá thực tế tại địa bàn 89
3.2.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động 89
3.2.5. Thực hiện tốt công tác đào tạo và nâng cao kỹ năng cho cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo bền vững 90

3.2.6. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực để thực hiện quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững 90
3.3. Một số giải pháp cụ thể 91
3.3.1. Hoàn thiện chương trình, kế hoạch về giảm nghèo bền vững; qua đó đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trợ giúp pháp lý cho người nghèo về giảm nghèo bền vững 91
3.3.2. Kiện toàn tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có chất lượng làm công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững 93
3.3.3. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực, thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo để giảm nghèo bền vững, tăng cường công tác phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể trong thực hiện quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững 94
3.3.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát trong hoạt động quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững 106
3.4. Một số kiến nghị 106
3.4.1. Đối với Trung ương 107
3.4.2. Đối với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh 107
3.4.3. Đối với Ủy ban nhân dân quận Tân Phú 108
TIỂU KẾT CHƯƠNG 3 109
KẾT LUẬN 110
TÀI LIỆU THAM KHẢO 112
PHỤ LỤC

DANH MỤC CÁC BẢNG

Stt	Tên bảng	Trang
1	Bảng 1.1. Chuẩn nghèo ở Việt Nam qua các giai đoạn	10
2	Bảng 2.1. Thống kê dân số quận Tân Phú (đến ngày 31/12/2017)	34
3	Bảng 2.2. Cơ cấu nguồn vốn hỗ trợ giảm nghèo	61
4	Bảng 2.3. Hỗ trợ đột xuất từ Quỹ "Vì người nghèo" năm 2018	72

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

Số thứ tự	Cụm từ viết tắt	Cụm từ đầy đủ
1	BCH	Ban Chấp hành
2	BHYT	Bảo hiểm y tế
3	BHXH	Bảo hiểm xã hội
4	CBCC	Cán bộ, công chức
5	HCNN	Hành chính nhà nước
6	HĐND	Hội đồng nhân dân
7	KT-XH	Kinh tế – xã hội
8	LĐ-TB&XH	Lao động – Thương binh và Xã hội
9	MTTQ	Mặt trận Tổ quốc
10	QLNN	Quản lý nhà nước
11	TP.HCM	Thành phố Hồ Chí Minh
12	UBND	Ủy ban nhân dân
13	UN	Liên hợp quốc
14	WB	Ngân hàng thế giới
15	XĐGN	Xóa đói giảm nghèo

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài luận văn

Từ thời kỳ đổi mới cho đến nay, giảm nghèo là một trong những chính sách xã hội cơ bản được Đảng và Nhà nước ta đặc biệt quan tâm. Trong định hướng phát triển của Chiến lược về phát triển KT-XH giai đoạn 2011 – 2020, BCH Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa XI đã xác định: "Nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của nhân dân. Tạo cơ hội bình đẳng tiếp cận các nguồn lực phát triển và hưởng thụ các dịch vụ cơ bản, các phúc lợi xã hội. Thực hiện có hiệu quả hơn chính sách giảm nghèo phù hợp với từng thời kỳ; đa dạng hóa các nguồn lực và phương thức để đảm bảo giảm nghèo bền vững, nhất là tại các huyện nghèo nhất và các vùng đặc biệt khó khăn. Khuyến khích làm giàu theo pháp luật, tăng nhanh số hộ có thu nhập trung bình khá trở lên. Có chính sách và các giải pháp phù hợp nhằm hạn chế phân hóa giàu - nghèo, giảm chênh lệch mức sống giữa nông thôn và thành thị" [14, tr.124-125]. Nhận thức được chất lượng cuộc sống của con người liên quan đến nhiều khía cạnh khác ngoài thu nhập, năm 2015, Chính phủ đã ban hành chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020, đánh dấu bước quan trọng trong quá trình chuyển đổi của Việt Nam từ đo lường nghèo theo thu nhập sang đo lường đa chiều. Là một trong số những nước đi đầu ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương trong áp dụng phương pháp đo lường nghèo đa chiều để giảm nghèo ở tất cả các chiều cạnh, trong Kế hoạch phát triển KT-XH giai đoạn 2016 - 2020, Việt Nam đã đặt mục tiêu giảm tỷ lệ hộ nghèo đa chiều bình quân cả nước là 1% - 1.5%/năm và riêng các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn giảm 4%/năm. Đo lường nghèo theo cách tiếp cận đa chiều, bao gồm cả thu nhập và các chiều phi tiền tệ như nhà ở, tiếp cận nước sạch và vệ sinh, dịch vụ giáo dục, y tế, BHYT và BHXH đã được sử dụng trong Chương trình Mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 và trong quá trình rà soát hộ nghèo để xác định đối tượng hưởng lợi của Chương trình, cũng như các chính sách giảm nghèo và trợ giúp xã hội [04, tr.02].

Cùng với cả nước, TP.HCM đã ra sức thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khơi dậy

và tạo được những chuyển biến tích cực trên nhiều mặt. Song, bên cạnh đó đã xuất hiện những vấn đề xã hội bức xúc, nhất là tình trạng đói nghèo và phân hóa giàu nghèo trong các tầng lớp dân cư. Tỷ lệ hộ nghèo đói chiếm gần 20% tổng số hộ dân thành phố, khoảng cách giữa nhóm hộ giàu nhất và hộ nghèo nhất chênh lệch hơn mười lần. Mặt trái của kinh tế thị trường đã tác động trực tiếp đến đời sống vật chất và tinh thần của các tầng lớp nhân dân Thành phố, đòi hỏi phải có những chính sách, giải pháp cụ thể để giữ khoảng cách chênh lệch hợp lý, bảo đảm công bằng xã hội. Trước tình hình đó, Đảng bộ và chính quyền Thành phố đã mạnh dạn đưa ra một chủ trương sáng tạo nhưng cũng không kém phần táo bạo và quyết liệt, đó là mở cuộc vận động nhanh chóng xóa hộ đói, từng bước giảm hộ nghèo. Đây là một chủ trương đúng đắn, hợp lòng dân nên được sự đồng thuận, hưởng ứng và tham gia tích cực của tất cả các tầng lớp nhân dân. Cũng chính vì thế, chương trình đã nhanh chóng đi vào thực tiễn cuộc sống và trở thành phong trào quần chúng sôi nổi, không chỉ giới hạn trong phạm vi TP.HCM (là địa phương khởi xướng đầu tiên) mà ngày càng lan rộng ra trên cả nước, phát huy mọi nguồn lực của Nhà nước và nhân dân.

Quận Tân Phú là một quận mới thành lập vào ngày 02 tháng 12 năm 2003 theo Nghị định số 130/2003/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ trên cơ sở tách ra từ quận Tân Bình cũ. Trong những năm qua, quận Tân Phú đã tập trung và huy động nhiều nguồn lực vào công tác giảm nghèo và đã đạt những kết quả đáng khích lệ. Chương trình giảm nghèo của quận đã được thực hiện khá thành công và chỉ qua ba năm 2016 – 2018 đã có 1.100 hộ vượt chuẩn nghèo và 1.164 hộ vượt chuẩn cận nghèo. Song vẫn còn tồn tại một số bất cập như: kết quả giảm nghèo chưa thật sự bền vững, số hộ đã thoát nghèo nhưng mức thu nhập nằm sát chuẩn nghèo còn khá cao, đời sống người nghèo nhìn chung vẫn còn khó khăn... Một trong những nguyên nhân chủ yếu là do còn hạn chế trong hoạt động QLNN về giảm nghèo bền vững tại địa phương.

Trước thực tế đó, việc nghiên cứu một cách có hệ thống cả về lý luận và thực tiễn để tìm ra các giải pháp thiết thực nhằm nâng cao chất lượng hoạt động QLNN về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú đang là một trong những yêu cầu cấp

thiết hiện nay. Xuất phát từ những phân tích trên, học viên chọn đề tài: ***"Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh"*** làm luận văn tốt nghiệp cao học, chuyên ngành Quản lý công.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài luận văn

Trong những năm qua, vấn đề giảm nghèo vẫn luôn thu hút sự quan tâm của nhiều học giả với nhiều bài viết trên các tạp chí, các báo, nhiều luận văn, đề tài khoa học và các công trình nghiên cứu dưới dạng tài liệu tham khảo như:

- Sách chuyên khảo của tác giả Lê Quốc Lý (2012), *Chính sách xóa đói giảm nghèo - Thực trạng và giải pháp,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội: Nêu một số lý luận về xóa đói, giảm nghèo; những chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước về xóa đói, giảm nghèo. Đây là cuốn sách bổ sung luận cứ cho công tác hoạch định chính sách xóa đói, giảm nghèo, bổ sung tư liệu cho công tác đào tạo, nghiên cứu về chính sách xóa đói, giảm nghèo ở Việt Nam [21].

- Bài viết của tác giả Nguyễn Ngọc Sơn (2012), *"Chính sách giảm nghèo ở nước ta hiện nay: Thực trạng và định hướng hoàn thiện"* đăng trên Tạp chí *Kinh tế và Phát triển:* Nêu quan niệm về nghèo, chính sách giảm nghèo; chính sách giảm nghèo ở Việt Nam; thực trạng, kết quả của chính sách giảm nghèo và định hướng chính sách giảm nghèo ở Việt Nam trong thời gian tới [28].

- Nguyễn Út Ngọc Mai (2014), *Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ,* Luận văn Thạc sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia: Đã đề cập tới một số nội dung lý luận liên quan tới giảm nghèo bền vững và đề xuất giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLNN về giảm nghèo bền vững từ giác độ thể chế, tổ chức bộ máy, đội ngũ cán bộ, nguồn lực, hoạt động thanh tra, kiểm tra giám sát gắn liền với địa bàn nghiên cứu [22].

- Nguyễn Thế Tân (2015), *Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia: Đã hệ thống lại cơ sở lý luận của QLNN về giảm nghèo bền vững; đánh giá thực trạng QLNN về giảm nghèo bền vững của tỉnh, từ đó đưa ra những giải

pháp nhằm nâng cao hiệu quản QLNN về giảm nghèo bền vững của tỉnh Quảng Ninh [29].

- Bùi Thế Hưng (2015), *Chính sách giảm nghèo bền vững t thực ti n quận Lê Ch n, thành phố Hải Ph ng,* Luận văn Thạc sĩ Chính sách công, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam: Nghiên cứu một số vấn đề lý luận về xóa đói giảm nghèo; thực trạng giảm nghèo trên địa bàn quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng; đánh giá những mặt được và chưa được và nguyên nhân; đồng thời đề ra các giải pháp tăng cường thực hiện chính sách giảm nghèo của địa phương [19].

- Nguyễn Thành Nhân (2015), *Chính sách giảm nghèo bền vững t thực ti n Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Chính sách công, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam: Nghiên cứu một số vấn đề lý luận về giảm nghèo; thực trạng giảm nghèo trên địa bàn TP.HCM; đưa ra phương hướng và giải pháp hoàn thiện chính sách giảm nghèo bền vững trên địa bàn TP.HCM [24].

- Liêu Khắc Dũng (2017), *Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang,* Luận văn Thạc sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia: Đã nghiên cứu cơ sở khoa học về QLNN về giảm nghèo bền vững, đánh giá thực trạng trên địa bàn thị xã và đề xuất giải pháp nhằm tăng cường QLNN về giảm nghèo bền vững tại địa bàn nghiên cứu [10].

- Hồ Thụy Đình Khanh (2018), *Thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững t thực ti n Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh,* Luận văn Thạc sĩ Chính sách công, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam: Nghiên cứu một số vấn đề lý luận về xóa đói giảm nghèo; thực trạng giảm nghèo trên địa bàn Quận 6, TP.HCM; đánh giá những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân trong công tác giảm nghèo; đề ra phương hướng và một số giải pháp tăng cường thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững tại Quận 6, TP.HCM [20].

Nhìn chung, các công trình nêu trên tiếp cận dưới những góc độ khác nhau cả lý luận và thực tiễn về xoá đói, giảm nghèo và giảm nghèo bền vững ở các địa bàn, phạm vi. Tuy nhiên chưa có công trình nào nghiên cứu sâu sắc và toàn diện vấn đề

QLNN về giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận Tân Phú, TP.HCM với cách tiếp cận đầy đủ dưới góc độ của khoa học hành chính công.

3. Mục đích và nhiệm vụ của luận văn

3.1. Mục đích

Trên cơ sở nghiên cứu lý luận và thực tiễn của hoạt động QLNN về giảm nghèo bền vững, tác giả đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao công tác QLNN về giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Nhiệm vụ

Đề tài tập trung nghiên cứu những nhiệm vụ cụ thể sau:

- Làm rõ cơ sở lý luận liên quan đến QLNN về giảm nghèo bền vững.
- Nghiên cứu thực trạng QLNN về giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận Tân Phú, từ đó đánh giá thành công và tồn tại trong quá trình thực hiện.
- Trên cơ sở thực trạng đã tìm hiểu, đề xuất một số giải pháp góp phần nâng cao công tác QLNN về giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận Tân Phú.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của luận văn

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là công tác QLNN về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú, TP.HCM.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi nội dung: Luận văn nghiên cứu nội dung của QLNN về giảm nghèo bền vững ở cấp quận.
- Phạm vi không gian: Tại địa bàn quận Tân Phú, TP.HCM.
- Phạm vi thời gian: Luận văn tập trung nghiên cứu kết quả thực hiện QLNN về giảm nghèo bền vững với số liệu được thu thập giai đoạn từ năm 2016 đến nay, các giải pháp đưa ra định hướng nghiên cứu áp dụng đến năm 2025.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu của luận văn

5.1. Phương pháp luận

Luận văn nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận duy vật lịch sử và duy vật biện chứng của chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối,

chủ trương, quan điểm của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác giảm nghèo bền vững.

5.2. Phương pháp nghiên cứu

Luận văn có sử dụng các phương pháp nghiên cứu cụ thể sau:

5.2.1. Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu, số liệu

Thu thập tài liệu thứ cấp gồm các nguồn tài liệu sau: Các văn bản quy phạm pháp luật từ Trung ương đến địa phương; các báo cáo, số liệu đã được công bố của Tổng cục Thống kê, Cục Thống kê TP.HCM, Chi cục Thống kê quận Tân Phú, của các hội thảo khoa học về giảm nghèo bền vững…; các báo cáo thực hiện nhiệm vụ và phương hướng; các tài liệu chuyên ngành, sách, báo, tạp chí, giáo trình và các bài nghiên cứu về giảm nghèo bền vững.

5.2.2. Phương pháp tổng hợp, thống kê

Bước đầu khi thu thập tài liệu về giảm nghèo thì đó chỉ là tài liệu ở dạng thô với khối lượng lớn, là tài liệu ban đầu trên mỗi đơn vị thuộc tổng thể nghiên cứu. Tài liệu này mới chỉ phản ánh đặc trưng của từng đơn vị và có tính rời rạc nên chưa thể sử dụng cho công tác nghiên cứu QLNN về giảm nghèo bền vững tại địa phương. Do vậy, để có thể nêu lên một số đặc trưng chung của cả tổng thể cần nghiên cứu, tác giả cần phải tổng hợp và thống kê các tài liệu đã thu thập. Phương pháp tổng hợp, thống kê là tiến hành tập trung, chỉnh lý và hệ thống hoá một cách khoa học các tài liệu thu thập được. Chất lượng tài liệu của tổng hợp, thống kê ảnh hưởng rất lớn đến quá trình nghiên cứu.

5.2.3. Phương pháp so sánh, đối chiếu

So sánh kết quả thực hiện QLNN về giảm nghèo bền vững ở quận Tân Phú giai đoạn hiện tại với những giai đoạn trước để đánh giá thực trạng thực hiện QLNN về giảm nghèo bền vững trên địa bàn nghiên cứu.

5.2.4. Phương pháp phân tích

Trên cơ sở số liệu và dữ liệu thu thập được, luận văn s phân tích theo ý tưởng nghiên cứu để giải quyết các nhiệm vụ nghiên cứu. Phương pháp phân tích tài liệu giúp đề tài nghiên cứu có một hệ thống cơ sở lý luận vững chắc, làm nền tảng

để đi sâu vào nghiên cứu thực trạng thực hiện QLNN về giảm nghèo bền vững trên địa bàn nghiên cứu.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận văn

6.1. Về lý luận

Luận văn nêu khái quát các căn cứ lý luận và pháp lý của công tác QLNN về giảm nghèo bền vững nói chung và cấp quận nói riêng, từ đó rút ra một số kết luận, đề xuất giải pháp về nâng cao công tác QLNN về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú theo hướng bền vững, dài hạn, hướng đến chất lượng.

6.2. Về thực tiễn

Qua kết quả nghiên cứu, luận văn làm rõ những mặt đạt được, những hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế đó trong thực tiễn QLNN về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú, TP.HCM. Từ đó góp phần cung cấp cơ sở cho các cơ quan, ban ngành trong việc xác định vấn đề và chuẩn bị những giải pháp cụ thể để nâng cao công tác QLNN về giảm nghèo bền vững. Bên cạnh đó, kết quả nghiên cứu của luận văn có thể làm tài liệu tham khảo trong hoạt động QLNN về giảm nghèo bền vững tại các quận, huyện khác của TP.HCM nói riêng và trong phạm vi cả nước nói chung; đồng thời bổ sung tài liệu nghiên cứu cho các nhà khoa học, các nhà quản lý hoạt động trong lĩnh vực này.

7. Kết cấu của luận văn

Phần đầu gồm: Lời cam đoan, lời cảm ơn, mục lục, các loại danh mục. Phần chính gồm 03 chương:

- Chương 1: Cơ sở khoa học của quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững tại cấp huyện.
- Chương 2: Thực trạng quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Chương 3: Một số giải pháp nhằm nâng cao quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Phần cuối gồm: Danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục.

CHƯƠNG 1
CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TẠI CẤP HUYỆN

1.1. Một số vấn đề chung về giảm nghèo bền vững

1.1.1. Khái niệm nghèo đói

Theo Tuyên bố của Liên hợp quốc (UN) vào tháng 6 năm 2008: "Nghèo là thiếu năng lực tối thiểu để tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội. Nghèo có nghĩa là không có đủ ăn, đủ mặc, không được đi học, không được đi khám, không có đất đai để trồng trọt hoặc không có nghề nghiệp để nuôi sống bản thân, không được tiếp cận tín dụng. Nghèo cũng có nghĩa là sự không an toàn, không có quyền, và bị loại trừ của các cá nhân, hộ gia đình và cộng đồng. Nghèo có nghĩa là dễ bị bạo hành, phải sống ngoài lề xã hội hoặc trong các điều kiện rủi ro, không được tiếp cận nước sạch và công trình vệ sinh an toàn" [10, tr.07-08].

Theo UN, nghèo có hai dạng là nghèo tuyệt đối và nghèo tương đối: "Nghèo tuyệt đối là tình trạng một bộ phận dân cư không có khả năng thỏa mãn nhu cầu cơ bản tối thiểu để duy trì cuộc sống về ăn, mặc, ở, vệ sinh, y tế, giáo dục. Nghèo tương đối là tình trạng một bộ phận dân cư có mức sống dưới mức trung bình của cộng đồng địa phương hay một quốc gia" [10 , tr.08].

Theo Ngân hàng thế giới (WB): "Nghèo là khái niệm đa chiều vượt khỏi phạm vi túng thiếu về vật chất. Nghèo không chỉ dựa trên thu nhập mà bao gồm các vấn đề liên quan tới dinh dưỡng, sức khỏe, giáo dục, khả năng dễ bị tổn thương, không có quyền phát ngôn và không có quyền lực".

Hội nghị chống đói nghèo khu vực Châu Á – Thái Bình Dương do Ủy ban KT-XH khu vực Châu Á – Thái Bình Dương (ESCAP), tổ chức tại Thái Lan vào tháng 9 năm 1993, đã đưa ra khái niệm về nghèo đói hệ thống hơn: "Nghèo đói là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thoả mãn những nhu cầu cơ bản của con người, mà những nhu cầu này đã được xã hội thừa nhận tuỳ thuộc vào trình độ phát triển KT-XH và phong tục tập quán của từng địa phương" [37, tr.02].

Đây là các khái niệm chung về nghèo đói được các nước trên thế giới nhất trí sử dụng. Ở Việt Nam, theo Bộ LĐ-TB&XH thì khái niệm nghèo đói được hiểu như sau: "Nghèo là tình trạng một bộ phận dân cư chỉ có điều kiện thỏa mãn một phần những nhu cầu tối thiểu cơ bản của cuộc sống và có mức sống thấp hơn mức sống trung bình của cộng đồng xét trên mọi phương diện. Đói là tình trạng một bộ phận dân cư có mức sống dưới mức tối thiểu và thu nhập không đủ đảm bảo nhu cầu về vật chất để duy trì cuộc sống, những hộ đói thường thiếu ăn, đứt bữa từ 01 đến 02 tháng/năm, thường xuyên phải vay nợ và thiếu khả năng trả nợ" [10, tr.09].

Các quan điểm trên cho thấy sự thống nhất về nghèo là một hiện tượng đa chiều, tình trạng nghèo cần được nhìn nhận là sự thiếu hụt/không được thỏa mãn các nhu cầu cơ bản của con người. Vì vậy, nghèo đa chiều có thể được hiểu là tình trạng con người không được đáp ứng ở mức tối thiểu một số nhu cầu cơ bản trong cuộc sống.

1.1.2. Chuẩn nghèo và tiêu chí xác định chuẩn nghèo

1.1.2.1. Chuẩn nghèo và tiêu chí chuẩn nghèo của thế giới

Trong những năm trước đây nghèo đói thường được đo lường thông qua thu nhập hoặc chi tiêu. Chuẩn nghèo được xác định dựa trên mức chi tiêu cho những nhu cầu tối thiểu và được quy ra bằng tiền. Người nghèo hay hộ nghèo là những đối tượng có mức thu nhập hoặc chi tiêu thấp hơn chuẩn nghèo. Cách thức đo lường này đã duy trì trong thời gian dài và bắt đầu bộc lộ những hạn chế sau: Thứ nhất, một số nhu cầu cơ bản của con người không thể quy ra tiền (như tham gia xã hội, an ninh, vị thế xã hội...) hoặc không thể mua được bằng tiền (tiếp cận giao thông, thị trường và các loại cơ sở hạ tầng khác, an ninh, môi trường, dịch vụ y tế, giáo dục công...). Thứ hai, có những trường hợp hộ gia đình có tiền nhưng không chi tiêu vào việc đáp ứng những nhu cầu tối thiểu (do cả những lý do khách quan như không có sẵn dịch vụ hay lý do chủ quan như do tập tục văn hóa địa phương hay do chính nhận thức của người dân). Vì những hạn chế trên, nếu chỉ sử dụng chuẩn nghèo thu nhập để đo lường và xác định đối tượng nghèo đói s dẫn đến bỏ sót đối tượng, đồng thời nhận diện nghèo, phân loại đối tượng và xác định nguyên nhân nghèo đói

chưa chính xác. Do đó, chính sách hỗ trợ mang tính cào bằng và chưa phù hợp với nhu cầu, chưa thực sự tác động đến nguyên nhân nghèo đói, nhất là các nguyên nhân có liên quan đến thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

Từ năm 2007, Alkire và Foster đã bắt đầu nghiên cứu về cách thức đo lường mới về nghèo đói, đơn giản nhưng vẫn đáp ứng tính đa chiều của nghèo đói. Cách thức đo lường này đã được UNDP sử dụng để tính toán chỉ số Nghèo đa chiều (MPI) lần đầu tiên được giới thiệu trong Báo cáo Phát triển con người năm 2010 và được đề xuất áp dụng thống nhất trên thế giới sau năm 2015 để theo dõi, đánh giá đói nghèo. Chỉ số tổng hợp này được tính toán dựa trên 03 chiều nghèo: Y tế, Giáo dục và Điều kiện sống; với 10 chỉ số về phúc lợi. Chuẩn nghèo được xác định bằng 1/3 tổng số thiếu hụt. Hiện nay, có 32 nước trên thế giới (Mexico, Colombia, Brazil, Costa Rica, Trung Quốc...) đã nghiên cứu chuyển đổi và áp dụng phương pháp đo lường nghèo từ đơn chiều dựa vào thu nhập sang đa chiều trong đo lường và giám sát nghèo, xác định đối tượng nghèo, đánh giá và xây dựng các chính sách giảm nghèo và phát triển xã hội [36, tr.03].

1.1.2.2. Chuẩn nghèo và tiêu chí xác định chuẩn nghèo của Việt Nam

Sau hơn 30 năm đổi mới, cách tiếp cận đánh giá tiêu chuẩn nghèo ở Việt Nam đã có sự thay đổi và có nhiều tiến bộ để phù hợp với tiêu chuẩn nghèo của thế giới. Căn cứ vào mức sống thực tế các địa phương và trình độ phát triển KT-XH, từ năm 1993 đến nay, Bộ LĐ-TB&XH đã công bố chuẩn nghèo cho các giai đoạn cụ thể được thể hiện qua Bảng sau:

Bảng 1.1: Chuẩn nghèo ở Việt Nam qua các giai đoạn

Giai đoạn	**Đơn vị tính**	**Chuẩn nghèo** *(tính theo bình quân đầu người/tháng)*	
		Thành thị	**Nông thôn**
1993 – 1995	Kilogram (Kg)	Hộ đói: Dưới 13 kg gạo	Hộ đói: Dưới 8 kg gạo
		Hộ nghèo: Dưới 20 kg gạo	Hộ nghèo: Dưới 15 kg gạo

Giai đoạn	Đơn vị tính	Chuẩn nghèo *(tính theo bình quân đầu người/tháng)*	
		Thành thị	**Nông thôn**
1995 - 1997	Kilogram (Kg)	Hộ đói: Dưới 13 kg gạo	
		Hộ nghèo: Dưới 25kg gạo	Hộ nghèo: + Miền núi, hải đảo: Dưới 15 kg gạo + Đồng bằng, trung du: Dưới 20 kg gạo
1997 – 2000	Kilogram (Kg)	Hộ đói: Dưới 13 kg gạo (tương đương dưới 45 ngàn đồng)	
		Hộ nghèo: Dưới 25 kg gạo (tương đương dưới 90 ngàn đồng)	Hộ nghèo: + Miền núi, hải đảo: Dưới 15 kg gạo (tương đương dưới 55 ngàn đồng) + Đồng bằng, trung du: Dưới 20kg gạo (tương đương dưới 70 ngàn đồng)
2001 – 2005 (Quyết định số 1143/2000/QĐ-BLĐTBXH ngày 01/11/ 2000)	Việt Nam đồng (VNĐ)	Hộ nghèo: Dưới 150.000 VNĐ	Hộ nghèo: + Miền núi, hải đảo: Dưới 80.000 VNĐ + Đồng bằng, trung du: Dưới 100.000 VNĐ
2006 – 2010 (Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 08/7/2005)	Việt Nam đồng (VNĐ)	Hộ nghèo: Dưới 260.000 VNĐ	Hộ nghèo: Dưới 200.000 VNĐ

Giai đoạn	Đơn vị tính	Chuẩn nghèo *(tính theo bình quân đầu người/tháng)*	
		Thành thị	**Nông thôn**
2011 – 2015 (Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30/01/2011)	Việt Nam đồng (VNĐ)	Hộ nghèo: Từ 500.000 VNĐ trở xuống	Hộ nghèo: Từ 400.000 VNĐ trở xuống
		Hộ cận nghèo: Từ 501.000 VNĐ đến 650.000 VNĐ	Hộ cận nghèo: Từ 401.000 VNĐ đến 520.000 VNĐ
2016 – 2020 (Quyết định số 59/2015/QĐ-TTg ngày 19/11/2015)	Việt Nam đồng (VNĐ)	Hộ nghèo: Từ 900.000 VNĐ trở xuống; hoặc từ 901.000 VNĐ đến 1.300.000 VNĐ và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên	Hộ nghèo: Từ 700.000 VNĐ trở xuống; hoặc từ 701.000 VNĐ đến 1.000.000 VNĐ và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên
		Hộ cận nghèo: Trên 900.000 VNĐ đến 1.300.000 VNĐ và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản	Hộ cận nghèo: Trên 700.000 VNĐ đến 1.000.000 VNĐ và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản

Nguồn: Tác giả tổng hợp

Ở Việt Nam, Chính phủ ban hành Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững cho mỗi giai đoạn 05 năm trên cơ sở công bố chuẩn nghèo để đo lường sự thay đổi của tình trạng nghèo trong giai đoạn tương ứng. Từ năm 2015 trở về trước, Việt Nam vẫn sử dụng phương pháp đo lường nghèo đơn chiều theo chuẩn nghèo thu nhập. Bên cạnh đó, WB và Tổng cục Thống kê cũng ước lượng tỷ lệ nghèo theo chuẩn nghèo chi tiêu bình quân. Để chuyển đổi mạnh mẽ chính sách giảm nghèo theo hướng bền vững trong bối cảnh đổi mới mô hình tăng trưởng, năm

2014, Quốc hội đã quyết định việc giao Chính phủ xây dựng chuẩn nghèo mới theo phương pháp tiếp cận đa chiều nhằm bảo đảm mức sống tối thiểu và tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản để thực hiện từ năm 2016. Trên cơ sở đó, vào năm 2015, Chính phủ Việt Nam đã thông qua phương pháp tiếp cận đa chiều để đo lường nghèo đói, áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020. Ngày 15 tháng 9 năm 2015, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 1614/QĐ-TTg phê duyệt Đề án tổng thể "Chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020". Chuẩn nghèo giai đoạn 2016 - 2020 của Việt Nam được xây dựng theo hướng sử dụng kết hợp cả chuẩn nghèo về thu nhập và mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản. Theo đó, tiêu chí đo lường nghèo được xây dựng dựa trên cơ sở các tiêu chí về thu nhập, bao gồm chuẩn mức sống tối thiểu về thu nhập, chuẩn nghèo về thu nhập, chuẩn mức sống trung bình về thu nhập, mức độ thiếu hụt trong tiếp cận 05 dịch vụ xã hội cơ bản bao gồm: y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, thông tin, và được đo bằng 10 chỉ số (tiếp cận các dịch vụ y tế; BHYT; trình độ giáo dục của người lớn; tình trạng đi học của trẻ em; chất lượng nhà ở; diện tích nhà ở bình quân đầu người; nguồn nước sinh hoạt; hố xí/nhà tiêu hợp vệ sinh; sử dụng dịch vụ viễn thông; tài sản phục vụ tiếp cận thông tin). Hộ được coi là nghèo đa chiều nếu thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt (trên tổng số 10 chỉ số nói trên) trở lên.

Tóm lại, quan niệm về đói nghèo ở Việt Nam ngày càng phản ánh đúng bản chất của đói nghèo. Nếu như nhu cầu hỗ trợ của người nghèo vào những năm 90 của thế kỷ 20 chỉ giới hạn đến nhu cầu "ăn no, mặc ấm", thì ngày nay, người nghèo còn có nhu cầu được hỗ trợ về nhà ở, giáo dục, y tế, văn hóa... Tiếp đến là nhu cầu được trợ giúp để hạn chế rủi ro, quan trọng hơn là được quyền tham gia nhiều hơn và có hiệu quả hơn vào các hoạt động của xã hội. Điều này cho thấy Việt Nam đang hướng đến mục tiêu giảm nghèo bền vững, theo đó, việc xây dựng chuẩn nghèo sẽ theo hướng sử dụng kết hợp cả chuẩn nghèo về thu nhập và mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản như: tiếp cận về y tế, giáo dục, nhà ở, nước sạch và vệ sinh, tiếp cận thông tin.

1.1.3. Giảm nghèo bền vững

- *Giảm nghèo* chính là làm cho bộ phận dân cư nghèo nâng cao mức sống, từng bước thoát khỏi tình trạng nghèo. Biểu hiện ở tỷ lệ phần trăm và số lượng người nghèo giảm xuống. Nói cách khác, giảm nghèo là một quá trình chuyển một bộ phận dân cư nghèo lên một mức sống cao hơn. Ở khía cạnh khác, giảm nghèo là chuyển từ tình trạng có ít điều kiện lựa chọn sang tình trạng có đầy đủ điều kiện lựa chọn để cải thiện đời sống mọi mặt của mỗi người.

Giảm nghèo là một trọng tâm của Chiến lược phát triển KT-XH nhằm cải thiện và từng bước nâng cao điều kiện sống của người nghèo, trước hết là ở miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các vùng nghèo; thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư, tạo điều kiện cho hộ nghèo bằng các chính sách cụ thể để họ có thu nhập và cuộc sống ổn định, lâu dài thoát nghèo và không tái nghèo [10, tr.10].

- *Bền vững* là không lay chuyển được, là vững chắc và là duy trì bền lâu. Như vậy nên hiểu bền vững là một tiêu chuẩn hay một yêu cầu về sự "chắc chắn" đối với kết quả giảm nghèo.

- *Giảm nghèo bền vững*:

Mục đích rất rõ ràng của giảm nghèo bền vững là đảm bảo duy trì thành quả giảm nghèo một cách lâu dài và bền vững. Nếu hiểu bền vững với nghĩa là duy trì không lay chuyển là vững chắc thì "giảm nghèo bền vững được hiểu là tình trạng dân cư đạt được mức độ thỏa mãn những nhu cầu cơ bản hay mức thu nhập cao hơn chuẩn nghèo và duy trì được mức độ thỏa mãn những nhu cầu cơ bản hay mức thu nhập trên chuẩn nghèo đó ngay cả khi gặp các cú sốc hay rủi ro" [10, tr.11].

Giảm nghèo bền vững là thực hiện và duy trì các biện pháp giảm nghèo, trong đó tập trung vào các hoạt động hỗ trợ, tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo có tư liệu và phương tiện để sản xuất, dịch vụ, bảo đảm an ninh lương thực ở cấp hộ gia đình, nâng cao thu nhập để tự vượt qua nghèo đói; tạo cơ hội để người nghèo tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, đặc biệt là tiếp cận dịch vụ giáo dục, y tế,

nước sạch; giảm thiểu rủi ro do thiên tai, bão lụt và tác động tiêu cực của quá trình cải cách kinh tế, bảo đảm thoát nghèo bền vững hay không tái nghèo.

1.2. Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

1.2.1. Khái niệm

Hoạt động quản lý bắt nguồn từ sự phân công, hợp tác lao động để thực hiện mục tiêu chung. Quản lý là hoạt động nhằm tác động một cách có tổ chức và định hướng của chủ thể quản lý lên một đối tượng quản lý để điều chỉnh các quá trình xã hội và hành vi của con người, nhằm duy trì tính ổn định và phát triển của đối tượng quản lý theo những mục tiêu đã định. Quản lý bao gồm các yếu tố sau:

- Chủ thể quản lý: là tác nhân tạo ra các tác động quản lý. Chủ thể có thể là một cá nhân hoặc tổ chức.
- Khách thể quản lý: chịu sự tác động hay chịu sự điều chỉnh của chủ thể quản lý, đó là hành vi của con người và các quá trình xã hội.
- Đối tượng quản lý: tiếp nhận sự tác động của chủ thể quản lý. Tùy theo từng loại đối tượng khác nhau mà người ta chia thành các dạng quản lý khác nhau.
- Mục tiêu quản lý: là cái đích cần phải đạt tới tại một thời điểm nhất định do chủ thể quản lý định trước.

QLNN xuất hiện cùng với sự xuất hiện của Nhà nước. QLNN thay đổi phụ thuộc vào chế độ chính trị, trình độ phát triển KT-XH của mỗi quốc gia qua các giai đoạn lịch sử. Ngày nay, QLNN bao gồm hoạt động lập pháp của cơ quan lập pháp, hoạt động hành pháp của Chính phủ và hoạt động tư pháp của cơ quan tư pháp. Có thể hiểu QLNN là một dạng quản lý xã hội đặc biệt, mang tính quyền lực nhà nước, sử dụng pháp luật để điều chỉnh các hành vi của con người trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội do các cơ quan trong bộ máy nhà nước thực hiện, nhằm thỏa mãn nhu cầu hợp pháp của con người, duy trì sự ổn định và phát triển của xã hội.

HCNN là một bộ phận của QLNN. Trong hoạt động của Nhà nước, hoạt động HCNN gắn liền với việc thực hiện một bộ phận quan trọng của quyền lực nhà nước là quyền hành pháp. Quản lý HCNN là hoạt động thực thi quyền hành pháp nhằm tác động có tổ chức và điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đối với các quá

trình xã hội và hành vi của công dân do các cơ quan trong hệ thống HCNN từ Trung ương đến cơ sở thực hiện để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước, phát triển KT-XH, duy trì trật tự an ninh, thỏa mãn nhu cầu của nhân dân [17]. Khái niệm trên cần lưu ý ba điểm sau: (1) Quản lý HCNN có tính quyền lực nhà nước; (2) Quản lý HCNN là hoạt động thực hiện hàng ngày, tổ chức và điều chỉnh các quan hệ xã hội và hành vi hoạt động của công dân bằng việc ra các quyết định quản lý hành chính và thực hiện các hành vi hành chính; (3) Quản lý HCNN được thực hiện bởi các pháp nhân công quyền, trong hệ thống này đứng đầu là Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các Bộ, các cơ quan HCNN Trung ương, các cấp quản lý HCNN địa phương.

Như vậy, QLNN về giảm nghèo bền vững có thể hiểu là sự tác động có tổ chức và bằng quyền lực nhà nước tới các hoạt động giảm nghèo, như hoạt động ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về giảm nghèo; hoạch định và tổ chức thực hiện các dự án, chính sách, chương trình, kế hoạch giảm nghèo; huy động mọi nguồn lực tài chính để đầu tư cho các chương trình dự án giảm nghèo; hoạt động thanh tra, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chính sách, chương trình, dự án giảm nghèo; tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện. Qua đó, góp phần giúp người nghèo nâng cao mức sống, từng bước thoát khỏi tình trạng nghèo và vươn lên thoát nghèo bền vững.

Chủ thể QLNN về giảm nghèo bền vững ở cấp quốc gia là Chính phủ, trong đó Ủy ban Dân tộc và Bộ LĐ-TB&XH là các cơ quan chủ trì xây dựng, QLNN về giảm nghèo quốc gia và phối hợp với các bộ, ngành có liên quan thực hiện các chương trình giảm nghèo bền vững. Chủ thể QLNN về giảm nghèo bền vững ở cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là UBND cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; trong đó Sở LĐ-TB&XH là cơ quan thường trực tham mưu xây dựng các chính sách, kế hoạch, chỉ tiêu giảm nghèo theo từng năm và cả giai đoạn cho tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; phối hợp với các Sở - ngành, địa phương tổ chức thực hiện QLNN về giảm nghèo bền vững. Chủ thể QLNN về giảm nghèo bền vững ở cấp quận, huyện là UBND cấp quận, huyện, các cơ quan, đoàn thể trong hệ

thống chính trị ở địa phương tổ chức và tham gia thực hiện các chương trình, kế hoạch giảm nghèo trên địa bàn mình; trong đó Phòng LĐ-TB&XH là cơ quan thường trực tham mưu UBND quận, huyện triển khai các nội dung của chương trình, kế hoạch giảm nghèo bền vững. Khách thể QLNN về giảm nghèo bền vững là vấn đề đói nghèo. Mục tiêu của QLNN về giảm nghèo bền vững là giúp giảm số lượng người nghèo và tránh tình trạng tái nghèo sau khi thoát nghèo [10, tr.19-20].

1.2.2. Sự cần thiết phải quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

Một đất nước muốn phát triển, nâng cao vị thế trên trường quốc tế, điều tiên quyết là phải giảm được nghèo, phải nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân. Do đó, QLNN về giảm nghèo bền vững là sự tất yếu.

Thứ nhất, để công tác giảm nghèo đạt hiệu quả, Nhà nước phải định hướng giảm nghèo bền vững. Việc định hướng giúp cho các cơ quan QLNN hoạch định được các chiến lược dài hạn, trung hạn và đề ra các mục tiêu cần thực hiện góp phần thực hiện có hiệu quả công tác giảm nghèo bền vững. Tùy theo từng thời kỳ, từng giai đoạn, Nhà nước luôn xác định mục tiêu và những định hướng để thực hiện công tác giảm nghèo bền vững hiệu quả, cụ thể hóa bằng hệ thống văn bản pháp luật về cơ chế chính sách, các chương trình dự án về giảm nghèo bền vững, trên cơ sở đó chính quyền các cấp đã đưa ra những định hướng riêng dựa trên định hướng của Trung ương, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương để nhằm quản lý và tổ chức triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững đồng bộ và đem lại hiệu lực, hiệu quả cao. Nhà nước đóng vai trò là chủ thể của các chiến lược, chính sách, chương trình, dự án, kế hoạch, mục tiêu,… thực hiện giảm nghèo bền vững.

Thứ hai, trong quá trình thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo bền vững, sự hỗ trợ của Nhà nước là vô cùng cần thiết, đảm bảo cho việc thực hiện các chương trình, dự án được thực hiện đồng bộ, thông suốt và đem lại hiệu quả cao. Trong thực tế, nhiều dịch vụ người nghèo cần nhưng thị trường từ chối không cung cấp, cung cấp dưới mức mong muốn của họ hoặc người nghèo không có khả năng tiếp cận được các dịch vụ đó. Như dịch vụ giới thiệu việc làm, nếu các trung tâm giới thiệu việc làm hoạt động vì mục đích lợi nhuận, họ sẽ đòi hỏi người lao động

trả phí khi tư vấn hoặc giới thiệu việc làm. Điều này khiến cho người nghèo không thể tiếp cận được các dịch vụ việc làm từ các trung tâm dịch vụ việc làm. Hoặc như dịch vụ tín dụng, người nghèo rất cần nhưng ngân hàng không muốn cho người nghèo vay tiền vì rủi ro cao, món vay nhỏ, không có tài sản thế chấp,… Nhờ có sự can thiệp, định hướng của Nhà nước, có thể thông qua hình thức hỗ trợ trực tiếp hoặc gián tiếp, người nghèo có nhiều cơ hội để tiếp cận các dịch vụ trong xã hội. Ngoài ra, có rất nhiều dịch vụ cho người nghèo cần có sự định hướng, khuyến khích của Nhà nước để đảm bảo cho việc cung cấp dịch vụ đúng hướng cho người nghèo. Ngoài việc cấm các dịch vụ bất hợp pháp mà người nghèo dễ mắc phải (do thiếu thông tin hay do cần có thu nhập), Nhà nước khuyến khích và hỗ trợ các dịch vụ cần cho người nghèo, hữu ích đối với xã hội, giúp họ thoát nghèo bền vững.

Thứ ba, giảm nghèo bền vững là vấn đề KT-XH quan trọng, do đó Nhà nước cần can thiệp vào các hoạt động phát triển KT-XH để giảm nghèo bền vững theo chương trình, mục tiêu đã được xác định. Nền kinh tế thị trường vẫn còn tồn tại những hạn chế của nó, việc tồn tại nhiều thành phần kinh tế cùng xu hướng vận động của thị trường là quá trình cạnh tranh giữa các chủ thể nền kinh tế. Nhà nước phải quản lý và can thiệp vào thị trường để điều tiết vĩ mô nền kinh tế theo những tiêu chí, mục tiêu phát triển nhất định của mỗi quốc gia thì công bằng xã hội mới được bảo đảm, chênh lệch giàu nghèo mới được thu hẹp. Thông qua điều tiết tổng thể nền kinh tế, Nhà nước thực hiện điều tiết thu nhập của bộ phận dân cư giàu có để tăng thu nhập cho bộ phận dân cư nghèo yếu thế, tạo điều kiện cùng phát triển, tiến tới thoát nghèo bền vững.

1.2.3. Nội dung quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững tại cấp huyện

1.2.3.1. Tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách và xây dựng, thực hiện các chương trình, kế hoạch về giảm nghèo bền vững

Một là, cần phải xác định mục tiêu cụ thể. Mục tiêu hàng đầu được đặt ra là đáp ứng yêu cầu của người dân. Dựa trên cơ sở các nguồn lực, mục tiêu đặt ra, năng lực tổ chức, các cơ quan họp bàn và đề ra kế hoạch triển khai dài hạn, trung hạn, cơ chế phối hợp, cơ chế thực hiện của các cấp, các ngành. Địa phương xây dựng chỉ

tiêu về giảm nghèo và đưa vào nghị quyết, chương trình, kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm và xây dựng giải pháp cụ thể để tổ chức thực hiện.

Hai là, tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách và xây dựng các chương trình, kế hoạch về giảm nghèo bền vững, cụ thể:

- Dựa theo các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương, các chính sách từ cấp trên, UBND quận sẽ xây dựng khung chương trình, mục tiêu, chức năng nhiệm vụ của các đơn vị tham gia, nguồn ngân sách và cơ chế đánh giá, giám sát theo từng giai đoạn. Việc xây dựng kế hoạch ngắn hạn hoặc hàng năm có thể được thực hiện theo khuôn khổ một chương trình lớn, tuân theo sự hướng dẫn của cấp trung ương, các đơn vị thực hiện cấp dưới sẽ khảo sát và đưa ra dự thảo kế hoạch rồi trình lên cơ quan có thẩm quyền xem xét phê duyệt.

- UBND quận phối hợp với Sở LĐ-TB&XH (Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố), Cục Thống kê Thành phố chỉ đạo tổ chức khảo sát lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố; tổ chức công nhận hộ nghèo (theo các nhóm hộ), hộ cận nghèo để theo dõi, quản lý và thực hiện các chính sách, giải pháp hỗ trợ của chương trình tại địa phương, cơ sở. Thực hiện cập nhật biến động hộ nghèo, hộ cận nghèo (tăng hoặc giảm) và rà soát, đánh giá hiệu quả giảm nghèo theo định kỳ hàng năm [02, tr.28].

- Xây dựng chương trình, kế hoạch giảm nghèo với lộ trình, bước đi phù hợp và cụ thể theo từng năm và giai đoạn; tổ chức triển khai các chính sách hỗ trợ và giải pháp tác động thiết thực, hiệu quả để tập trung đẩy nhanh tiến độ giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo theo thu nhập; đồng thời tập trung cải thiện, nâng cao khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo để giảm từng chiều thiếu hụt; đảm bảo thực hiện hoàn thành mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo bền vững của Thành phố. Tổ chức lồng ghép việc thực hiện kế hoạch và các chỉ tiêu giảm nghèo với kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm trên địa bàn [02, tr.28-29].

- Các bước xây dựng kế hoạch giảm nghèo hàng năm của quận được thực hiện cụ thể như sau:

+ Bước 1: Thường trực Ban Giảm nghèo bền vững quận (sau đây gọi tắt là Ban Giảm nghèo quận) chịu trách nhiệm cung cấp dữ liệu thực trạng và danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo tổng hợp về kế hoạch giảm nghèo của các phường, gửi cho thành viên Ban Giảm nghèo quận nghiên cứu, chuẩn bị tham gia ý kiến về lộ trình giảm nghèo của quận.

+ Bước 2: Thành viên Ban Giảm nghèo quận có ý kiến về việc thực hiện các chính sách và giải pháp giảm các chiều thiếu hụt của hộ nghèo, hộ cận nghèo ở từng phường và trên địa bàn quận gắn với nhiệm vụ ngành gửi cho Thường trực Ban Giảm nghèo quận để tổng hợp thông qua Ban Giảm nghèo quận.

+ Bước 3: Thường trực Ban Giảm nghèo quận chịu trách nhiệm dự thảo kế hoạch giảm nghèo hàng năm trên cơ sở báo cáo tổng hợp kế hoạch giảm nghèo của các phường và ý kiến của các thành viên Ban Giảm nghèo quận để thông qua Ban Giảm nghèo quận.

+ Bước 4: Trưởng Ban Giảm nghèo quận họp thành viên Ban để có ý kiến thống nhất và thông qua dự thảo kế hoạch giảm nghèo hàng năm của quận để báo cáo cấp Ủy, HĐND và UBND quận phê duyệt và báo cáo UBND Thành phố (thông qua Thường trực Ban Chỉ đạo Chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố).

+ Bước 5: Đến thời điểm cuối năm, căn cứ vào tình hình thực tế và kết quả thực hiện kế hoạch giảm nghèo, Ban Giảm nghèo quận và các phường đánh giá, rút kinh nghiệm để xây dựng kế hoạch giảm nghèo tại địa phương cho các năm hoặc giai đoạn tiếp theo [02, tr49].

Ba là, thực hiện đánh giá kế hoạch, phê duyệt ngân sách. Sau khi kế hoạch hàng năm được xem xét đánh giá, chính quyền cấp trung ương hoặc tỉnh, thành phố sẽ xem xét, cân nhắc phê duyệt ngân sách, cũng như nội dung chương trình thực hiện cho các năm cụ thể ra sao. Sau khi chương trình, kế hoạch được sửa đổi, phê duyệt, chính quyền sẽ ban hành quyết định thực hiện các chương trình, kế hoạch đó.

Bốn là, tiến hành thực hiện chương trình, kế hoạch giảm nghèo hàng năm của quận như sau:

- Việc tiến hành thực hiện các chương trình cung cấp dịch vụ cơ bản thông thường được chỉ đạo từ cấp trung ương, cấp tỉnh, thành phố. Đơn vị thực hiện bắt đầu từ cấp quận, huyện cho đến cấp cơ sở phường, xã. Việc tổ chức thực hiện, phối hợp giữa các đơn vị được thực hiện theo các chính sách văn bản của Nhà nước quy định, với sự giám sát, đánh giá của tổ chức đã được chỉ định trước đó.

- Thực hiện nghiêm túc công tác điều tra, rà soát hộ nghèo theo quy định. Đánh giá, phân tích và xác định chính xác, thực chất tỷ lệ hộ nghèo, nguyên nhân nghèo đối với từng hộ gia đình, từ đó có giải pháp cụ thể để thực hiện các chương trình, dự án hỗ trợ thoát nghèo bền vững.

- Xây dựng các phương thức hỗ trợ phù hợp đối với người nghèo như phân công các cấp ủy đảng cơ sở, đảng viên, cán bộ chính quyền, đoàn thể theo dõi, giúp đỡ, hướng dẫn, chịu trách nhiệm về việc thoát nghèo đối với các hộ nghèo theo địa chỉ cụ thể; thực hiện tổ chức đối thoại giữa chính quyền cấp phường với các hộ nghèo; có chính sách khuyến khích, vận động người nghèo tự nguyện đăng ký thoát nghèo; ban hành các cơ chế, chính sách đặc thù riêng như ban hành chuẩn nghèo cao hơn, bổ sung vốn vay ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội thực hiện cho vay giảm nghèo, bù lãi suất cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo, hỗ trợ thêm tiền ăn, học phí từ ngân sách địa phương cho học sinh nghèo, học sinh người dân tộc thiểu số, xây dựng các mô hình giảm nghèo đối với hội viên của các tổ chức đoàn thể (Hội Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên…).

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền đến nhân dân về chủ trương, chính sách giảm nghèo của Đảng và Nhà nước. Đồng thời, nâng cao nhận thức cho người nghèo, phát huy ý chí tự lực vươn lên thoát nghèo, xoá bỏ tư tưởng trông chờ, ỷ lại; hỗ trợ người dân nhân rộng các mô hình, cách làm hay, sáng tạo có hiệu quả về giảm nghèo; khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân có thành tích tốt trong công tác giảm nghèo, cá nhân vượt khó vươn lên thoát nghèo.

1.2.3.2. Tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

a. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

Việc sắp xếp, tổ chức bộ máy phải phù hợp, rõ ràng để đảm bảo cho hoạt động QLNN về giảm nghèo bền vững thống nhất, hoạt động hiệu quả, trong đó trách nhiệm QLNN của các cấp cụ thể như sau:

- Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương: Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn, chủ động huy động các nguồn lực; Chỉ đạo các Sở, ban ngành tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động được phân công theo chương trình; Báo cáo định kỳ hoặc đột xuất (khi cần thiết) về tình hình triển khai thực hiện chương trình; Chịu trách nhiệm về việc sử dụng các nguồn vốn đúng mục tiêu, đảm bảo hiệu quả, tiết kiệm, tránh thất thoát; Xây dựng chuẩn nghèo và các chính sách về giảm nghèo bền vững phù hợp với thực tế tại địa phương.
- Cấp quận – huyện: Xây dựng kế hoạch thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn theo kế hoạch của tỉnh, thành phố; phê duyệt các dự án, chương trình giảm nghèo bền vững các phường, xã trên địa bàn; đảm bảo chỉ đạo, quản lý và điều hành có hiệu quả hoạt động giảm nghèo theo phương pháp đa chiều.
- Cấp phường – xã: Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn theo kế hoạch của cấp trên và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; là đầu mối thực hiện các kế hoạch, dự án giảm nghèo bền vững; chịu trách nhiệm trước cấp trên về kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

b. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

Xây dựng đội ngũ CBCC thực hiện QLNN về giảm nghèo bền vững tại địa phương phải đảm bảo đủ năng lực và chuyên môn công tác, thể hiện sự chủ động trong công tác và chịu trách nhiệm trước cấp quản lý. Đảm bảo cân đối nguồn nhân lực thực hiện các chính sách; lựa chọn chính sách ưu tiên để bố trí nhân sự hợp lý, công bằng; cải cách thủ tục hành chính, đổi mới phương thức để người dân tham gia xây dựng và tiếp cận các dịch vụ xã hội tốt hơn. Đầu tư cơ sở vật chất, nhân lực để tăng cơ hội tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản cho người nghèo, người nghèo.

Bên cạnh đó, cơ quan QLNN các cấp, nhất là ở cấp quận – huyện, phải thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực cho CBCC làm công tác giảm nghèo, vận động xã hội hoá hỗ trợ giảm nghèo, tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện các chính sách để kịp thời điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Bố trí nguồn lực CBCC làm công tác giảm nghèo ở địa phương phù hợp; thường xuyên kiểm tra, giám sát lực lượng CBCC thực hiện kế hoạch giảm nghèo. Hàng năm, tổ chức sơ kết, tổng kết công tác giảm nghèo gắn với khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững.

1.2.3.3. Đầu tư, huy động các nguồn lực để giảm nghèo bền vững

Căn cứ chương trình giảm nghèo bền vững của Thành phố, UBND quận tiến hành xây dựng kế hoạch giảm nghèo, trong đó có giải pháp tổ chức huy động, vận động các nguồn vốn hỗ trợ cho người nghèo và chỉ đạo triển khai trên địa bàn quận, phường. Đồng thời, chỉ đạo UBND phường xây dựng chỉ tiêu vốn và giải pháp hỗ trợ vốn cho người nghèo trong kế hoạch giảm nghèo hàng năm của địa phương. Huy động các nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia của Trung ương, ngân sách thành phố, tranh thủ nguồn vốn của các dự án trên địa bàn, nguồn vận động… để phục vụ cho công tác giảm nghèo bền vững. Tập trung vào các nhóm giải pháp như: Nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành và cộng đồng về đầu tư huy động các nguồn lực; hỗ trợ vốn vay phát triển sản xuất; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách của Nhà nước đối với hộ nghèo, cận nghèo.

Sử dụng hợp lý nguồn từ ngân sách nhà nước. Ngân sách nhà nước được phân chia theo các nhóm khác nhau nhằm thực hiện các chính sách hỗ trợ trực tiếp cho giảm nghèo và các chính sách gián tiếp, đầu tư cơ sở hạ tầng theo từng vùng, miền, khu vực đặc thù. Ngân sách địa phương tham gia chương trình mục tiêu quốc gia, bao gồm: Vốn hỗ trợ gián tiếp các chương trình, dự án; Vốn trái phiếu Chính phủ đầu tư phát triển hạ tầng KT-XH; Nguồn vốn ODA đầu tư phát triển liên quan đến người nghèo, vùng nghèo. Nguồn từ đóng góp của xã hội, bao gồm: Hỗ trợ của doanh nghiệp; Quỹ Vì người nghèo.

Ban hành các chương trình gắn với nguồn lực, trong điều kiện ngân sách nhà

nước khó khăn bố trí thấp so với nhu cầu và dự toán của các chương trình, dự án; nguồn vốn huy động từ ngân sách địa phương. Theo dõi kết quả đầu ra gắn với nguồn lực được bố trí thông qua các tiêu chí cụ thể, từ đó đánh giá hiệu quả sử dụng nguồn lực. Lồng ghép, tổng hợp nguồn lực dành cho công tác giảm nghèo, xác định rõ trách nhiệm thống kê, phối hợp của các ban ngành địa phương.

1.2.3.4. Thanh tra, kiểm tra và giám sát công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

Việc tổ chức đánh giá quá trình, kết quả thực hiện là vô cùng quan trọng. Giám sát, đánh giá và báo cáo lên cấp chỉ đạo tình hình thực hiện là rất cần thiết. Các đơn vị giám sát kết quả thực hiện các chương trình điều hành của Chính phủ, giám sát các nguồn vốn được từ Nhà nước hoặc các tổ chức có được sử dụng một cách minh bạch và hiệu quả hay không. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện gắn với sơ kết, tổng kết, rút ra bài học kinh nghiệm trong công tác tổ chức triển khai Chương trình giảm nghèo, đặc biệt coi trọng vai trò của cấp cơ sở, đảm bảo sự tham gia của người dân trong việc giám sát và đánh giá.

Hàng năm, UBND quận xây dựng kế hoạch tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện giảm nghèo bền vững trên địa bàn; trong đó, nêu rõ nội dung, cách thức tổ chức kiểm tra, giám sát và phân công trách nhiệm thực hiện. Tùy tình hình, điều kiện của quận, việc kiểm tra, giám sát ở cơ sở và khảo sát thực tế trong dân được tổ chức lồng ghép các nội dung với nhau, nhằm tạo thuận lợi cho địa phương trong công tác tổ chức tiếp đoàn và phân công cán bộ dẫn đường tiếp xúc hộ dân.

Tổ chức thực hiện công tác đánh giá, báo cáo, giám sát như sau:

- Chuyên trách giảm nghèo cấp quận có nhiệm vụ tham mưu Thường trực Ban Giảm nghèo quận lập báo cáo kết quả thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững tại địa phương hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, 9 tháng và năm theo đúng quy định về chế độ thông tin báo cáo của Thành phố; để thông qua thành viên Ban Giảm nghèo thông nhất gửi cho cấp Ủy, UBND quận và Ban Giảm nghèo bền vững cấp trên, phục vụ cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý điều hành thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn quản lý.

- Thường trực Ban Giảm nghèo quận chủ động tham mưu UBND quận xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn. Triển khai thực hiện kế hoạch và hướng dẫn Ban Giảm nghèo bền vững các phường xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra, giám sát chương trình giảm nghèo gắn với kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng năm của địa phương, ban ngành, đoàn thể và theo từng chuyên đề (quản lý vốn, quản lý hộ, thực hiện chính sách…) [02, tr.58-59].

1.3. Những yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

1.3.1. Nhận thức của các cơ quan quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

Trình độ nhận thức của các cơ quan QLNN cũng như của các địa phương trong việc đề xuất, xây dựng và thực hiện chính sách, chương trình giảm nghèo bền vững là vấn đề phức tạp, chỉ có những nhận thức đúng đắn, thống nhất của các chủ thể hoạch định và thực thi chính sách mới tạo cơ sở cho việc thực hiện có hiệu chính sách trong thực tiễn. Nhận thức không thống nhất về giảm nghèo bền vững khác nhau dẫn đến cơ chế thực hiện khác nhau, mức độ quan tâm, ưu tiên khác nhau. Có những cơ quan QLNN cho rằng, tập trung ưu tiên phát triển hạ tầng cơ sở cho các vùng nghèo là điều kiện để giảm nghèo bền vững mà không hiểu rằng đó là trách nhiệm đầu tư của nhà nước. Vì vậy đã biến cơ chế đầu tư cơ sở hạ tầng theo kiểu "xin – cho" dẫn đến thất thoát, lãng phí, kém hiệu quả. Có những địa phương với những kinh nghiệm chủ quan đã sử dụng các nguồn lực bất hợp lý gây thiệt hại, thậm chí làm giảm khả năng của người nghèo tại địa phương. Quan niệm giảm nghèo bền vững cần phải được chỉ ra rõ ràng, mặc dù ở mỗi địa phương có thể có những cách làm cụ thể khác nhau, song vẫn cần phải bám sát những nội dung, tư tưởng của giảm nghèo bền vững đã được chỉ ra.

1.3.2. Năng lực tổ chức, quản lý của bộ máy nhà nước các cấp

Năng lực tổ chức, quản lý của bộ máy nhà nước các cấp đóng vai trò vô cùng quan trọng trong hoạt động giảm nghèo. Trên thực tế, hiệu lực, hiệu quả QLNN của chính quyền các cấp có nơi còn chưa đáp ứng được yêu cầu, còn nhiều hạn chế từ

công tác xây dựng, thực thi, đánh giá giảm nghèo bền vững. Công tác tổ chức, quản lý cồng kềnh và chồng chéo giữa các cơ quan ngang cấp với nhau cũng là nhân tố tác động đến mục tiêu giảm nghèo bền vững, nhưng thường bị xem nhẹ và chậm đổi mới. Tình trạng lãng phí ngày càng tăng trong quá trình đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, quá trình triển khai thực hiện các dự án KT-XH. Tình trạng tham nhũng không chỉ tác động đến chất lượng và hiệu quả phát triển mà còn trực tiếp tác động đến niềm tin của nhân dân. Năng lực tổ chức và quản lý của các cấp chính quyền địa phương đối với hoạt động giảm nghèo, giải quyết việc làm và bảo đảm an sinh xã hội vẫn còn bộc lộ nhiều khuyết điểm như vốn đầu tư cho các vùng nghèo vẫn còn thiếu, nhiều khi còn mang tính hình thức, việc tổ chức các lớp đào tạo nghề cho người nghèo thực tế vẫn tồn tại tình trạng kê khai khống số học viên nhằm rút kinh phí đào tạo. Ngoài ra, từ những hạn chế trong năng lực tổ chức, quản lý của các cấp chính quyền dẫn đến sự phối hợp của các cơ quan chức năng trong quá trình giảm nghèo có sự hạn chế. Nghèo đói là tập hợp của rất nhiều nguyên nhân khác nhau, đa chiều, đa phương diện. Vì vậy, giảm nghèo đòi hỏi sự phối hợp giữa các ngành, các cấp mới mang lại hiệu quả.

1.3.3. Chất lượng của đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo bền vững

Nguồn nhân lực là một yếu tố rất quan trọng đối với công tác giảm nghèo. Nguồn nhân lực đảm bảo thực hiện chính sách, chương trình, kế hoạch giảm nghèo là đội ngũ CBCC làm công tác giảm nghèo bền vững. Để thực hiện đồng bộ, hiệu quả hệ thống các chương trình giảm nghèo rất cần có đội ngũ CBCC có chuyên môn phù hợp, có tinh thần trách nhiệm cao, công việc phải được phân công, phân cấp rõ ràng, minh bạch từ Trung ương tới cơ sở.

1.3.4. Tư duy, ý thức của người nghèo

Một trong những nguyên nhân chính dẫn đến đói nghèo là do tính chủ động của người nghèo còn thấp, chưa tự chủ trong nắm bắt kiến thức sản xuất tân tiến, công nghệ mới, chưa quyết tâm tự thoát nghèo mà còn trông chờ, ỷ lại vào chính sách Nhà nước. Ngoài ra còn do trình độ học vấn thấp, việc làm thiếu và không ổn

định. Những người có trình độ học vấn thấp, ít cơ hội kiếm được việc làm tốt, mức thu nhập hầu như chỉ đảm bảo nhu cầu dinh dưỡng tối thiểu, do vậy không có điều kiện nâng cao trình độ của mình trong tương lai dẫn đến rơi vào cảnh nghèo và khó có cơ hội thoát nghèo. Trình độ học vấn thấp khiến người nghèo khó tiếp cận với pháp luật, chưa được bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp. Bên cạnh đó, trình độ học vấn thấp còn ảnh hưởng đến các quyết định có liên quan đến sinh đẻ, giáo dục, nuôi dưỡng con cái... nên dễ tạo một chuỗi nghèo dai dẳng. Đông con vừa là nguyên nhân vừa là hệ quả của nghèo đói. Vấn đề bệnh tật và sức khỏe kém ảnh hưởng trực tiếp đến thu nhập và chi tiêu của người nghèo làm họ rơi vào vòng luẩn quẩn của đói nghèo. Quan niệm lạc hậu, suy nghĩ an phận khiến cho một bộ phận dân cư có tư tưởng e ngại, không dám tiếp cận với các chính sách, các hoạt động cộng đồng, dẫn đến nghèo khía cạnh tham gia cộng đồng, không có tiếng nói và không bảo vệ được quyền lợi của chính mình.

1.3.5. Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế

Hội nhập kinh tế quốc tế mở rộng cơ hội thu hút nguồn lực cho giảm nghèo. Quá trình hội nhập quốc tế và khu vực đem lại những sự trợ giúp về tài chính trong giảm nghèo từ các thiết chế tài chính, tín dụng và chính phủ, các tổ chức phi chính phủ. Những nguồn lực này cùng với các chương trình mang tính trợ giúp kỹ thuật, điều kiện kết cấu hạ tâng, nâng cao dân trí… nếu được sử dụng tốt sẽ có vai trò hỗ trợ tích cực đối với giảm nghèo bền vững.

1.3.6. Cơ sở hạ tầng, kỹ thuật của quốc gia

Sự phát triển cơ sở hạ tầng là một trong những điều kiện tiên quyết để hiện thực hóa, đưa các dịch vụ xã hội cơ bản về các vùng xa xôi, hẻo lánh, giảm thiểu tình trạng nghèo đa chiều cho người dân. Cơ sở hạ tầng phát triển cũng tạo tiền đề cho sự phát triển KT-XH cho địa phương, từ đó mà người dân có cơ hội giao lưu buôn bán, phát triển kinh tế hộ, cải thiện đời sống vật chất, tình trạng nghèo đa chiều phương diện chất lượng cuộc sống cũng được hạn chế, giảm thiểu. Tuy nhiên, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa dẫn đến sự hình thành nhiều dự án, khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng được đầu tư mở rộng, vì thế nhiều diện tích đất của

người dân sẽ được thu hồi để phục vụ cho những dự án, công trình để phát triển kinh tế. Chính điều này đã làm cho nhiều hộ dân, người dân ở những nơi này bị mất đất, phải di dời đến nơi ở mới không đáp ứng được các điều kiện phát triển kinh tế gia đình, không kịp chuyển đổi nghề nghiệp hoặc không có tay nghề, phải đi làm kinh tế ở những vùng ven đô với mức thu nhập thấp, không ổn định, không có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản và phải đối mặt với rủi ro về sức khỏe, việc làm, tệ nạn xã hội nên nguy cơ rơi vào tình trạng khó khăn, nghèo đói của nhóm này rất cao.

1.4. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững ở một số quận, huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh và một số bài học rút ra có giá trị tham khảo cho quận Tân Phú

1.4.1. Kinh nghiệm quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững ở một số quận, huyện trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Trong Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 của Thành phố, phương pháp tiếp cận đa chiều đã tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản. Thành phố được chọn làm điểm để thực hiện Chương trình giảm nghèo đa chiều, sau đó rút kinh nghiệm nhân rộng ra cả nước, nên quá trình triển khai đã đạt được nhiều thành tựu đáng ghi nhận. Trong thành quả chung ấy, nổi bật là các Quận 6, quận Phú Nhuận và huyện Nhà Bè đã hoàn thành mục tiêu không còn hộ nghèo, trở thành điểm sáng thực hiện công tác giảm nghèo bền vững của Thành phố.

Điểm chung của các quận, huyện này với quận Tân Phú là đã đặt vấn đề giảm nghèo của một bộ phận nhân dân trong tổng thể kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa và xã hội. Trong đó, không dừng lại ở việc trợ vốn, học nghề, giải quyết việc làm, mà còn gắn kết với chuyển đổi cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật, xã hội, nhà ở, chính sách học phí, viện phí; tăng điều kiện tiếp cận cơ hội học tập, chữa bệnh của người nghèo.... bằng nhiều giải pháp đúng đắn, kịp thời. Tuy nhiên, mỗi quận, huyện lại có những phương pháp, giải pháp đặc trưng, sáng tạo của riêng mình để phù hợp với thực tiễn trên địa bàn, từ đó khơi dậy

ý chí tự lực, tự cường của người dân đối với việc thoát nghèo. Sự khác biệt đó được thể hiện cụ thể như sau:

1.4.1.1. Kinh nghiệm ở Quận 6

Để hoàn thành mục tiêu không còn hộ nghèo, Quận 6 đã tập trung giải quyết các chế độ và trợ giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo như trợ vốn, cấp thẻ BHYT, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, hỗ trợ về nhà ở, miễn giảm học phí, hỗ trợ học bổng, kéo giảm 05 chiều thiếu hụt dịch vụ xã hội cơ bản… cùng sự hỗ trợ hiệu quả của cộng đồng xã hội đã từng bước giúp hộ nghèo, hộ cận nghèo ổn định cuộc sống. Tính đến nay, quận đã hoàn thành mục tiêu không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo Thành phố giai đoạn 2016 - 2020 trước thời hạn; gần 1.400 hộ cận nghèo vượt chuẩn cận nghèo và 05 chỉ số xã hội còn bị thiếu hụt cơ bản hoàn thành. Đáng chú ý là, quận rất chú trọng tính bền vững trong công tác giảm nghèo bằng cách chăm lo học bổng, học nghề cho hộ nghèo. Thời gian qua, quận đã trao gần 5.200 suất học bổng với tổng số tiền hơn 5,1 tỷ đồng; cùng với đó, 116 em thuộc thành viên hộ nghèo, cận nghèo được học nghề [20, tr.40-41].

1.4.1.2. Kinh nghiệm ở quận Phú Nhuận

Tại quận Phú Nhuận, việc xác định đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người nghèo, người cận nghèo là giải pháp giảm nghèo căn cơ, bền vững. Hàng năm, 15 phường của quận thực hiện khảo sát, cập nhật trình độ tay nghề, học vấn, nhu cầu việc làm của từng thành viên hộ nghèo, cận nghèo. Trên cơ sở đó, quận Phú Nhuận đã kết nối, phối hợp với các doanh nghiệp, cơ sở dịch vụ trong và ngoài quận để giới thiệu việc làm; vận động các doanh nghiệp, cơ sở dạy nghề hoặc hoạt động dịch vụ tổ chức dạy nghề miễn phí hoặc hỗ trợ một phần chi phí đào tạo nghề. Bên cạnh đó, quận còn xây dựng được nhiều mô hình thiết thực: một tổ chức đoàn thể gắn với hộ nghèo; mỗi đại lý gạo trên địa bàn chăm lo gạo cho 01 hộ nghèo đặc biệt khó khăn; hỗ trợ hộ nghèo và vận động hộ dân dành một phần diện tích nhà cho 01 hộ nghèo bán hàng ăn… Vừa qua, Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố vừa phúc tra và xác định quận không còn hộ nghèo có thu nhập dưới 16 triệu đồng/người/năm.

1.4.1.3. Kinh nghiệm ở huyện Nhà Bè

Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Nhà Bè lần thứ 11, nhiệm kỳ 2015 - 2020, BCH Đảng bộ huyện đã ban hành Chương trình "Học chữ, học nghề, giải quyết việc làm gắn với mục tiêu giảm nghèo bền vững giai đoạn 2015 - 2020", xác định công tác giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề và giải quyết việc làm là nhiệm vụ mang tính lâu dài, trọng tâm trong công tác giảm nghèo bền vững, giúp người lao động có việc làm ổn định, nâng cao thu nhập, bảo đảm cuộc sống,. Chương trình đạt nhiều kết quả tích cực, hầu hết các chỉ tiêu đề ra đến nay đều đạt hoặc vượt theo tiến độ, tỷ lệ có việc làm sau đào tạo đạt tỷ lệ 83% (chỉ tiêu tối thiểu 80%); giải quyết việc làm vượt chỉ tiêu hằng năm. Các loại hình đào tạo ngành nghề gắn với giải quyết việc làm cho lao động ngày càng đa dạng, góp phần thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo đa chiều. Huyện cũng đã triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm nghèo như đẩy mạnh giới thiệu việc làm, hỗ trợ vốn, kỹ thuật, kinh nghiệm sản xuất, phát triển kinh tế hộ gia đình, liên kết sản xuất, đồng thời thực hiện đầy đủ các chính sách an sinh xã hội cho hộ nghèo, hộ cận nghèo. Nhờ đó, công tác giảm nghèo đạt nhiều kết quả khả quan, kéo giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 7,08% xuống còn 2,7%, toàn huyện không còn hộ gia đình chính sách nghèo.

1.4.2. Một số bài học rút ra có giá trị tham khảo cho quận Tân Phú

Qua phân tích một số kinh nghiệm nói trên, có thể rút ra cho quận Tân Phú một số bài học kinh nghiệm sau:

Thứ nhất, đổi mới cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu giảm nghèo trong quá trình đô thị hóa. Chuyển dần phương thức hỗ trợ từ cho không sang hỗ trợ có điều kiện (cho vay); từ hỗ trợ đầu vào trong sản xuất sang hỗ trợ đầu ra cho sản phẩm. Gắn phát triển KT-XH với chương trình giảm nghèo để nâng cao đời sống.

Thứ hai, xác định đúng đối tượng và nguyên nhân cụ thể dẫn đến nghèo của từng nhóm dân cư để triển khai chính sách hỗ trợ giúp đỡ phù hợp. Thường xuyên tập trung khảo sát phân loại nắm chắc về nhân khẩu, lao động, việc làm, tình hình đời sống cũng như thực trạng hộ nghèo, đảm bảo tính chính xác về hoàn cảnh, mức thu nhập từng cá nhân trong hộ; nắm bắt tâm tư nguyện vọng và những nhu cầu chủ

yếu của từng hộ để đầu tư hỗ trợ, giúp đỡ các hộ kịp thời và đeo bám theo dõi kết quả hỗ trợ, tháo gỡ những vướng mắc khó khăn của từng hộ nghèo.

Thứ ba, huy động sự tham gia của các cấp, các ngành vào công tác QLNN về giảm nghèo bền vững ở địa phương. Cấp ủy và chính quyền cần đề ra Chỉ thị, Nghị quyết cùng với sự chỉ đạo tập trung đeo bám và quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị từ quận, phường đến khu phố; phải phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các ban ngành, MTTQ và các đoàn thể từ quận, phường đến Ban vận động khu phố, tổ dân phố, tổ tự quản giảm nghèo và hộ nghèo. Đảng ủy, UBND 11 phường thường xuyên giám sát và kiểm tra tiến độ thực hiện để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc khó khăn.

Thứ tư, triển khai và thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để thực hiện công tác giảm nghèo bền vững. Cụ thể như:

- Công tác tuyên truyên vận động phải được vận dụng, lồng ghép vào nội dung thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở, cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa ", "Chương trình mục tiêu 3 giảm", chương trình chăm lo sức khỏe cộng đồng, công tác chống mù chữ và phổ cập giáo dục, chương trình "Vì người nghèo"… nhằm tạo sự quan tâm theo dõi của cộng đồng và tác động thúc đẩy tích cực đến kết quả của chương trình giảm nghèo bền vững và các phong trào khác ở địa phương. Thông qua việc tuyên truyền đến từng hộ dân để vận động hộ nghèo, cận nghèo có nếp sống tiết kiệm, tự tin, tự giác, phấn đấu tự vươn lên.
- Sắp xếp bố trí và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CBCC làm công tác giảm nghèo các cấp nhất là ở cơ sở, đảm bảo có đủ trình độ, năng lực để lãnh đạo, tổ chức thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo.
- Đặc biệt quan tâm tập trung đào tạo nghề và giải quyết việc làm bằng nhiều giải pháp cho người nghèo, trong đó chú ý đến thế mạnh và thuận lợi của từng phường, đẩy mạnh hơn nữa việc thực hiện xã hội hóa chương trình giảm nghèo. Lồng ghép các chương trình, phong trào địa phương với chương trình giảm nghèo nhằm tạo sự đồng tình ủng hộ, tham gia rộng rãi của cộng đồng đối với chương trình. Quan tâm cải thiện điều kiện sống, nâng cao mức thu nhập cũng như chất

lượng cuộc sống của hộ nghèo.

- Làm tốt công tác đối thoại giảm nghèo, tiếp nhận thông tin phản ánh của báo chí, người dân để kịp thời phát hiện và khắc phục những sai sót, khó khăn, vướng mắc trong công tác giảm nghèo. Kịp thời động viên khen thưởng những tập thể, cá nhân có thành tích tốt và các hộ nghèo có ý chí phấn đấu vươn lên thoát nghèo bền vững.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, điều tra, rà soát hộ nghèo.

Thứ năm, tranh thủ được các nguồn lực cả về mặt vật chất, vốn, kỹ thuật và kinh nghiệm. Tăng cường vai trò chủ động trong việc đề xuất lựa chọn, thi công, quản lý, giám sát đầu tư, khai thác, sử dụng các công trình cơ sở hạ tầng quy mô nhỏ và các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Phải có kế hoạch, điều hòa luân chuyển vòng quay các nguồn vốn trên địa bàn hợp lý, kịp thời. Tập trung đẩy mạnh xét duyệt cho vay vốn đảm bảo tính công bằng, khách quan, chính xác, kịp thời, mục đích vay vốn, hiệu quả khả thi của dự án và khả năng hoàn trả vốn. Đồng thời thường xuyên kiểm tra nguồn quỹ, đối chiếu giữa tồn quỹ với nguồn quỹ đang sử dụng trong dân đảm bảo quy chế quản lý quỹ.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 1

Đảng và Nhà nước quan tâm đến công tác giảm nghèo, đó là một chủ trương đúng đắn, và là một trong những mục tiêu chiến lược phát triển KT-XH của đất nước, là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu trong các quyết sách phát triển theo hướng bền vững của Đảng và Nhà nước ta. Theo đó Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách, giải pháp chương trình xóa đói giảm nghèo, rồi đến giảm nghèo bền vững, góp phần đưa hàng triệu hộ gia đình thoát khỏi đói nghèo, vươn lên làm giàu; góp phần hạn chế phân hóa giàu nghèo, thực hiện công bằng, bình đẳng và tiến bộ xã hội.

Chương 1 của Luận văn đã làm rõ một số khái niệm liên quan về giảm nghèo, giảm nghèo bền vững và QLNN về giảm nghèo bền vững. Các kiến thức ở chương 1 là nền tảng lý luận để có cơ sở nghiên cứu, đánh giá hiệu quả QLNN về giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận Tân Phú, TP.HCM tại chương 2 cũng như đề xuất giải pháp ở chương 3 của Luận văn.

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TẠI QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

2.1. Đặc điểm địa lý, dân cư và kinh tế - xã hội của quận Tân Phú

2.1.1. Đặc điểm địa lý, địa hình

Quận Tân Phú là một quận mới được thành lập ngày 02 tháng 12 năm 2003 trên cơ sở tách ra từ quận Tân Bình trước đây (theo Nghị định 130/2003/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2003 của Chính phủ) với diện tích tự nhiên là 1.597,15 ha. Địa giới hành chính quận Tân Phú bao gồm: phía Đông giáp quận Tân Bình, ranh giới là đường Trường Chinh và Âu Cơ; phía Tây giáp quận Bình Tân, ranh giới là đường Bình Long và Kênh 19 tháng 5; phía Nam giáp Quận 6, Quận 11; phía Bắc giáp Quận 12, ranh giới là Kênh Tham Lương; là cửa ngõ phía Tây Bắc Thành phố nối liền với Tây Ninh và Campuchia bằng tuyến đường Xuyên Á, đây là trục đường huyết mạch nối Thành phố Hồ Chí Minh với khu vực kinh tế trọng điểm phía Nam.

Quận Tân Phú được phân chia thành 11 đơn vị hành chính trực thuộc gồm các phường: Tân Sơn Nhì, Tây Thạnh, Sơn Kỳ, Tân Quý, Tân Thành, Phú Thọ Hòa, Phú Thạnh, Phú Trung, Hòa Thạnh, Hiệp Tân, Tân Thới Hòa. Tính đến nay, Quận có 11 phường, 68 khu phố và 1.168 tổ dân phố.

2.1.2. Đặc điểm dân cư

Dân số khi mới tách quận là 310.876 nhân khẩu và đến năm 2013, quận có dân số là 442.348 người, tăng 131.472 người, trong đó nhân khẩu tạm trú chiếm 36,06%. Tính đến năm 2018, dân số quận Tân Phú được thể hiện cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2.1. Thống kê dân số quận Tân Phú

Đơn vị: Người

STT	Tên phường	Năm 2017	Năm 2018
1	Tân Sơn Nhì	44.469	44.865
2	Tây Thạnh	62.535	63.117

STT	Tên phường	Năm 2017	Năm 2018
3	Sơn Kỳ	40.192	40.842
4	Tân Quý	69.396	69.589
5	Tân Thành	39.943	40.142
6	Phú Thọ Hòa	53.833	53.514
7	Phú Thạnh	47.655	45.098
8	Phú Trung	43.483	43.106
9	Hòa Thạnh	35.507	35.843
10	Hiệp Tân	32.265	32.086
11	Tân Thới Hòa	32.135	32.237
Tổng số		**501.413**	**500.439**

Nguồn: Chi cục Thống kê quận Tân Phú, năm 2018

Quận hiện có 127.733 hộ với 500.439 nhân khẩu. Trong đó, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn quận chủ yếu là tộc người Hoa, Chăm, Khmer. Cụ thể là 7.507 hộ (Hoa: 6.786, Chăm: 94, Khmer: 431, dân tộc khác: 196) với 28.448 nhân khẩu (Hoa: 26.558, Chăm: 192, Khmer: 1.272, dân tộc khác: 426). Nhóm tuổi đa phần là trong độ tuổi lao động từ 18 tuổi đến dưới 60 tuổi; tham gia lao động phổ thông, làm việc tại các cơ sở sản xuất - kinh doanh, buôn bán nhỏ, giúp việc tại các quán ăn; phần lớn đều sử dụng được ngôn ngữ nói và chữ viết bằng Tiếng Việt.

2.1.3. Đặc điểm kinh tế - xã hội

Có thể nói quận Tân Phú là vùng đệm quan trọng góp phần trong việc phát triển KT-XH khu vực Tây Bắc Thành phố. Thời gian mới thành lập, Tân Phú đang trong quá trình đô thị hóa, hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật chưa hoàn chỉnh; đường sá chủ yếu là đường đất, khó khăn trong giao thông. Với nền tảng ban đầu về cơ sở vật chất, điều kiện làm việc, buôn bán, sinh hoạt còn khó khăn; cơ sở sản xuất kinh

doanh vừa và nhỏ chưa có khả năng cạnh tranh cao; đa phần số lao động chưa qua đào tạo nghề; lao động tạm trú đông (chiếm trên 40%); thu nhập của người lao động thấp; số hộ nghèo biến động thường xuyên, đời sống và việc làm không ổn định dẫn đến sự chênh lệch về thu nhập; khoảng cách giữa người giàu và người nghèo ngày càng tăng, tỷ lệ người lao động thất nghiệp và hộ thuộc diện XĐGN cao.

Cho đến những năm gần đây, KT-XH phát triển đã làm thay đổi bộ mặt quận và thúc đẩy quá trình đô thị hóa, đem lại cuộc sống sung túc cho người dân. Kinh tế quận có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao; cơ cấu các ngành kinh tế chuyển dịch theo đúng định hướng tăng dần tỷ trọng các ngành thương mại - dịch vụ, giảm dần tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng. Cụ thể: lĩnh vực công nghiệp - xây dựng có giá trị sản xuất công nghiệp – xây dựng đến cuối năm 2018 (theo giá so sánh 2010) là 45.535,57 tỷ đồng, tăng 14,53% so với cùng kỳ; lịnh vực thương mại - dịch vụ có tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ là 170.496,45 tỷ đồng, tăng 25,43% so với cùng kỳ. Một số ngành thương mại - dịch vụ chất lượng cao, theo hướng hiện đại đã hình thành và có xu hướng phát triển mạnh trên địa bàn quận như: dịch vụ tài chính - ngân hàng, giáo dục - đào tạo, cửa hàng bán lẻ tiện ích, cửa hàng bán lẻ sản phẩm chuyên ngành dành cho người có thu nhập khá trở lên thuộc hệ thống chuỗi các cửa hàng, trung tâm thương mại – siêu thị. Mạng lưới thương mại - dịch vụ phát triển đều khắp trên địa bàn quận. Việc chỉnh trang, nâng cấp đô thị đã đạt được các kết quả nhất định, từng bước hình thành các Trung tâm thương mại – dịch vụ, khu vực buôn bán sầm uất thay cho các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường, các bãi xe, các cơ sở sản xuất nhỏ lẻ, manh mún trước đây, góp phần chỉnh trang đô thị, đáp ứng được nhu cầu phát triển kinh tế, chính trị, xã hội trên địa bàn quận Tân Phú, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện. Lĩnh vực văn hóa – xã hội có nhiều chuyển biến tích cực. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân được cải thiện. Các trường học đều quan tâm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, an toàn; kết hợp chặt chẽ giữa nhà trường với gia đình và xã hội; chú trọng giáo dục truyền thống, đạo đức, lối sống, pháp luật, thể chất cho học sinh. Công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ đạt kết quả theo quy định của

Trung ương và thành phố; công tác huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục có hiệu quả, hệ thống trường học ngoài công lập trên địa bàn quận tăng theo từng năm. Quận đã thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, quan tâm chăm lo cho các gia đình chính sách có mức sống ngang bằng mức sống trung bình của xã hội; công tác bảo trợ xã hội, chăm lo cho người nghèo, neo đơn; giải quyết việc làm cho người lao động... Hệ thống các cơ sở y tế, giáo dục - đào tạo công lập và ngoài công lập được phát triển rộng khắp trên địa bàn quận, đáp ứng đầy đủ nhu cầu của Nhân dân, góp phần thu hút dân cư, phát triển kinh tế. Việc nâng cao chất lượng cuộc sống người dân, bảo đảm an sinh xã hội, chăm lo đời sống cho các đối tượng nghèo, gia đình chính sách có nhiều tiến bộ.

Đặc điểm địa lý khá thuận lợi, dân cư đông đúc và đa dạng về thành phần cùng sự phát triển về KT-XH kể trên đã hỗ trợ cho công tác QLNN về giảm nghèo bền vững của quận đạt được những kết quả tích cực. Hệ thống chính trị quận, phường đã có nhiều kinh nghiệm trong việc huy động các nguồn lực, thực hiện nhiều giải pháp để chăm lo cho người nghèo. Công tác giảm nghèo đã đi vào nề nếp, tạo sự đồng thuận và chuyển biến nhận thức trong xã hội, bản thân hộ nghèo tự phấn đấu vươn lên trong cuộc sống, biết tiết kiệm trong chi tiêu, biết tích lũy, tự nâng cao tay nghề lao động, học vấn… Bên cạnh hình thức trợ vốn, quận còn thực hiện nhiều hình thức an sinh xã hội khác như: BHYT, giáo dục, cấp học bổng cho học sinh nghèo, phương tiện sinh hoạt, đi làm, đi học, các dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng về cải thiện môi trường, điều kiện sinh hoạt nhà ở cho hộ nghèo, đặc biệt là trợ cấp thường xuyên hàng tháng… góp phần quan trọng trong việc tạo điều kiện cho hộ nghèo từng bước ổn định thu nhập và vươn lên thoát nghèo, có cuộc sống ổn định và bền vững hơn. Công tác giảm nghèo bền vững được quận tập trung chỉ đạo thực hiện bằng nhiều giải pháp cụ thể và đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Kết thúc năm 2018, công tác giảm nghèo của quận đạt dấu mốc quan trọng khi chỉ qua ba năm (2016 – 2018) đã có 1.100 hộ vượt chuẩn nghèo và 1.164 hộ vượt chuẩn cận nghèo. Quận đã hoàn thành mục tiêu cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo Thành phố giai đoạn 2016 – 2010 trước hai năm.

Bên cạnh những kết quả tích cực, đặc điểm dân cư và một số hạn chế của nền KT-XH đã gây khó khăn, làm ảnh hưởng đến công tác QLNN về giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận Tân Phú như:

- Đời sống của một bộ phận dân cư còn khó khăn, lao động thiếu việc làm còn lớn, trình độ dân trí và chất lượng nguồn lao động còn thấp. Bên cạnh đó là tình trạng nhập cư chiếm gần 45% dân số quận đã nổi lên nhiều vấn đề bức xúc như: Tạo việc làm cho người lao động, y tế, giáo dục, tệ nạn xã hội và tội phạm diễn biến phức tạp.
- Đời sống kinh tế của đồng bào dân tộc thiểu số ở một số phường vẫn còn khó khăn, việc làm không ổn định đã phần nào ảnh hưởng đến điều kiện kinh tế gia đình. Bên cạnh đó, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn quận sống không tập trung, một số ít đồng bào dân tộc thiểu số ít quan tâm đến các sinh hoạt chính trị - xã hội ở địa phương, do đó việc tổ chức triển khai chương trình giảm nghèo bền vững tại địa phương có hạn chế nhất định.
- Một số hộ nghèo tuy đã vượt chuẩn nhưng mức thu nhập và việc làm chưa ổn định, đa phần thuộc diện cận chuẩn nghèo, dễ dẫn đến tình trạng tái nghèo do những biến động của xã hội. Việc kéo giảm 05 chiều xã hội còn nhiều khó khăn, thách thức.
- Hệ thống kết cấu hạ tầng của quận thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển trong thời điểm hiện tại và tương lai, do còn hạn chế ở mặt giao thông đối ngoại vì các tuyến đường giao thông trục do thành phố quản lý chưa được đầu tư nâng cấp mở rộng, một số công trình cấp thiết chưa được đầu tư, ảnh hưởng đến quá trình QLNN về giảm nghèo bền vững. Nguyên nhân chủ yếu do nguồn lực đầu tư vào các công trình hạ tầng lớn của quận chủ yếu dựa vào nguồn vốn ngân sách nhà nước, chưa phát huy được nguồn vốn xã hội hóa.
- Còn tồn đọng các điểm nguy cơ gây dịch bệnh truyền nhiễm (cúm gia cầm, sốt xuất huyết, tay chân miệng…), không phát hiện kịp thời để xử lý sớm, làm tăng nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân, là một trong những nguyên nhân

làm gia tăng tình trạng nghèo đói (làm hao mòn sức lao động, tốn kém chi phí chữa bệnh…).

- Việc thu hút đầu tư để thực hiện các khu phức hợp, các dự án chỉnh trang đô thị theo quy hoạch chưa hiệu quả, chậm triển khai thực hiện. Tình trạng dự án "treo", chưa khai thác được nguồn lực đất đai đang bị sử dụng kém hiệu quả, không đúng mục đích nên chưa tạo được động lực để phát huy hết tiềm năng, thế mạnh của quận, làm ảnh hưởng đến hiệu quả QLNN về giảm nghèo bền vững.

- Ngành thương mại - dịch vụ nhiều về số lượng đơn vị tham gia nhưng nhìn chung quy mô đầu tư nhỏ, vốn ít. Thiếu chính sách hỗ trợ để đẩy mạnh việc xây dựng các tuyến đường chuyên doanh; chưa phát huy được hiệu quả kinh tế, chưa đóng góp nhiều vào nâng cao chất lượng công tác QLNN về giảm nghèo bền vững của quận. Ngành du lịch có rất ít sản phẩm du lịch có khả năng hấp dẫn du khách.

2.2. Thực trạng thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận Tân Phú

Căn cứ Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của UBND Thành phố về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020, tiêu chí đánh giá chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo được áp dụng tại quận Tân Phú giai đoạn 2016 – 2018 như sau:

- Hộ nghèo: được chia thành 03 nhóm, cụ thể:

+ Nhóm 1: Là hộ dân có thu nhập bình quân từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên.

+ Nhóm 2: Là hộ dân có thu nhập bình quân từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) dưới 40 điểm (từ 0-35 điểm).

+ Nhóm 3 (chia thành 02 nhóm):

● Hộ nghèo nhóm 3a: Là hộ dân có thu nhập bình quân trên 21 triệu đồng/người/năm đến 28 triệu đồng/người/năm và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên.

● Hộ nghèo nhóm 3b: là hộ dân có thu nhập bình quân trên 28 triệu đồng/người/năm và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên.

- Hộ cận nghèo: Là những hộ dân có thu nhập bình quân từ trên 21 triệu đồng/người/năm đến 28 triệu đồng/người/năm và có tổng số điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo dưới 40 điểm (từ 0 đến 35 điểm).

Ngày 15 tháng 3 năm 2019, UBND Thành phố ban hành Quyết định số 07/2019/QĐ-UBND về sửa đổi, bổ sung Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 của UBND Thành phố về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020, tiêu chí đánh giá chuẩn hộ nghèo và hộ cận nghèo được áp dụng hiện nay tại quận Tân Phú như sau:

- Hộ nghèo: được chia thành 03 nhóm, cụ thể:

+ Nhóm 1: Là hộ dân có thu nhập bình quân từ 28 triệu đồng/người/năm trở xuống và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên.

+ Nhóm 2: Là hộ dân có thu nhập bình quân từ 28 triệu đồng/người/năm trở xuống và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) dưới 40 điểm (từ 0 đến 35 điểm).

+ Nhóm 3 (chia thành 02 nhóm):

● Hộ nghèo nhóm 3a: Là hộ dân có thu nhập bình quân trên 28 triệu đồng/người/năm đến 36 triệu đồng/người/năm và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên.

● Hộ nghèo nhóm 3b: Là hộ dân có thu nhập bình quân trên 36 triệu đồng/người/năm và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) từ 40 điểm trở lên.

- Hộ cận nghèo: Là hộ dân có thu nhập bình quân trên 28 triệu đồng/người/năm đến 36 triệu đồng/người/năm và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) dưới 40 điểm (từ 0 đến 35 điểm).

Dựa vào các quy định trên của Thành phố, Quận đã tiến hành điều tra, khảo

sát hộ nghèo và hộ cận nghèo trên địa bàn quận. Qua đó tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo qua từng giai đoạn được thống kê cụ thể như sau:

2.2.1. Về tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo

**** Hộ nghèo:***

- Giai đoạn 2016 – 2018 toàn quận có 1.072 hộ nghèo, bao gồm hộ nghèo giai đoạn 2014 - 2015 chuyển sang là 409 hộ, hộ cận nghèo 96 hộ và phát sinh mới 567 hộ, tỷ lệ 1,09%, so với hộ dân toàn quận là 98.796 (nghèo nhóm 1: 116 hộ; nghèo nhóm 2: 857 hộ; nghèo nhóm 3: 99 hộ và 866 hộ cận nghèo, tỷ lệ 0,9%). 11 phường đã tiến hành rà soát bổ sung hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2016 – 2018 (đợt 2 - tại thời điểm 01/8/2016), qua đó bổ sung 28 hộ nghèo và 38 hộ cận nghèo. Tổng số hộ nghèo giai đoạn 2016 - 2018 có thu nhập từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống là 1.072 hộ. Năm 2016, đã nâng mức thu nhập trên 21 triệu đồng/người/năm và kéo giảm các chiều thiếu hụt xã hội là 305/215/1.072 hộ, đạt 141,86% so với kế hoạch. Trong đó, nghèo nhóm 1: 24 hộ, nghèo nhóm 2: 267 hộ, nghèo 3a: 09 hộ, nghèo 3b: 05 hộ (205 hộ chuyển sang hộ cận nghèo và 100 hộ nghèo vượt trên chuẩn cận nghèo). Đặc biệt năm 2016, 11 phường đã nâng thu nhập, xóa các chiều nghèo xã hội và đưa ra khỏi chương trình diện hộ nghèo thuộc diện chính sách có công là 28/30 hộ nghèo, đạt tỷ lệ 93,33%. Số hộ nghèo toàn quận còn lại là 767 hộ *(xem phụ lục 1)*.

- Đến năm 2017, tổng số hộ nghèo có thu nhập từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống là: 795 hộ (tính cả 28 hộ nghèo bổ sung đợt 2). Năm 2017, đã nâng mức thu nhập trên 21 triệu đồng/người/năm và kéo giảm các chiều thiếu hụt xã hội là 449/400/795 hộ (trong đó có 45 hộ bán nhà, chết và hộ thuê nhà ở chuyển đi nơi khác) đạt 112,25% so với kế hoạch. Trong đó: nghèo nhóm 1: 38 hộ, nghèo nhóm 2: 345 hộ, nghèo 3a: 44 hộ, nghèo 3b: 22 hộ (có 292 hộ chuyển sang hộ cận nghèo). Số hộ nghèo toàn quận còn lại là 346 hộ. Toàn quận không còn hộ nghèo diện chính sách có công *(xem phụ lục 2)*.

- Đầu năm 2018, tổng số hộ nghèo có thu nhập từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống là: 346 hộ, tỷ lệ 0,35% (so với tổng số hộ dân là 98.796**)**, đã nâng mức

thu nhập trên 21 triệu đồng/người/năm và kéo giảm các chiều thiếu hụt xã hội là 346/346 hộ, đạt 100% so với kế hoạch. Trong đó: nghèo nhóm 1: 08 hộ, nghèo nhóm 2: 315 hộ, nghèo 3a: 19 hộ, nghèo 3b: 04 hộ (có 278 hộ chuyển sang hộ cận nghèo và 68 hộ nghèo vượt ra khỏi chương trình) *(xem phụ lục 3)*. Tính từ đầu chương trình giai đoạn 2016 – 2018, đã nâng mức thu nhập cho hộ có thu nhập từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống là 1.100/1.100 hộ đạt 100% [42, tr.11-12].

- Tổng số hộ nghèo từ thời điểm 01/01/2019 có 419 hộ nghèo nhóm 2 có thu nhập bình quân từ 28 triệu đồng/người/năm trở xuống và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) dưới 40 điểm (từ 0 đến 35 điểm), chiếm tỷ lệ 0,33% so với hộ dân toàn quận là 128.382 hộ, trong đó:

+ Hộ thường trú: 350 hộ, với 1.431 nhân khẩu;

+ Hộ tạm trú: 69 hộ, với 261 nhân khẩu *(xem phụ lục 9)*.

+ Hộ nghèo là người dân tộc thiểu số có 54/419 hộ, chiếm tỷ lệ 12,89% (trong đó: nhóm 1: 00 hộ; nhóm 2: 54 hộ; nhóm 3a, 3b: 00 hộ).

**** Hộ cận nghèo:***

- Tổng số hộ cận nghèo giai đoạn 2016 – 2018 có thu nhập trên 21-28 triệu đồng/người/năm trở xuống là 866 hộ. Năm 2016 nâng mức thu nhập trên 28 triệu đồng/người/năm và kéo giảm các chiều thiếu hụt xã hội là 145/87/866 hộ đạt 189,66% so với kế hoạch. Trong đó nâng thu nhập và xóa chiều nghèo xã hội 02/18 hộ cận nghèo thuộc diện chính sách có công đạt 11,11%. Số hộ cận nghèo còn lại là 926 hộ (trong đó có 205 hộ nghèo nâng thu nhập chuyển sang hộ cận nghèo).

- Đầu năm 2017, tổng số hộ cận nghèo có thu nhập trên 21-28 triệu đồng/người/năm trở xuống là 965 hộ (tính cả 38 hộ cận nghèo bổ sung đợt 2 và tăng 01 hộ phường Phú Trung), đã nâng mức thu nhập trên 28 triệu đồng/người/năm và kéo giảm các chiều thiếu hụt xã hội là 482/405/965 hộ đạt 119,01% so với kế hoạch. Đặc biệt, 11 phường đã nâng thu nhập, xóa các chiều nghèo xã hội và đưa ra khỏi chương trình diện hộ cận nghèo thuộc diện chính sách có công là 45/46 hộ cận nghèo, đạt tỷ lệ 97,83%. Số hộ cận nghèo toàn quận còn lại là 775 hộ (trong đó có 292 hộ nghèo nâng thu nhập chuyển sang hộ cận nghèo).

- Đầu năm 2018, tổng số hộ cận nghèo có thu nhập trên 21-28 triệu đồng/người/năm trở xuống là 775 hộ, đã nâng mức thu nhập trên 28 triệu đồng/người/năm, kéo giảm các chiều thiếu hụt xã hội là 537/504/775 hộ đạt 106,55% so với kế hoạch. Số hộ cận nghèo toàn quận còn lại là 516 hộ (trong đó 278 hộ nghèo nâng thu nhập chuyển sang hộ cận nghèo). Toàn quận không còn hộ cận nghèo diện chính sách có công [42, tr.12-13].

- Tổng số hộ cận nghèo từ thời điểm 01/01/2019 có thu nhập trên 28 - 36 triệu đồng/người/năm và có điểm thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) dưới 40 điểm (từ 0 đến 35 điểm) là: 536 hộ, chiếm tỷ lệ 0,42%, trong đó:

+ Hộ thường trú: 476 hộ, với 2.091 nhân khẩu;

+ Hộ tạm trú: 60 hộ, với 236 nhân khẩu *(xem phụ lục 10)*.

+ Hộ cận nghèo là người dân tộc thiểu số có 91/536 hộ, chiếm tỷ lệ 16,98%.

2.2.2. Nguyên nhân gây ra nghèo đói

Kết quả điều tra của Phòng LĐ-TB&XH quận Tân Phú giai đoạn 2016 – 2018 cho thấy các nguyên nhân gây ra nghèo đói tại quận Tân Phú như sau:

- Thiếu vốn: 70-90% tổng số hộ được điều tra.
- Đông con: 50-60% tổng số hộ được điều tra.
- Rủi ro, ốm đau: 10-15% tổng số hộ được điều tra.
- Thiếu kinh nghiệm làm ăn: 40-50% tổng số hộ được điều tra.
- Neo đơn, thiếu lao động: 6-15% tổng số hộ được điều tra.
- Lười lao động, ăn chơi hoang phí: 5-6% tổng số hộ được điều tra.
- Mắc tệ nạn xã hội: 2-3% tổng số hộ được điều tra [43, tr.06].

Bên cạnh đó, sự phát triển KT-XH góp sức rất lớn cho công tác QLNN về giảm nghèo của quận nhưng cũng chính sự phát triển đó đã phát sinh nhiều nhân tố gây ảnh hưởng đến công tác này. Sự phát triển KT-XH dẫn đến làm gia tăng tỷ lệ dân nhập cư. Gia tăng dân số đồng nghĩa gia tăng nhu cầu việc làm, nhu cầu nhà ở, dịch vụ công ích, làm quá tải trường học, bệnh viện, phát sinh nhiều tệ nạn xã hội, ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội. Những điều này sẽ tác động không nhỏ đến người nghèo và cận nghèo, làm họ khó thoát nghèo và dễ bị tái nghèo cao.

2.2.3. Kết quả thực hiện mục tiêu giảm nghèo

Từ năm 2016 đến nay, Quỹ XĐGN đã trợ vốn cho 572 hộ nghèo với tổng số tiền gần 14,2 tỷ đồng để tổ chức sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, trang bị phương tiện đi làm, buôn bán. Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm cũng phát vay hơn 57,5 tỷ đồng và giải quyết cho 1.763 lao động có công ăn việc làm ổn định; chương trình cho vay học sinh, sinh viên phát vay cho 361 lượt với tổng số tiền hơn 3 tỷ đồng, giúp các em học sinh, sinh viên nghèo có điều kiện học tập nâng cao trình độ. Hoàn thành cấp thẻ BHYT cho hộ nghèo nhóm 3b và nhóm 1, 2 đảm bảo đạt 100%; 100% các hộ nghèo, hộ cận nghèo được sử dụng nước sạch, được sử dụng viễn thông và tài sản tiếp cận thông tin [42, tr.07].

Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm (Quỹ 61): Từ năm 2016 đến nay đã thực hiện phát vay hơn 57 tỷ đồng và giải quyết cho trên 1.700 lao động có công ăn việc làm ổn định. Chương trình cho vay học sinh, sinh viên đã phát vay cho hơn 360 lượt em với tổng số tiền trên 3 tỷ đồng giúp các em nghèo có điều kiện học tập nâng cao trình độ [42, tr.07]. Bên cạnh hình thức trợ vốn, quận Tân Phú thực hiện nhiều hình thức chăm lo về mặt xã hội khác như cấp thẻ BHYT, miễn giảm học phí, cấp học bổng cho học sinh nghèo, thực hiện các dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng về cải thiện môi trường, điều kiện sinh hoạt cho hộ nghèo... Từ đó tạo điều kiện cho hộ nghèo từng bước ổn định thu nhập và vươn lên thoát nghèo.

Bên cạnh đó, quận đã có các giải pháp chính sách an sinh xã hội kịp thời góp phần ổn định, đảm bảo cuộc sống nhân dân trên địa bàn như công tác thường xuyên hỗ trợ, chi trợ cấp đột xuất cho các hộ nghèo của Ủy ban MTTQViệt Nam quận, Hội Liên hiệp Phụ nữ quận, Quận Đoàn và các cấp, các ngành về trợ cấp BHYT, phương tiện đi lại, phương tiện làm ăn, hỗ trợ các chị em phụ nữ nghèo vay vốn, hướng dẫn cách thức làm ăn, cũng hỗ trợ cho các thanh niên nghèo trên địa bàn quận như giới thiệu việc làm, hướng dẫn học nghề, xuất khẩu lao động… đã tạo điều kiện cho những đối tượng nghèo có cơ sở cũng như chỗ dựa vững chắc thoát nghèo căn cơ và bền vững hơn. Đặc biệt là sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của người nghèo, qua các giai đoạn, các hộ nghèo đã biết tích lũy, chịu khó đầu tư vào sản

xuất kinh doanh, hỗ trợ con em học tập, lối sống, nếp sống đã được cải thiện đáng kể góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của Đảng bộ quận đề ra.

Năm 2016, đã nâng mức thu nhập trên 21 triệu đồng/người/năm và kéo giảm các chiều thiếu hụt xã hội là 305/215/1.072 hộ. Đến năm 2017, tổng số hộ nghèo có thu nhập từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống là 795 hộ. Năm 2017, đã nâng mức thu nhập trên 21 triệu đồng/người/năm và kéo giảm các chiều thiếu hụt xã hội là 449/400/795 hộ. Năm 2018, tổng số hộ nghèo có thu nhập từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống là 346 hộ, đã nâng mức thu nhập trên 21 triệu đồng/người/năm và kéo giảm các chiều thiếu hụt xã hội là 346/346 hộ. Tính đến nay, đã nâng mức thu nhập cho hộ có thu nhập từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống là 1.100/1.100 hộ đạt 100%, hoàn thành mục tiêu không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo Thành phố giai đoạn 2016 - 2020. Việc hoàn thành mục tiêu giảm nghèo không chỉ đơn thuần về mặt an sinh xã hội, mà còn mang ý nghĩa rất lớn về chính trị và KT-XH.

2.3. Thực trạng hoạt động quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú

Trong thời gian qua, công tác QLNN về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú đã gặp nhiều khó khăn và thách thức. Nhưng nhờ sự nỗ lực, đầu tư và huy động tối đa các nguồn lực từ các ban ngành và đoàn thể, công tác QLNN về giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận đã đạt được những kết quả đáng khích lệ. Những kết quả đó đã củng cố niềm tin của nhân dân với chính quyền, tăng cường sự đoàn kết trong các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận ngày càng cao trong xã hội. Phần thực trạng sau đây sẽ phân tích cụ thể về các kết quả nói trên:

2.3.1. Tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách và xây dựng các chương trình, kế hoạch về giảm nghèo bền vững

2.3.1.1. Hướng dẫn và tổ chức triển khai các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược, chính sách về giảm nghèo bền vững

Công tác hướng dẫn, tổ chức thực thi các văn bản quy phạm pháp luật và chính về giảm nghèo bền vững đã được quận chỉ đạo tập trung thực hiện mạnh mẽ.

Theo đó các cấp ủy, chính quyền địa phương, các cơ quan có trách nhiệm đều chủ động xây dựng kế hoạch, hợp tác khá nhịp nhàng, chặt chẽ trong các hoạt động phối hợp thực hiện công tác tuyên truyền; tổ chức các hội nghị quán triệt mục đích, ý nghĩa, tầm quan trọng về nội dung của các văn bản chỉ đạo cũng như các chính sách về giảm nghèo bền vững đến cộng đồng, doanh nghiệp và các đối tượng thụ hưởng chính sách là các hộ nghèo, hộ cận nghèo trên toàn địa bàn quận, như:

- Nghị quyết số 80/NQ-CP của Chính phủ ngày 19 tháng 5 năm 2011 về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ năm 2011 đến năm 2020.
- Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội ngày 24 tháng 6 năm 2014 về đẩy mạnh mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020.
- Quyết định số 2324/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2014 về kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13 của Quốc hội.
- Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020, trong đó có chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững.
- Chính sách tín dụng đối với hộ nghèo (Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trong Chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo; Quyết định số 157/2007/QĐ-CP ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên; Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23 tháng 02 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo).
- Chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở (Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2008 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở; Quyết định số 67/2010/QĐ- TTg ngày 29 tháng 10 năm 2010 về bổ sung thêm đối tượng là các hộ nghèo, có khó khăn về nhà ở).
- Chính sách hỗ trợ y tế cho người nghèo (Quyết định số 538/2013/QĐ-TTg ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án thực hiện lộ trình tiến tới BHYT toàn dân giai đoạn 2012 - 2015 và đến 2020; Quyết định số 705/QĐ-TTg ngày 08 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về nâng mức hỗ

trợ đóng thẻ BHYT cho một số đối tượng người thuộc hộ cận nghèo; Nghị định số 105/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều Luật BHYT; Thông tư số 41/2014/TTLT- BYT-BTC ngày 24 tháng 11 năm 2014 của Bộ Y tế - Bộ Tài chính về hướng dẫn thực hiện BHYT).

- Chính sách hỗ trợ giáo dục cho người nghèo (Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ từ năm học 2015-2016 đến năm học 2020-2021).

- Chính sách hỗ trợ đất sản xuất, nước sinh hoạt (Quyết định số 755/QĐ-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chính sách hỗ trợ đất sản xuất, đất ở, nước sinh hoạt cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo và hộ nghèo ở xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn).

- Chính sách hỗ trợ về trợ giúp pháp lý cho người nghèo (Quyết định số 32/2016/QĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2016 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ pháp lý nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết pháp luật cho người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số tại các huyện nghèo giai đoạn 2011 - 2020; Quyết định số 678/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược phát triển trợ giúp pháp lý ở Việt Nam đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; Luật trợ giúp pháp lý có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018).

- Quyết định số 1614/QĐ-TTg ngày 15 tháng 09 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án tổng thể "chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020".

- Quyết định số 59/QĐ-TTg ngày 05 tháng 01 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành chuẩn nghèo đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020.

Bên cạnh đó, UBND quận cũng đã triển khai và vận dụng tốt các quy định, chủ trương, chính sách về giảm nghèo bền vững của Thành phố sao cho phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Từ năm 2012 đến năm 2015, dự án "Hỗ trợ giảm nghèo đa chiều khu vực đô thị TP.HCM" đã triển khai các công việc nghiên cứu, thử nghiệm áp dụng phương pháp nghèo đa chiều trên địa bàn thành phố, kết

quả nghiên cứu và thử nghiệm đã cho thấy sự cần thiết, tính khả thi và kinh nghiệm cho việc áp dụng phương pháp nghèo đa chiều vào chương trình giảm nghèo của thành phố. Kết quả nghiên cứu và thử nghiệm phương pháp nghèo đa chiều của Thành phố cũng đóng góp vào việc xây dựng Đề án tổng thể "Chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016-2020" do Bộ LĐ-TB&XH xây dựng và đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định 1614/QĐ-TTg ngày 15 tháng 09 năm 2015. Đến cuối năm 2015, HĐND Thành phố khóa VIII, kỳ họp thứ 20 đã thông qua Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND về Chương trình giảm nghèo bền vững của TP.HCM giai đoạn 2016 - 2020 và UBND Thành phố đã ra Quyết định số 58/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố áp dụng cho giai đoạn 2016 - 2020 theo đó chuẩn nghèo của thành phố sẽ kết hợp tiêu chí thu nhập và tiêu chí 5 chiều xã hội. Nhằm đánh giá thực trạng nghèo của thành phố, đo lường mức độ thiếu hụt về thu nhập và các chiều nghèo xã hội, lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2016-2020 làm căn cứ cơ sở cho việc hoạch định và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, an sinh xã hội và các chính sách KT-XH của thành phố giai đoạn 2016-2020, ngày 23 tháng 02 năm 2016 UBND Thành phố đã ban hành Kế hoạch số 640/KH-UBND về khảo sát lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố giai đoạn 2016-2020. Ngày 12 tháng 7 năm 2016, UBND thành phố đã ra Quyết định về phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững của Thành phố giai đoạn 2016-2020. Theo Quyết định này thành phố tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo, không để tái nghèo, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục-đào tạo, y tế, việc làm, BHXH, nhà ở, điều kiện sống và thông tin). Căn cứ trên kết quả khảo sát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 và các văn bản chỉ đạo của UBND thành phố về triển khai Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020, Ban Giảm nghèo quận, huyện và phường, xã phải tiến hành xây dựng kế hoạch giảm nghèo cho địa phương giai đoạn 2016-2020 theo phương pháp đa chiều.

Như vậy, với địa bàn cấp quận, chấp hành chủ trương của Nhà nước và định hướng của Chính phủ, Thành phố, việc triển khai thực hiện các mục tiêu giảm nghèo bền vững được cụ thể hóa. Việc tổ chức thực hiện tại địa bàn quận luôn thống nhất với các quy định, quy chuẩn của Thành phố.

2.3.1.2. Xây dựng các chương trình, kế hoạch giảm nghèo bền vững

Quận ủy và UBND quận Tân Phú đã căn cứ các chủ trương, chính sách giảm nghèo bền vững của Thành ủy, UBND Thành phố và căn cứ vào tình hình phát triển KT-XH của quận để ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện QLNN về giảm nghèo bền vững. Quận ủy, UBND quận Tân Phú đã chỉ đạo 11/11 phường tập trung xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể phù hợp với từng địa bàn phường và triển khai đến các chi bộ, khu phố, tổ dân phố. Các ban ngành, đoàn thể có sự phối hợp trong việc chăm lo, hỗ trợ cho các hộ nghèo bằng những chương trình, mô hình riêng, có hiệu quả. Đối với các đoàn thể ngoài trách nhiệm được phân công còn chịu trách nhiệm trực tiếp chăm lo hỗ trợ hộ nghèo là hội viên, đoàn viên của tổ chức mình. UBND quận Tân Phú đã ban hành và triển khai nhiều văn bản hỗ trợ cho công tác giảm nghèo như sau:

- Công văn số 1971/BGVBV ngày 10 tháng 8 năm 2016 của Ban Giảm nghèo bền vững quận về việc triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững thành phố giai đoạn 2016 – 2020 và Công văn số 2092/BGNBV ngày 24 tháng 8 năm 2016 của Ban Giảm nghèo bền vững quận về việc rà soát danh sách các đối tượng diện hộ nghèo khó khăn đặc biệt nhận trợ cấp hàng tháng.
- Công văn số 2239/BGNBV ngày 13 tháng 9 năm 2016 của Thường trực Ban Giảm nghèo quận về việc tổ chức khảo sát bổ sung lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố giai đoạn 2016 – 2020.
- Kế hoạch số 212/KH-BGNBV ngày 19 tháng 9 năm 2016 của Ban Giảm nghèo bền vững quận về kiểm tra thực hiện Chương trình Giảm nghèo năm 2016.
- Chương trình số 04/CTr-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2016 của UBND quận về giảm nghèo bền vững của quận Tân Phú giai đoạn 2016 – 2020.

- Kế hoạch số 242/KH-UBND ngày 13 tháng 10 năm 2016 của UBND quận về thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận năm 2016.
- Quyết định số 4978/QĐ-UBND ngày 21 tháng 12 năm 2016 của UBND quận về giao chỉ tiêu dự toán thu – chi ngân sách Nhà nước năm 2017.
- Quyết định số 769/QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2017 của UBND quận về ban hành kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển KT-XH, ngân sách quận và chương trình công tác của UBND quận năm 2017.
- Kế hoạch số 27/KH-UBND ngày 07 tháng 02 năm 2017 của UBND quận về phát động phong trào thi đua thực hiện Chương trình Giảm nghèo bền vững của quận giai đoạn 2016 – 2020.
- Kế hoạch số 31/KH-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2017 của UBND quận thực hiện thí điểm giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận giai đoạn 2016 - 2020.
- Kế hoạch số 43/KH-UBND ngày 28 tháng 02 năm 2017 của UBND quận về hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng trên địa bàn quận Tân Phú giai đoạn 2016 – 2020.
- Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 20 tháng 4 năm 217 của UBND quận về thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận năm 2017.
- Kế hoạch số 101/KH-BGNBV ngày 03 tháng 5 năm 2017 của Ban Giảm nghèo bền vững quận về kiểm tra, giám sát kết quả giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 đối với 05 phường (Tây Thạnh, Tân Quý, Phú Thọ Hòa, Phú Trung và Hòa Thạnh) trên địa bàn quận Tân Phú năm 2017.
- Kế hoạch số 155/KH-BGNBV ngày 28 tháng 6 năm 2017 của Ban giảm nghèo bền vững quận Tân Phú về việc tổ chức phúc tra hộ nghèo, cận nghèo của 02 phường (Sơn Kỳ và Hiệp Tân) năm 2016 và năm 2017.
- Kế hoạch số 208/KH-BGNBV ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Ban giảm nghèo bền vững quận Tân Phú về việc tổ chức phúc tra hộ nghèo, cận nghèo của 09 phường (Tân Sơn Nhì, Tây Thạnh, Tân Quý, Tân Thành, Phú Thọ Hòa, Phú Thạnh, Phú Trung, Hòa Thạnh và Tân Thới Hòa) năm 2016 và năm 2017.

- Báo cáo số 3236/BC-BGNBV ngày 14 tháng 11 năm 2017 của Ban giảm nghèo bền vững quận Tân Phú về kết quả phúc tra hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2016 và năm 2017 của 11 phường trên địa bàn quận Tân Phú.

- Báo cáo số 352/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2017 của UBND quận Tân Phú về kết quả 02 năm (2016 – 2017) thực hiện Chương trình số 04/CTr-UBND của UBND quận về Chương trình Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020 và Công văn số 1677/UBND-VX ngày 06 tháng 12 năm 2017 về điều chỉnh số liệu báo cáo kết quả 02 năm (2016 - 2017) thực hiện Chương trình số 04/CTr-UBND của UBND quận.

- Công văn số 1369/UBND-VX ngày 02 tháng 10 năm 2017 của UBND quận Tân Phú về tiếp tục thực hiện Chương trình hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo quận Tân Phú giai đoạn 2016 – 2020.

- Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018 của UBND quận về thực hiện Chương trình Giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận năm 2018.

- Kế hoạch số 161/KH-BGNBV ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Ban Giảm nghèo bền vững quận về việc Tổ chức phúc tra hộ nghèo, cận nghèo phường Phú Thạnh giai đoạn 2016 – 2020.

- Kế hoạch số 173/KH-BGNBV ngày 22 tháng 6 năm 2018 của Ban Giảm nghèo bền vững quận về việc Tổ chức kiểm tra việc quản lý và sử dụng các nguồn Quỹ cho vay giải quyết việc làm (Quỹ 61), Quỹ XĐGN (Quỹ 140), Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố (Quỹ 34) và tình hình kết toán quỹ XĐGN.

- Kế hoạch số 181/KH-BGNBV ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Ban Giảm nghèo bền vững quận về việc Tổ chức phúc tra hộ nghèo, cận nghèo 10 phường (Tân Sơn Nhì, Tây Thạnh, Sơn Kỳ, Tân Quý, Tân Thành, Phú Thọ Hòa, Phú Trung, Hòa Thạnh, Hiệp Tân và Tân Thới Hòa) giai đoạn 2016 – 2020.

- Kế hoạch số 254/KH-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2018 của UBND quận về việc tổ chức tiếp Đoàn Thành phố về phúc tra quận Tân Phú không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo Thành phố giai đoạn 2016 – 2020.

- Kế hoạch số 255/KH-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2018 của UBND quận về việc tổ chức Hội nghị Sơ kết 03 năm (2016 – 2018) thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020.
- Tổ chức ký kết Kế hoạch liên tịch số 109/KHLT-UBND-MTTQ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn quận Tân Phú đến năm 2020 giữa UBND quận Tân Phú và Ủy ban MTTQ Việt Nam quận Tân Phú.

Bên cạnh đó, UBND quận chỉ đạo cơ quan thường trực Ban Giảm nghèo bền vững quận (Phòng LĐ-TB&XH) thường xuyên theo dõi, đôn đốc, nhắc nhở Ban Giảm nghèo bền vững 11 phường xây dựng kế hoạch, đề ra nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, thiết thực nhằm thực hiện công tác giảm nghèo đạt hiệu quả cao nhất theo kế hoạch đề ra. Ban Giảm nghèo bền vững 11 phường đều có tham mưu Đảng ủy phường xây dựng Nghị quyết chuyên đề của Đảng ủy về lãnh đạo thực hiện công tác giảm nghèo năm 2018, từ đó UBND 11 phường xây dựng kế hoạch thực hiện công tác giảm nghèo trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch hàng năm của quận giao.

Công tác xây dựng và ban hành các quyết định, kế hoạch và văn bản hướng dẫn của các cấp liên quan đến thực hiện chương trình giảm nghèo phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương. Việc cơ cấu các thành phần đơn vị có liên quan để thực hiện giảm nghèo đa chiều là một giải pháp thiết thực, gắn với vai trò, nhiệm vụ của từng đơn vị, đảm bảo đồng bộ trong thực hiện giảm nghèo đa chiều. Từng ngành, đoàn thể đã phát huy được vai trò tham mưu, đề xuất các giải pháp giảm nghèo, gắn với nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị.

2.3.1.3. Các hình thức tuyên truyền về giảm nghèo bền vững

Quận đã thực hiện tuyên truyền bằng nhiều hình thức phong phú, đa dạng, thu hút được sự chú ý của các tầng lớp nhân dân như: đăng tin trên website của quận và bản tin của 11 phường; các hoạt động truyền thông về giảm nghèo của đội ngũ báo cáo viên; tổ chức phát động cho các khu phố của từng phường đăng ký thực hiện khu phố xóa không còn hộ nghèo theo tiêu chí của thành phố nhằm tạo ra phong trào thi đua thực hiện chương trình mục tiêu giảm nghèo của quận.

Tăng cường công tác tuyên truyền về mục đích và ý nghĩa của chương trình đến cộng đồng và doanh nghiệp để vận động tinh thần tương thân tương ái, hỗ trợ, tạo điều kiện cho người nghèo như giới thiệu, giải quyết việc làm, đóng góp quỹ XĐGN, quỹ "Vì người nghèo"… Thông qua công tác tuyên truyền giúp cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, ban ngành đoàn thể, các tầng lớp nhân dân hiểu rõ hơn về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, về tính đúng đắn, tầm quan trọng của Chương trình giảm nghèo bền vững để tạo sự đồng tình và hưởng ứng. Thường xuyên thông tin, tuyên truyền đến các đối tượng hộ nghèo về chủ trương, chính sách Nhà nước chăm lo và hỗ trợ người nghèo như các chương trình tín dụng ưu đãi, xuất khẩu lao động, hướng dẫn cách thức sản xuất kinh doanh… từng bước nâng cao nhận thức, ý thức tự thân vươn lên, biết tích lũy nhằm nâng cao đời sống sớm thoát nghèo, không ỷ lại, trông chờ vào sự giúp đỡ của Nhà nước và cộng đồng.

Qua công tác tuyên truyền, vận động đã tạo sự chuyển biến khá rõ rệt ở từng phường, từng khu dân cư, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và Nhân dân tham gia thực hiện có hiệu quả Chương trình giảm nghèo bền vững đưa ra những kinh nghiệm giúp đỡ hộ nghèo, hộ cận nghèo, tạo cho họ ý thức vươn lên để thoát nghèo, nâng cao cuộc sống. Thông qua công tác tuyên truyền đã giúp cho các cấp ủy Đảng, chính quyền, ban ngành đoàn thể, các tầng lớp nhân dân hiểu rõ hơn về chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, về tính đúng đắn, tầm quan trọng của chương trình giảm nghèo bền vững; hiểu đầy đủ hơn về việc thực hiện chuẩn nghèo thành phố, cũng như lộ trình, chính sách và giải pháp giảm nghèo theo từng giai đoạn để tạo sự đồng tình và hưởng ứng. Việc tổ chức quán triệt, tuyên truyền đã tạo được sự chuyển biến sâu sắc về nhận thức, khơi dậy lòng nhân ái của các tầng lớp nhân dân đối với người nghèo, thu hút được sự tham gia của quần chúng nhân dân, các tổ chức KT-XH trong việc hỗ trợ, giải quyết việc làm cho người nghèo hoặc đóng góp quỹ XĐGN, quỹ "Vì người nghèo". Đồng thời cũng làm chuyển biến nhận thức của các hộ nghèo trong chương trình về ý nghĩa tự vươn lên thoát nghèo, khắc phục tư tưởng trông chờ vào các chính sách xã hội, ỷ lại vào

sự hỗ trợ của chương trình, từ đó tích cực tìm việc làm, vay vốn để mở rộng sản xuất - kinh doanh.

2.3.2. Tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

2.3.2.1. Thực trạng tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

UBND quận Tân Phú đã ban hành các văn bản về việc củng cố kiện toàn tổ chức bộ máy thực hiện công tác QLNN về giảm nghèo bền vững như:

- Quyết định số 2962/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2016 của UBND quận về việc kiện toàn và đổi tên "Ban giảm nghèo, tăng hộ khá quận Tân Phú" thành "Ban giảm nghèo bền vững quận Tân Phú".
- Thông báo số 14/TB-BGNBV ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Ban Giảm nghèo bền vững quận về việc phân công thành viên Ban giảm nghèo bền vững quận Tân Phú.
- Quyết định số 1255/QĐ-BGNBV ngày 23 tháng 02 năm 2017 của Ban giảm nghèo bền vững quận về ban hành Quy chế làm việc của Ban Giảm nghèo bền vững quận Tân Phú.
- Quyết định số 4399/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2017 của UBND quận về việc kiện toàn Ban giảm nghèo bền vững quận Tân Phú.
- Quyết định số 1876/QĐ-UBND ngày 16 tháng 5 năm 2018 của UBND quận về thay đổi, điều chỉnh chức danh thành viên Ban giảm nghèo bền vững quận Tân Phú.

Nhằm thực hiện chương trình giảm nghèo đạt hiệu quả, bảo đảm sự hài hòa giữa trách nhiệm với quyền hạn, có sự phối hợp đồng bộ giữa các ban ngành đoàn thể quận, phường, Quận đã thành lập Ban Chỉ đạo giảm nghèo bền vững cấp quận và ban hành quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo quận, đồng thời có sự phân công trách nhiệm từng thành viên Ban giảm nghèo bền vững theo dõi, hỗ trợ phường, đặc biệt chú ý tập trung ưu tiên đầu tư những phường còn đông hộ nghèo và dựa trên

chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình chịu trách nhiệm chủ trì, xây dựng các chỉ tiêu, giải pháp hỗ trợ các chiều thiếu hụt của người nghèo. Cụ thể như sau:

- *Phòng LĐ-TB&XH:* Là cơ quan thường trực Ban Giảm nghèo bền vững quận, tham mưu UBND quận triển khai các nội dung của chương trình giảm nghèo. Theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị và các phường thực hiện những nội dung được phân công. Định kỳ theo từng tháng, quý, năm tổng hợp báo cáo về UBND quận tiến độ giảm nghèo, cũng như công tác chăm lo hộ nghèo để kịp thời chỉ đạo. Trực tiếp quản lý điều hành quỹ xóa đói giảm nghèo, dự toán và cấp kinh phí cho hoạt động chương trình theo quy chế. Theo dõi các hoạt động trợ vốn cho vay hộ nghèo trên địa bàn quận. Tổ chức kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng vốn vay của 11 phường. Tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho CBCC chuyên trách giảm nghèo, tổ trưởng tổ tự quản giảm nghèo phường. Tham mưu bổ sung, điều chỉnh quy chế tổ chức và hoạt động của Ban giảm nghèo bền vững quận cho phù hợp với thực tế. Triển khai việc cấp phát thẻ BHYT cho hộ nghèo và phối hợp UBND 11 phường vận động mua thẻ BHYT cho hộ cận nghèo. Phối hợp ngành giáo dục - đào tạo thực hiện miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho hộ nghèo. Triển khai các nội dung về công tác hướng nghiệp và giải quyết việc làm cho người lao động thuộc diện hộ nghèo.

- *Phòng Giáo dục và Đào tạo:* Chủ trì và thực hiện các giải pháp bảo đảm nâng cao dân trí, hướng dẫn các trường thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh diện hộ nghèo. Phối hợp Hội khuyến học xây dựng cơ chế khuyến học, khuyến tài cho học sinh nghèo. Tổ chức các hoạt động chăm lo về giáo dục con em thuộc diện cho hộ nghèo. Đồng thời phối hợp với UBND 11 phường vận động số học sinh nghèo bỏ học trở lại trường.

- *Phòng Văn hóa và Thông tin:* Hỗ trợ công tác thông tin, tuyên truyền thông qua website quận, bản tin phường, cổ động trực quan, thông tin lưu động về chương trình giảm nghèo bền vững; Thiết kế pano minh họa để làm phong phú cho công tác tuyên truyền; tuyên truyền các mô hình, cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả về giảm nghèo; Quan tâm giải quyết nhu cầu sinh hoạt văn hóa - thể thao cho người nghèo.

- *Phòng Y tế*: Tổ chức các hoạt động chăm lo y tế cho hộ nghèo, cận nghèo; đẩy mạnh công tác truyền thông về kế hoạch hóa gia đình cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo; có kế hoạch tổ chức tiếp cận các hộ nghèo, hộ cận nghèo để nâng cao nhận thức và cam kết thực hiện kế hoạch hóa gia đình, duy trì quy mô gia đình hợp lý.

- *Phòng Tài chính - Kế hoạch:* Tham mưu UBND quận đảm bảo nguồn ngân sách thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững.

- *Phòng Quản lý đô thị:* Phối hợp ngành cấp nước triển khai lắp đặt đồng hồ nước miễn phí cho hộ nghèo theo dự án của Tổng công ty cấp nước Sài Gòn. Thực hiện tốt thủ tục hành chính về cấp phép xây dựng cho người nghèo, nhất là các hộ được hỗ trợ xây dựng nhà tình thương. Chủ động đề xuất Thường trực UBND quận kiến nghị thành phố điều chỉnh những khu quy hoạch không còn phù hợp, tạo mọi điều kiện thuận lợi để người dân được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở để giúp họ có điều kiện vay vốn ngân hàng mở rộng sản xuất kinh doanh - buôn bán vươn lên làm giàu chính đáng.

- *Phòng Kinh tế:* Phối hợp vận động các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tiếp nhận lao động thuộc diện hộ nghèo, có chính sách hướng dẫn ưu đãi về thuế. Hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện các hộ nghèo tham gia làm kinh tế, phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế tập thể.

- *Phòng Tư pháp:* Chủ trì triển khai thực hiện chương trình trợ giúp pháp lý cho người nghèo.

- *Phòng Nội vụ*: Chủ trì, phối hợp với Phòng LĐ-TB&XH hướng dẫn, bố trí CBCC làm công tác giảm nghèo từ quận đến phường. Tham mưu Thường trực UBND quận điều chỉnh, bổ sung thành viên Ban giảm nghèo quận trên cơ sở đề xuất của Ban giảm nghèo. Xét thi đua, khen thưởng đối với những tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc trong công tác này.

- *Phòng Giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội:* Chủ trì, phối hợp với Phòng LĐ-TB&XH tổ chức quản lý, điều hành tốt các quỹ như: quỹ quốc gia việc làm, quỹ tín dụng học sinh sinh viên, quỹ tín dụng hộ nghèo, xuất khẩu lao động đảm bảo thuận tiện, nhanh chóng và theo đúng quy định.

- *Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên quận:* Chủ động thực hiện công tác tuyển sinh đào tạo nghề cho lao động trên địa bàn quận. Dự toán ngân sách tập trung đào tạo số lao động nghèo, bộ đội xuất ngũ, chính sách có công và liên kết với các cơ sở đào tạo trong và ngoài quận để đào tạo nâng cao tay nghề khi người lao động có nhu cầu.
- *Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể quận:* Vận động và xây dựng nhiều mô hình tổ, nhóm giảm nghèo, gồm những hội viên, đoàn viên tình nguyện nhận và hỗ trợ giúp cho hộ nghèo trên từng địa bàn khu phố (thông qua nhận ủy thác vốn giảm nghèo). Phối hợp công tác tuyên truyền, vận động, triển khai các hoạt động chăm lo về vật chất - tinh thần thiết thực cho đoàn viên, hội viên thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo. Phối hợp với chính quyền địa phương hỗ trợ giảm nghèo cho các hộ thuộc cộng đồng dân tộc người Hoa, các cộng đồng dân cư có đạo. Quan tâm và có giải pháp phù hợp về vấn đề giới, nhất là phát triển nguồn lực, đào tạo nghề cho phụ nữ, chăm sóc giáo dục trẻ em gái về sức khỏe sinh sản, ưu tiên việc làm, tăng thu nhập cho phụ nữ nghèo. Ủy ban MTTQ quận thực hiện cấp các loại học bổng để hỗ trợ cho con em hộ nghèo có điều kiện đến trường; tiếp tục hỗ trợ hàng tháng những hộ nghèo khó khăn đặc biệt, chi phí mai táng khi người nghèo qua đời. Đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu xây dựng nhà tình thương, sửa chữa chống dột nhà cho hộ nghèo.
- *UBND 11 phường*: Rà soát, nắm chắc số hộ nghèo để xây dựng kế hoạch thực hiện, tổ chức chăm lo, hỗ trợ nhằm đảm bảo các mục tiêu, chỉ tiêu đề ra; phân công thành viên, hội viên, Bí thư chi bộ khu phố, đảng viên, tổ trưởng tổ dân phố theo dõi giúp đỡ từng hộ nghèo theo địa bàn khu phố, tổ dân phố. Xây dựng kế hoạch giảm nghèo bền vững từng năm, có lộ trình từng tháng, từng quý, phân công các ban ngành, đoàn thể và từng thành viên một cách cụ thể. Tổ chức tốt công tác tuyên truyền những chính sách chăm lo hộ nghèo, vận động hộ nghèo tự lực vươn lên thoát nghèo. Đối với những hộ đã có các biện pháp giáo dục, giúp đỡ nhưng không nhận, trông chờ vào chính sách nhà nước, lười lao động, cờ bạc, rượu chè… cần có quy trình chặt chẽ để kiểm điểm trước tổ dân phố, hoặc cắt giảm các chính

sách theo quy định. Duy trì và phát huy hình thức tổ tự quản, tổ giảm nghèo để liên kết hỗ trợ trong cộng đồng. Đảm bảo các chế độ, chính sách cho cán bộ chuyên trách công tác giảm nghèo, tổ tự quản.

- Ngoài ra, toàn quận có 72 Tổ tự quản giảm nghèo tại 11 phường với 72 thành viên. Các Tổ tự quản đều được tập huấn hàng năm, duy trì tốt chế độ sinh hoạt theo định kỳ. Thông qua sinh hoạt của các Tổ tự quản, đã góp phần quản lý được hộ nghèo (có trên 93% hộ nghèo tham gia sinh hoạt tổ), nắm bắt hoàn cảnh và đề xuất chăm lo giúp hộ nghèo tham gia hoạt động cộng đồng, thể hiện tình làng nghĩa xóm giúp nhau, người có kinh nghiệm sản xuất hỗ trợ giúp đỡ người khó về phương cách làm ăn để vươn lên cùng vượt nghèo. Đồng thời, kịp thời nắm thông tin tình hình biến động liên quan về công tác giảm nghèo để có biện pháp hỗ trợ nhanh chóng, giúp đỡ, củng cố nhằm đảm bảo cho hoạt động tổ tự quản được liên tục và hiệu quả cao. Bên cạnh đó, Tổ đã hỗ trợ công tác xét duyệt, thu hồi vốn, nợ quá hạn, giúp các hộ nghèo nâng cao ý thức tiết kiệm trong chi tiêu, tạo thu nhập và có tích lũy góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của chương trình [42, tr.06].

Công tác kiện toàn được tổ chức thường xuyên, kịp thời đảm bảo thực hiện chương trình, kế hoạch giảm nghèo được liên tục và hiệu quả. Bên cạnh đó, lực lượng cán bộ chuyên trách giảm nghèo bền vững quận và phường được đảm bảo về số lượng, hàng năm đều tham gia đầy đủ buổi tập huấn, trang bị kiến thức thực hiện chương trình giảm nghèo do Thành phố, quận tổ chức và thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình, hiệu quả hoạt động của Tổ tự quản giảm nghèo tại 11 phường.

2.3.2.2. Thực trạng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức thực hiện công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

Quận ủy, HĐND, UBND quận đã quan tâm chỉ đạo, tổ chức quán triệt mục đích, ý nghĩa, nội dung các Nghị quyết, Quyết định của Chính phủ, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thành phố, Chỉ thị của UBND thành phố về giảm nghèo cho đội ngũ CBCC của Đảng, chính quyền, đoàn thể từ quận đến phường. Hàng năm, Sở LĐ-TB&XH đã chủ trì, phối hợp với ban ngành quận tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ cho CBCC làm công tác giảm nghèo các cấp.

Bên cạnh đó, Ban Giảm nghèo quận đã ban hành một số kế hoạch như: Kế hoạch số 180/KH-BGNBV ngày 08 tháng 8 năm 2017 về tổ chức tập huấn cán bộ làm công tác giảm nghèo bền vững quận và phường năm 2017; Kế hoạch số 154/KH-BGNBV ngày 25 tháng 5 năm 2017 về tổ chức tập huấn cán bộ làm công tác giảm nghèo bền vững quận và phường năm 2018... Theo đó tập trung cho đối tượng là thành viên Ban Giảm nghèo quận, phường; cán bộ chuyên trách giảm nghèo quận và phường với mục đích cụ thể như sau:

- Hướng dẫn các chủ trương, chính sách, và nhất là kế hoạch thực hiện các giải pháp và chính sách hỗ trợ của chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố giai đoạn 2016 – 2020 theo phương pháp đo lường đa chiều tại Quyết định số 3582/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2016 của UBND Thành phố cho các thành viên Ban giảm nghèo bền vững quận và phường để nắm vững và phối hợp thực hiện theo Quy chế làm việc của Ban giảm nghèo bền vững quận, phường nhằm đảm bảo các hoạt động giảm nghèo đa chiều được thống nhất, đồng bộ, kịp thời và có hiệu quả ở địa phương cơ sở;
- Hướng dẫn cán bộ chuyên trách giảm nghèo quận, phường nắm vững các nghiệp vụ về công tác quản lý hộ (phần mềm quản lý hộ); quản lý các thủ tục cấp phát thẻ BHYT cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố (được phân cấp cho quận, phường); hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đóng BHXH tự nguyện cho lao động nghèo, cận nghèo và công tác quản lý quỹ và các nguồn vốn (được Ủy thác cho Ngân hàng chính sách xã hội) để phục vụ cho công tác giảm nghèo bền vững trên địa bàn.

Qua tổng kết, các lớp bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn luôn có sự tham gia đầy đủ, nghiêm túc và tích cực của CBCC phụ trách công tác giảm nghèo, qua đó trang bị vững chắc kiến thức chuyên môn và nghiệp vụ để thực hiện tốt chương trình giảm nghèo. Ngoài ra, quận còn tổ chức sơ kết, tổng kết công tác giảm nghèo bền vững gắn với khen thưởng cho các CBCC thực hiện tốt công tác giảm nghèo bền vững (Hướng dẫn số 01/HD-BGNBV ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Ban Giảm nghèo bền vững quận hướng dẫn khen thưởng đối với tập thể, cá nhân có thành tích

xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện Chương trình "Giảm nghèo bền vững" giai đoạn 2016 – 2020).

2.3.3. Đầu tư, huy động các nguồn lực để giảm nghèo bền vững

2.3.3.1. Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, thúc đẩy phát triển kinh tế

Quận đã triển khai thực hiện xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu của mạng lưới thoát nước trên nền bản đồ số hóa. Thực hiện hoàn thành công tác duy tu nạo vét, thông quay hệ thống thoát nước do quận quản lý theo phân cấp đạt quy trình kỹ thuật để duy trì khả năng khai thác sử dụng của hệ thống thoát nước hiện hữu; kịp thời cải tạo, sửa chữa các hệ thống thoát nước bị hư hỏng, lún sụp, quá niên hạn sử dụng. Bên cạnh đó, Quận cũng thường xuyên theo dõi, chủ động phối hợp với ngành cấp nước của Thành phố để đảm bảo cung cấp nước cho những trường hợp phát sinh mới, duy trì tỷ lệ 100% hộ dân được sử dụng nước sạch trên địa bàn quận và ổn định việc cung cấp nước sinh hoạt trên toàn địa bàn với tiêu chí sử dụng hợp lý, tiết kiệm, đảm bảo chất lượng nước sinh hoạt; đồng thời, tuyên truyền vận động nhân dân sử dụng nước máy dùng trong sinh hoạt, tiến tới chấm dứt tình trạng khoan giếng để lấy nước sinh hoạt.

Quận đã đẩy mạnh triển khai đồng bộ và có hiệu quả các chương trình, đề án, nội dung chính sách được lồng ghép, tích hợp vào thực hiện các mục tiêu giảm nghèo bền vững của quận. Trong đó, tiến hành xây dựng mới, đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện cơ sở hạ tầng thiết yếu trên địa bàn, ưu tiên huy động các nguồn lực để hỗ trợ triển khai Chương trình giảm nghèo bền vững. Giai đoạn 2016 – 2018, Quận có các đề án như thành lập trường Mầm non Hướng Dương, trường Tiểu học Lê Thánh Tông, trường Tiểu học Đinh Bộ Lĩnh, trường Trung học cơ sở Hoàng Diệu, trường Trung học cơ sở Tôn Thất Tùng, trường Trung học phổ thông Lê Trọng Tấn; thực hiện tổ chức lại Trung tâm Y tế dự phòng thành Trung tâm Y tế quận Tân Phú trực thuộc UBND quận; thành lập Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên quận trên cơ sở sáp nhập Trung tâm Dạy nghề, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp – Hướng nghiệp quận [42, tr.05].

Quận đã có những phát triển đáng chú ý về kinh tế - văn hóa - xã hội. Về

kinh tế, thế mạnh của quận là sản xuất công nghiệp - thương mại - dịch vụ; đặc biệt có 01 khu công nghiệp. Về văn hóa, Quận đã xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh thông qua phong trào "Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa", triển khai thực hiện nếp sống văn minh đô thị. Về xã hội, đời sống nhân dân về vật chất và tinh thần được nâng lên, các tệ nạn xã hội từng bước được đẩy lùi.

2.3.3.2. Kết quả huy động các nguồn lực hỗ trợ, chăm lo hộ nghèo:

a. Huy động vốn:

Quận đã huy động mọi nguồn lực của xã hội như các nguồn quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm, quỹ tín dụng cho vay hộ nghèo, quỹ tín dụng các đoàn thể, nguồn quỹ XĐGN của quận, phường… nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận được với các nguồn tín dụng ưu đãi phát triển sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm, cụ thể:

Bảng 2.2. Cơ cấu nguồn vốn hỗ trợ giảm nghèo

Đơn vị tính: triệu đồng

Cơ cấu nguồn vốn	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
Nguồn quỹ XĐGN	15.627	20.627	23.627
Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm (Quỹ 61)	28.537	35.212	54.883
Chương trình 316	13.223	5.349	2.300
Học sinh, sinh viên	23.550	18.882	15.747

Nguồn: Phòng LĐ-TB&XH quận Tân Phú, năm 2018

Bên cạnh đó, quận còn vận động các tổ chức xã hội từ thiện, các doanh nghiệp, các mạnh thường quân, các cơ sở tôn giáo và nhân dân đóng góp Quỹ "Vì người nghèo" để thực hiện chăm lo về nhà ở, học bổng, thẻ BHYT, chăm lo các dịp lễ tết và trợ cấp khó khăn đột xuất.

b. Huy động các nguồn quỹ hỗ trợ giảm nghèo bền vững:

Quận đã huy động và sử dụng các nguồn quỹ một cách hợp lý, cụ thể:

- Quỹ XĐGN đã giải quyết kịp thời nhu cầu vay vốn làm ăn của hộ nghèo,

trợ vốn cho 572 hộ nghèo với tổng số tiền 14.193.000.000 đồng để tổ chức sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm, xuất khẩu lao động, trang bị phương tiện đi làm, buôn bán; thu hồi vốn của 985 hộ với số tiền 9.315.000.000 đồng. Hiện nay, quỹ đang tập trung cho vay theo hướng mở rộng các dự án thu nhận lao động nghèo, các tổ hợp sản xuất kinh doanh của người nghèo. Nhìn chung, các hộ nghèo, các dự án có nhu cầu vay vốn quận, phường đều kịp thời xem xét giải quyết không để gián đoạn nhu cầu vay.

- Quỹ Quốc gia hỗ trợ việc làm (Quỹ 61): Từ năm 2016 đến năm 2018 đã thực hiện phát vay 57.509.000.000 đồng và giải quyết cho 1.763 lao động có công ăn việc làm ổn định.

- Chương trình tín dụng hộ nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội quận đã thu hồi vốn của 918 hộ nghèo vay với tổng số tiền là 18.610.000.000 đồng. Hiện nay, chương trình này không còn cho vay nữa do Trung ương đã thu hồi nên chủ yếu là thu hồi vốn, lãi và từng bước tất toán quỹ báo cáo thành phố.

- Chương trình cho vay học sinh, sinh viên đã phát vay 361 lượt với tổng số tiền 3.028.000.000 đồng giúp cho các em có điều kiện học tập. Đồng thời, UBND quận cũng phối hợp với ban ngành, đoàn thể và 11 phường cùng góp sức tạo điều kiện cho các em nghèo có điều kiện đến trường, vận động các em nghèo bỏ học trở lại trường bằng cách cấp học bổng, tặng xe đạp như học bổng Nguyễn Hữu Thọ của Ủy ban MTTQ Việt Nam quận; học bổng Nguyễn Bá Ngọc của Đoàn Thanh niên, học bổng của Hội Cựu Chiến binh, học bổng của Hội Liên hiệp Phụ nữ, học bổng của Hội Chữ thập đỏ, Hội khuyến học, Người cao tuổi, Vì tuổi thơ, CEP, Chi Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo Bình Phú Đông, Hội từ thiện Tzu-Chi Đài Loan… Trong 03 năm đã trao tặng cho 2.523 em với tổng số tiền 2.598.250.000 đồng [42, tr.11].

c. Huy động các nguồn lực khác:

Một trong những nội dung, nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú là triển khai đồng bộ các giải pháp huy động nguồn lực để thực hiện mục tiêu giảm nghèo. Quận đã thực hiện đa dạng hóa các nguồn vốn thông qua hình thức lồng ghép các chương trình, dự án hỗ trợ có mục

tiêu trên địa bàn; tập trung đầu tư cho các hộ nghèo đặc biệt khó khăn, khu vực tập trung nhiều đồng bào dân tộc thiểu số. Đồng thời, Quận cũng tiếp tục đẩy mạnh thực hiện tín dụng chính sách xã hội, tín dụng cho vay… góp phần thực hiện các mục tiêu giảm nghèo bền vững. Bên cạnh đó, Quận đã công khai các nguồn lực đầu tư, hỗ trợ giúp người dân tiếp cận các nguồn vốn và chuyển giao kỹ thuật vào sản xuất; hỗ trợ liên kết, tiêu thụ sản phẩm cho người dân, tạo sinh kế cho người nghèo.

2.3.3.3. Các chính sách kéo giảm tình trạng thiếu hụt các chiều xã hội (xem phụ lục 4 và 5)

a. Chính sách y tế, chăm sóc sức khỏe

Qua 03 năm, chương trình cấp thẻ BHYT đã đạt được các kết quả sau: Hộ nghèo nhóm 1, nhóm 2: 7.085 nhân khẩu có thu nhập từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống từ ngân sách thành phố hỗ trợ 100%, đạt tỷ lệ 100%; Hộ nghèo 3a và hộ cận nghèo có thu nhập trên 21-28 triệu đồng/người/năm: 8.546 nhân khẩu từ ngân sách thành phố hỗ trợ 70% và 30% từ quỹ kết dư BHYT thành phố hỗ trợ mua thẻ BHYT, đạt tỷ lệ 100%. Hộ nghèo nhóm 3b: 232 nhân khẩu; quận đã trích Quỹ "Vì người nghèo" và phường vận động mua thẻ BHYT, đạt tỷ lệ 100% [42, tr.15].

Toàn quận có 04 phòng khám chữa bệnh miễn phí cho người nghèo do Hội Chữ thập đỏ thực hiện. Ngành y tế quận tổ chức khám chữa bệnh, cấp phát thuốc miễn phí và tặng quà cho gia đình chính sách, gia đình nghèo, cận nghèo; tổ chức khám phụ khoa, thực hiện kế hoạch hóa gia đình và cấp thuốc miễn phí cho phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn quận. Ngoài ra các nhà hảo tâm còn phối hợp với các cơ sở y tế tổ chức khám chữa bệnh, cấp thuốc, tặng quà cho các đối tượng nghèo. Bên cạnh đó, Phòng Y tế phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam quận, Phòng LĐ-TB&XH quận, Bệnh viện quận và các cơ sở hành nghề y dược tư nhân trên địa bàn tổ chức khám, chữa bệnh miễn phí cho các đối tượng gia đình chính sách có công, hộ nghèo, hộ cận nghèo cho người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn quận.

Đến 6 tháng đầu năm 2019, kết quả khảo sát tại 11 phường về tổng số hộ thiếu hụt chiều y tế như sau: Hộ nghèo là 00/419 hộ (trong đó, không tiếp cận được

các dịch vụ y tế là 00 hộ; hộ có người từ 6 tuổi trở lên không có BHYT là 00 hộ); Hộ cận nghèo là 00/536 hộ (trong đó, không tiếp cận được các dịch vụ y tế là 00 hộ; hộ có người từ 6 tuổi trở lên không có BHYT là 00 hộ).

b. Chính sách giáo dục – đào tạo

Quận tiếp tục thực hiện Nghị định số 86/2015/NĐ-CP ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ quy định cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015 – 2016 đến năm học 2020 – 2021 cho học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo quận (hỗ trợ miễn giảm học phí – kế cả học hai buổi, chi phí học tập, tiền ăn trưa cho trẻ em từ 3 – 5 tuổi đang học tại các cơ sở Mầm non…); thực hiện chính sách hỗ trợ hàng tháng cho học sinh thuộc hộ nghèo, cận nghèo bỏ học trở lại lớp học. Kinh phí hỗ trợ cho các chính sách này được bố trí ổn định hàng năm từ nguồn ngân sách Thành phố cấp cho quận; đồng thời đẩy mạnh vận động nguồn Quỹ "Vì người nghèo", các Chương trình khuyến học, khuyến tài của Ủy ban MTTQ Việt Nam, các tổ chức đoàn thể, các nhà tài trợ để hỗ trợ học bổng hàng năm cho học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo quận. Qua ba năm thực hiện đã thu về các kết quả tích cực như sau:

- Thực hiện chính sách miễn giảm học phí, tiền cơ sở vật chất đối với học sinh là thành viên hộ nghèo, thanh toán tiền miễn giảm học phí cho 299 con em hộ nghèo, hộ cận nghèo với số tiền 165.330.000 đồng.

- Hỗ trợ chi phí học tập cho 257 em học sinh diện hộ nghèo năm học 2015 – 2016 với số tiền là 86.800.000 đồng (trong đó: hỗ trợ 100% là 239 em, với số tiền 83.650.00 đồng và hỗ trợ 50% là 18 em, với số tiền 3.150.000 đồng).

- Hỗ trợ chi phí học tập cho sinh viên dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo học kỳ 2, 3 năm học 2015 – 2016 và học kỳ 1 năm học 2016 – 2017 là 34 trường hợp với số tiền 121.404.000 đồng; học kỳ 2 năm học 2016 – 2017 là 13 trường hợp với số tiền 47.190.000 đồng và năm học 2017-2018 cho 19 trường hợp, với số tiền 78.000.000 đồng theo Hướng dẫn liên tịch số 74/HDLT-BDT-BCĐGNTHK-STC ngày 02 tháng 12 năm 2014.

- Miễn giảm học phí cho học sinh – sinh viên con em hộ nghèo và hộ cận nghèo với số tiền 235.412.500 đồng (trong đó: 01 em sinh viên với số tiền 5.600.000 đồng và 306 em học sinh với số tiền 229.812.500 đồng) [42, tr.15-16].

- Đồng thời, phường và khu phố đã tổ chức vận động gia đình tạo điều kiện cho các em trong độ tuổi đến trường được đi học, vận động các tổ chức, cá nhân hỗ trợ phương tiện đi học như sách giáo khoa, dụng cụ học tập và cấp học bổng… để các em không phải bỏ học do hoàn cảnh khó khăn.

Qua phân tích kết quả khảo sát tại 11 phường, các ngưỡng thiếu hụt từng chiều nghèo của hộ nghèo, cận nghèo đã kéo giảm như sau:

+ Đối với hộ nghèo: Giai đoạn 2016 – 2018, tổng số hộ thiếu hụt chiều giáo dục và đào tạo là 701/1.100 hộ, chiếm 63,72% (trong đó, hộ có người từ 15 - 30 tuổi chưa tốt nghiệp trung học cơ sở là 169/211 hộ, chiếm 80,09%; hộ có trẻ em từ 5 - 14 tuổi hiện nay không đi học là 50/50 hộ, chiếm 100%); hộ có người từ 18 - 35 tuổi không được học nghề hoặc đào tạo chuyên môn ít nhất 3 tháng trở lên nhưng hiện nay không đi học nghề là 380/440 hộ, chiếm 86,36%. Đến 6 tháng đầu năm 2019, tổng số hộ thiếu hụt chiều này là 93/419 hộ, chiếm tỷ lệ 22,2% so với hộ nghèo (trong đó, hộ có người từ 15-30 tuổi chưa tốt nghiệp trung học cơ sở là 27 hộ; hộ có trẻ em từ 5-14 tuổi hiện nay không đi học là 00 hộ); hộ có người từ 18-35 tuổi không được học nghề hoặc đào tạo chuyên môn ít nhất 3 tháng trở lên nhưng hiện nay không đi học nghề là 90/419 hộ, chiếm tỷ lệ 21,48% [42, tr.16].

+ Đối với hộ cận nghèo: Giai đoạn 2016 – 2018, tổng số hộ thiếu hụt chiều giáo dục và đào tạo là 425/904 hộ, chiếm 47,01% (trong đó, hộ có người từ 15 - 30 tuổi chưa tốt nghiệp trung học cơ sở là 46/106 hộ, chiếm 43,40%; hộ có trẻ em từ 5 - 14 tuổi hiện nay không đi học là 27/27 hộ, chiếm 100%); hộ có người từ 18 - 35 tuổi không được học nghề hoặc đào tạo chuyên môn ít nhất 3 tháng trở lên nhưng hiện nay không đi học nghề là 106/292 hộ, chiếm 36,30%. Đến 6 tháng đầu năm 2019, tổng số hộ thiếu hụt chiều này là 169/536 hộ, chiếm tỷ lệ 31,53% (trong đó, hộ có người từ 15-30 tuổi chưa tốt nghiệp trung học cơ sở là 43 hộ; hộ có trẻ em từ 5-14 tuổi hiện nay không đi học là 02 hộ); hộ có người từ 18-35 tuổi không được

học nghề hoặc đào tạo chuyên môn ít nhất 3 tháng trở lên nhưng hiện nay không đi học nghề là 158/536 hộ, chiếm tỷ lệ 29,48% [42, tr.16-17].

c. Chính sách đào tạo nghề và giải quyết việc làm

Giai đoạn 2016 – 2018, Quận đã giới thiệu danh sách lao động nghèo có nhu cầu đi xuất khẩu lao động Nhật là 01 trường hợp (phường Sơn Kỳ), hỗ trợ vay số tiền 50.000.000 đồng từ quỹ XĐGN và 30.000.000 đồng từ quỹ CEP; 01 trường hợp hộ cận nghèo đi xuất khẩu lao động tại Nhật (phường Tân Thành), hỗ trợ vay số tiền 30.00.00 đồng từ quỹ XĐGN và 30.000.000 đồng từ quỹ hỗ trợ việc làm; 01 trường hợp hộ nghèo đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan (phường Phú Thạnh) hỗ trợ vay số tiền 30.000.000 đồng từ Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm (Quỹ 61) và 01 trường hợp hộ cận nghèo đi xuất khẩu lao động tại Nhật (phường Phú Trung) hỗ trợ vay vốn với số tiền 50.000.000 đồng từ Quỹ XĐGN. Bên cạnh đó, bằng mô hình đầu tư hỗ trợ vốn cho dự án sản xuất kinh doanh nhằm thu hút giải quyết việc làm cho lao động nghèo và bằng hình thức ủy thác vốn cho các tổ giảm nghèo, tính đến nay, toàn quận đã thực hiện được 12 dự án với tổng số tiền là 1.810.000.000 đồng và giải quyết việc làm cho 181 lao động trong diện hộ nghèo. Qua đó, đã kéo giảm chiều thiếu hụt về việc làm và BHXH như sau:

- Đối với hộ nghèo: Giai đoạn 2016 – 2018, tổng số hộ thiếu hụt chiều việc làm và BHXH là 741/1.100 hộ - chiếm 67,36% (trong đó, hộ có nam 15 - 60 tuổi, nữ 15 - 55 tuổi có khả năng lao động, có đi tìm việc nhưng trong 6 tháng qua không có việc làm và không có thu nhập là 136/143 hộ, chiếm 95,10%; hộ có nam 15 - 60 tuổi, nữ 15 - 55 tuổi hiện đang làm việc nhưng không đóng tiền BHXH để có lương hưu 414/598 hộ, chiếm 69%). Đến 6 tháng đầu năm 2019, tổng số hộ thiếu hụt chiều này là 233/419 hộ, chiếm tỷ lệ 55,61% (trong đó, hộ có nam 15-60 tuổi, nữ 15-55 tuổi có khả năng lao động, có đi tìm việc nhưng trong 6 tháng qua không có việc làm và không có thu nhập là 09 hộ; hộ có nam 15-60 tuổi, nữ 15-55 tuổi hiện đang làm việc nhưng không đóng tiền BHXH để có lương hưu là 224 hộ).

- Đối với hộ cận nghèo: Giai đoạn 2016 – 2018, tổng số hộ thiếu hụt chiều việc làm và BHXH là 610/904 hộ - chiếm 67,47% (trong đó, hộ có nam 15 - 60 tuổi,

nữ 15 - 55 tuổi có khả năng lao động, có đi tìm việc nhưng trong 6 tháng qua không có việc làm và không có thu nhập là 67/68 hộ, chiếm 98,53%; hộ có nam 15 - 60 tuổi, nữ 15 - 55 tuổi hiện đang làm việc nhưng không đóng tiền BHXH để có lương hưu 105/542 hộ, chiếm 19%). Đến 6 tháng đầu năm 2019, tổng số hộ thiếu hụt chiều này là 346/536 hộ, chiếm tỷ lệ 64,55% (trong đó, hộ có nam 15-60 tuổi, nữ 15-55 tuổi có khả năng lao động, có đi tìm việc nhưng trong 6 tháng qua không có việc làm và không có thu nhập là 02 hộ; hộ có nam 15-60 tuổi, nữ 15-55 tuổi hiện đang làm việc nhưng không đóng tiền BHXH để có lương hưu là 344 hộ) [42, tr.17]

d. Chính sách hỗ trợ nhà ở và nước sạch sinh hoạt

Qua điều tra hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2016 - 2018, toàn quận có 308 hộ nghèo đang thiếu hụt về nhà ở (trong đó, nhà thuê 88 hộ, nhà có nhiều hộ gia đình ở ghép 62 hộ, nhà có diện tích nhỏ 158 hộ); hộ cận nghèo là 128 hộ (trong đó, nhà thuê 39 hộ, nhà có nhiều hộ gia đình ở ghép 28 hộ, nhà có diện tích nhỏ 61 hộ). Trước mắt, quận tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ về sửa chữa, chống dột, xây dựng nhà tình thương, nhà tình nghĩa cho hộ nghèo, hộ cận nghèo quận. Trên cơ sở nguồn tài trợ của các cá nhân, tổ chức; nguồn Quỹ Vì người nghèo quận, phường, nguồn Quỹ Đền ơn đáp nghĩa để hỗ trợ. Nguồn lực hiện nay hàng năm quận có thể vận động xây dựng nhà tình thương, nhà tình nghĩa từ 8 - 10 hộ; sửa chữa 15 - 20 hộ (trong đó, ưu tiên cho hộ nghèo/cận nghèo có diện tích nhỏ) [42, tr.17-18].

Thường trực Ban giảm nghèo quận đã phối hợp với Phòng Quản lý đô thị quận và Ban giảm nghèo 11 phường giải quyết nước sạch cho các hộ nghèo, cận nghèo. Kết quả: các hộ nghèo, cận nghèo đều có nước sạch, đạt tỷ lệ 100%. Qua đó đã kéo giảm các chiều thiếu hụt về hộ nghèo, cận nghèo như sau:

- Đối với hộ nghèo: Giai đoạn 2016 – 2018, tổng số hộ thiếu hụt chiều điều kiện sống là 472/1.100 hộ, chiếm 42,9% (trong đó, thiếu hụt về diện tích nhà ở dưới 6m^2/người là 226/308 hộ, chiếm 73,38%; chưa có đồng hồ nước hoặc nước máy bơm sinh hoạt 164/164 hộ, chiếm 100%). Đến 6 tháng đầu năm 2019, tổng số hộ thiếu hụt chiều này là 79/419 hộ, chiếm tỷ lệ 18,9% (trong đó, thiếu hụt về diện tích nhà ở dưới 6m^2/người là 79 hộ; chưa có đồng hồ nước hoặc nước máy bơm sinh

hoạt là 00 hộ).

- Đối với hộ cận nghèo: Giai đoạn 2016 – 2018, tổng số hộ thiếu hụt chiều điều kiện sống là 218/904 hộ, chiếm 24,11% (trong đó, thiếu hụt về diện tích nhà ở dưới 6m^2/người là 66/148 hộ, chiếm 44,59%; chưa có đồng hồ nước hoặc nước máy bơm sinh hoạt 70/70 hộ, chiếm 100%). Đến 6 tháng đầu năm 2019, tổng số hộ thiếu hụt chiều này là 84/536 hộ, chiếm tỷ lệ 15,67% (trong đó, thiếu hụt về diện tích nhà ở dưới 6m^2/người là 84 hộ; chưa có đồng hồ nước hoặc nước máy bơm sinh hoạt là 00 hộ) [42, tr.17-18].

đ. Chính sách tiếp cận thông tin

Thường trực Ban giảm nghèo quận đã phối hợp với Phòng Văn hóa và Thông tin rà soát, khảo sát những hộ nghèo, cận nghèo chưa có sử dụng viễn thông và tài sản tiếp cận thông tin. Qua đó đã hỗ trợ các hộ nghèo, cận nghèo như sau:

- Đối với hộ nghèo: Giai đoạn 2016 – 2018, tổng số hộ thiếu hụt chiều tiếp cận thông tin là 117/1.100 hộ, chiếm 10,63% (trong đó, thiếu hụt về sử dụng viễn thông: điện thoại, internet 91/91 hộ, chiếm 100%; không có tài sản tiếp cận thông tin: Tivi, Radio, máy vi tính 26/26 hộ, chiếm 100%). Đến 6 tháng đầu năm 2019, tổng số hộ thiếu hụt chiều này là 00/419 hộ (trong đó, thiếu hụt về sử dụng viễn thông: điện thoại, internet là 00 hộ; không có tài sản tiếp cận thông tin: Tivi, Radio, máy vi tính là 00 hộ).

- Đối với hộ cận nghèo: ổng số hộ thiếu hụt chiều tiếp cận thông tin là 49/904 hộ, chiếm 5,42% (trong đó, thiếu hụt về sử dụng viễn thông: điện thoại, internet 36/36 hộ, chiếm 100%; không có tài sản tiếp cận thông tin: Tivi, Radio, máy vi tính 13/13 hộ, chiếm 100%). Đến 6 tháng đầu năm 2019, tổng số hộ thiếu hụt chiều này là 00/536 hộ (trong đó, thiếu hụt về sử dụng viễn thông: điện thoại, internet là 00 hộ; không có tài sản tiếp cận thông tin: Tivi, Radio, máy vi tính là 00 hộ) [42, tr.18].

e. Chính sách đối với hộ đặc biệt khó khăn không có khả năng thoát nghèo Ngoài sự hỗ trợ cũng như các chính sách thực hiện nâng chuẩn giảm nghèo,

UBND quận Tân Phú tuyên truyền vận động trong các cơ sở, đơn vị, doanh nghiệp

cùng tham gia đồng hành với chính quyền thực hiện công tác giảm nghèo. Đồng

thời, vận động doanh nghiệp, cơ sở tôn giáo đồng hành cùng chính quyền thực hiện công tác giảm nghèo như: hỗ trợ gạo hàng tháng, sửa chữa chống dột, trao tặng sổ tiết kiệm, xây dựng nhà tình thương, cấp thẻ BHYT, hỗ trợ học bổng …

Bên cạnh sự hỗ trợ của các đơn vị nhằm tạo điều kiện cho các hộ nghèo ổn định cuộc sống, UBND quận cũng tập trung tăng cường tuyên truyền công tác giảm nghèo đến UBND 11 phường và triển khai từng hộ dân để nâng cao ý thức tinh thần trách nhiệm của mình đối với chương trình. Bên cạnh đó giao trách nhiệm cho từng ban ngành đoàn thể hỗ trợ, tạo điều kiện cho các hộ nghèo vay vốn để mở rộng sản xuất – kinh doanh, nâng cấp nhà và xây dựng phòng cho thuê từ đó góp phần tạo cơ sở vững chắc cho các hộ nghèo thoát nghèo bền vững. UBND quận đã hỗ trợ, chăm lo cho 34 hộ nghèo, hộ cận nghèo của các phường có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với số tiền 229.800.000 đồng từ Quỹ "Vì người nghèo".

2.3.3.4. Công tác phối hợp thực hiện với các ban ngành, đoàn thể quận

a. Phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam quận

Thực hiện theo Kế hoạch liên tịch số 109/KHLT-UBND-MTTQ ngày 20 tháng 4 năm 2018 về phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh trên địa bàn quận Tân Phú đến năm 2020 giữa UBND quận Tân Phú và Ủy ban MTTQ Việt Nam quận Tân Phú bằng các hoạt động cụ thể sau:

- Vận động các nguồn lực hỗ trợ giảm nghèo bền vững*:* Ủy ban MTTQ Việt Nam quận, phường và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên của Mặt trận chủ trì vận động các nguồn lực xã hội thông qua các hình thức sau: Vận động các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, các doanh nghiệp ủng hộ Quỹ "Vì người nghèo" và các quỹ an sinh xã hội; Vận động các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia hỗ trợ các phường có tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo cao để góp phần giúp các hộ vươn lên thoát nghèo; Vận động hộ gia đình và nhân dân góp công, góp của phù hợp với điều kiện thực tế để tạo nguồn lực giảm nghèo bền vững.
- Xây dựng, nhân rộng các mô hình tiên tiến về giảm nghèo bền vững: Ủy ban MTTQ Việt Nam quận, phường chủ trì, phân công các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên của MTTQ vận động nhân dân xây dựng các mô hình

sau đây: Hộ gia đình vượt khó vươn lên thoát nghèo; Phường, khu dân cư giảm nghèo bền vững (khu phố, phường không còn hộ nghèo); Phường đạt chuẩn đô thị văn minh Qua đó, các cơ quan nhà nước liên quan đã phối hợp với Ủy ban MTTQ Việt Nam cùng cấp và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức thành viên của Mặt trận xây dựng và nhân rộng mô hình, giới thiệu cách làm hay, thúc đẩy sáng kiến, phát huy nội lực để tạo sức lan tỏa trên địa bàn quận về giảm nghèo bền vững.

b. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể quận

- Phối hợp với Hội Liên hiệp Phụ nữ quận chăm lo cho cán bộ Hội, hội viên, phụ nữ nghèo, phụ nữ dân tộc, phụ nữ có đạo… gồm 550 phần quà, tổng kinh phí 181.950.000 đồng; chăm lo 285 phần quà cho cán bộ, hội viên, phụ nữ nghèo, nữ công nhân lao động không có điều kiện về quê ăn tết, với tổng số tiền 486.550.000 đồng. Hưởng ứng đợt an sinh xã hội do Quận phát động, Hội đã trao 20 phương tiện làm ăn mưu sinh cho hội viên phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn là 20 chiếc máy may mỗi chiếc trị giá 3.000.000 đồng cho hội viên nghèo; trao tặng 03 mái ấm tình thương, hỗ trợ sinh kế cho hộ phụ nữ nghèo, đặc biệt là hộ gia đình phấn đấu đạt tiêu chí “5 không, 3 sạch”; trao tặng 11.000.000 đồng cho 11 hội viên phụ nữ hộ nghèo, hộ cận nghèo đang mắc bệnh hiểm nghèo [42, tr.22].

- Phối hợp với Quận Đoàn, Công ty điện lực Tân Phú đi lại đường dây điện và tặng quà cho 20 hộ gia đình khó khăn tại các địa bàn phường Tân Sơn Nhì, Sơn Kỳ, Tân Thành, Tân Quý, Hòa Thạnh, Phú Trung và Tân Thới Hòa. Đồng thời, thăm hỏi, tặng cho các Mẹ Việt Nam anh hùng, các gia đình chính sách thuộc diện hộ nghèo và cận nghèo trên địa bàn quận, tổ chức cấp đổi thẻ căn cước cho các trường hợp gia đình chính sách, già yếu, neo đơn, đi lại khó khăn [42, tr.23].

- Phối hợp với Hội Cựu chiến binh quận thường xuyên quan tâm, duy trì hỗ trợ hội viên và tạo điều kiện vay quỹ nghĩa tình đồng đội, cho 211 hộ vay với số tiền 2.046.000.000 đồng. Đồng thời cũng phối hợp cùng nhau thực hiện các phong trào ở địa phương, tuyên truyền thực hiện các chủ trương, chính sách, thực hiện mô hình "gia đình tiết kiệm điện" [42, tr.23-24].

- Phối hợp với Hội Chữ thập đỏ quận chăm lo cho 6.286 đối tượng có hoàn

cảnh nghèo khó khăn như: người già neo đơn, người khiếm thị, người bị bệnh nan y, nạn nhân chất độc da cam, hộ nghèo và hộ cận nghèo với tổng số tiền 1.669.298.000 đồng; tổ chức Chương trình khám bệnh tổng quát và tặng quà cho 500 người thuộc diện chính sách, người có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn với chủ đề "Chung sức hành động vì sức khỏe cộng đồng", với số tiền 250.000.000 đồng [42, tr.24-25].

2.3.3.5. Công tác an sinh xã hội

Tổng kinh phí chăm lo trong các dịp Tết Nguyên đán năm 2016 – 2018 là 85.815.560.500 đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương là 1.437.400.000 đồng; Ngân sách theo hướng dẫn của thành phố là 53.661.690.000 đồng; Ngân sách quận là 14.573.200.000 đồng; Nguồn vận động quỹ Vì người nghèo là 5.138.400.000 đồng; Nguồn vận động các ban ngành, đoàn thể là 2.868.210.000 đồng; Nguồn vận động từ phường là 8.136.660.500 đồng.

Ngoài ra UBND quận còn phối hợp các đơn vị, mạnh thường quân tổ chức chăm lo người nghèo, cận nghèo như: Thành ủy – HĐND - UBND thành phố và UBND quận đã đến thăm và tặng quà tết cho 05 hộ nghèo, với tổng số tiền là 5.000.000 đồng. Ban Dân tộc phối hợp UBND quận tặng 31 phần quà, tổng số tiền 13.900.00 đồng cho người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số, hộ nghèo, gia đình chính sách thuộc dân tộc thiểu số, hộ dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn. Công ty Điện lực Tân Phú trao tặng 240 phần quà tết cho hộ nghèo, công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn, bảo trợ xã hội, tổng trị giá 118.000.000 đồng và đóng góp quỹ Đền ơn đáp nghĩa quận số tiền 50.000.000 đồng. Báo Tuổi Trẻ đã thăm và tặng quà cho 230 phần quà tết cho hộ nghèo diện chính sách có công, gia đình chính sách có công, bảo trợ xã hội với tổng kinh phí 158.000.000 đồng. Trung tâm công tác xã hội trẻ em Thành phố trao 50 phần quà tết cho trẻ em nghèo với mỗi phần quà trị giá 200.000 đồng và thăm 02 mái ấm hoạt động trên địa bàn quận với tổng phần quà trị giá 2.000.000 đồng. Hội từ thiện Tzu Chi Đài Loan - Trung Quốc đã trao 200 phần quà cho hộ nghèo, tổng số tiền là 100.000.000 đồng. Tổ chức từ thiện Zuchi – Đài Loan tại Việt Nam hỗ trợ 300 suất quà tết cho trẻ em nghèo, cận nghèo

quận với tổng trị giá 150.000.000 đồng [42, tr.25-27].

Ban Giảm nghèo quận cũng phối hợp với Ủy ban MTTQ quận chi hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ nghèo thuộc diện chính sách và hộ cận nghèo có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn không có khả năng nâng thu nhập được nhận hỗ trợ đột xuất từ Quỹ "Vì người nghèo", cụ thể:

Bảng 2.3. Hỗ trợ đột xuất từ Quỹ "Vì người nghèo" năm 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Phường	Số hộ	Thành tiền
1	Tân Sơn Nhì	02	12
2	Tây Thạnh	02	12
3	Sơn Kỳ	02	12
4	Tân Quý	06	39.8
5	Tân Thành	04	43
6	Phú Thạnh	03	31
7	Phú Trung	05	25
8	Hòa Thạnh	04	24
9	Hiệp Tân	01	6
10	Tân Thới Hòa	05	25
Tổng cộng		**34**	**229.8**

Nguồn: Phòng LĐ-TB&XH quận, năm 2018

2.3.4. Thanh tra, kiểm tra và giám sát về giảm nghèo bền vững

Chương trình giảm nghèo do TP.HCM triển khai qua 04 giai đoạn (1992 - 2003, 2004 - 2008, 2009 - 2015, 2016 - 2020) với 07 lần nâng chuẩn hộ nghèo theo tiêu chí thu nhập. Mỗi giai đoạn thực hiện Chương trình giảm nghèo, quận đã tổ chức kiểm tra, giám sát đánh giá các giải pháp nâng chuẩn hộ nghèo theo tiêu chí

của Thành phố tại 11 phường nhằm nắm bắt kịp thời về tiến độ, kết quả thực hiện các chủ trương chính sách an sinh xã hội và giải pháp hỗ trợ cho hộ nghèo, cận nghèo của 11 phường để từ đó thấy được mức độ phù hợp, tính khách quan từ các chế độ chính sách hỗ trợ và công tác chỉ đạo quản lý điều hành chương trình giảm nghèo của cấp ủy, chính quyền, cũng như những khó khăn tồn tại và nguyên nhân trong việc tổ chức thực hiện, để qua đó kịp thời chấn chỉnh những thiếu sót và bổ sung những phương án phù hợp cho từng hộ giúp thoát nghèo hiệu quả *(xem phụ lục 6, 7 và 8)*.

2.3.4.1. Nội dung kiểm tra, giám sát

Ban Giảm nghèo quận đã ban hành Kế hoạch số 173/KH-BGNBV ngày 22 tháng 6 năm 2018 về tổ chức kiểm tra việc quản lý và sử dụng các nguồn Quỹ cho vay giải quyết việc làm (Quỹ 61), Quỹ XĐGN (Quỹ 140), Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố (Quỹ 34) và tình hình kết toán quỹ XĐGN. Tập trung các nội dung chủ yếu sau:

- Giám sát thực hiện quy trình khảo sát, xác định và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; việc kiểm tra hiệu quả giảm nghèo và việc rà soát cập nhật tăng, giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo và thành viên (hộ mới thoát nghèo, hộ chuyển nhóm, hộ chuyển đi, hộ mới phát sinh và tăng, giảm thành viên hộ…).
- Giám sát việc thực hiện các chính sách và giải pháp hỗ trợ giảm nghèo của Thành phố đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ vượt chuẩn cận nghèo, đảm bảo thực hiện đúng đối tượng, kịp thời và đầy đủ; từng bước nâng thu nhập và kéo giảm các chiều thiếu hụt về dịch vụ xã hội cơ bản.
- Kiểm tra đối tượng vay vốn và nhu cầu vay vốn; việc sử dụng vốn vay của hộ nghèo, hộ cận nghèo và các cơ sở sản xuất kinh doanh giải quyết việc làm cho lao động nghèo; thu nhập của hộ dân, cơ sở sau khi được vay vốn làm kinh tế. Kiểm tra quy trình, thủ tục, thời gian thực hiện hồ sơ đến khi nhận vốn vay của hộ dân.
- CBCC chuyên trách giảm nghèo phường, Tổ tiết kiệm vay vốn, Tổ tự quản giảm nghèo khảo sát, lập kế hoạch, nhu cầu vay vốn và phối hợp xét duyệt hồ

sơ

vay vốn Quỹ XĐGN; xác định những thuận lợi, khó khăn trong quá trình phối hợp quản lý, cho vay, thu hồi vốn của các nguồn Quỹ giải quyết việc làm, Quỹ XĐGN, Quỹ hỗ trợ giải quyết việc làm cho người bị thu hồi đất.

2.3.4.2. Công tác khảo sát thực tế

Công tác khảo sát lập danh sách, quản lý danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và công tác kiểm tra hiệu quả giảm nghèo hàng năm được thực hiện đúng theo quy trình. Sau khi bình nghị, 11 phường đều có niêm yết danh sách công khai hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ vượt chuẩn hàng năm. Bên cạnh đó, Ban Giảm nghèo quận đã tổ chức kiểm tra việc quản lý và sử dụng các nguồn Quỹ cho vay giải quyết việc làm (Quỹ 61), Quỹ XĐGN (Quỹ 140), Quỹ hỗ trợ đào tạo và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi để thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố (Quỹ 34) và tình hình kết toán quỹ XĐGN kết hợp với tổ chức kiểm tra, giám sát thực hiện giảm nghèo bền vững trên địa bàn, cụ thể:

- Thực hiện khảo sát 977 hộ về việc sử dụng vốn vay, trong đó có 268 hộ thực hiện khảo sát theo nội dung của Công văn số 9292/SLĐTBXH ngày 18 tháng 4 năm 2018 của Sở LĐ-TB&XH.
- Tổ chức kiểm tra, giám sát 09/11 phường (riêng 02 phường Tây Thạnh và Phú Thọ Hòa do Đoàn thành phố trực tiếp kiểm tra giám sát) với 268 hộ được khảo sát, trong đó có 109 hộ nghèo, 125 hộ cận nghèo, 22 hộ thoát nghèo và 12 hộ dân.

2.3.4.3. Công tác kiểm tra, phúc tra 11 phường hoàn thành Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 theo tiêu chí Thành phố

Giai đoạn 2016 - 2018, quận Tân Phú đã tổ chức triển khai rà soát hộ nghèo và hộ cận nghèo theo hướng chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo từ đơn chiều sang đa chiều với tiêu chí về thu nhập chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo và tiêu chí về mức độ thiếu hụt của 05 chiều nghèo (các dịch vụ xã hội cơ bản) theo chỉ đạo của UBND Thành phố, cụ thể là thực hiện các Kế hoạch số 161/KH-BGNBV ngày 14 tháng 6 năm 2018 của Ban giảm nghèo quận về việc tổ chức phúc tra hộ nghèo, cận nghèo phường Phú Thạnh giai đoạn 2016 – 2020; Kế hoạch số 181/KH-BGNBV ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Ban giảm nghèo quận về việc tổ chức phúc

tra hộ nghèo, cận nghèo 10 phường (Tân Sơn Nhì, Tây Thạnh, Sơn Kỳ, Tân Quý, Tân Thành, Phú Thọ Hòa, Phú Trung, Hòa Thạnh, Hiệp Tân và Tân Thới Hòa) giai đoạn 2016 – 2020.

2.3.4.4. Phối hợp với Ban Chỉ đạo chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố về kiểm tra hoàn thành mục tiêu giảm nghèo bền vững

Thực hiện Công văn số 176/BCĐCTGNBV ngày 09 tháng 10 năm 2018 của Thường trực Ban chỉ đạo chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố về việc tổ chức Đoàn Thành phố kiểm tra quận Tân Phú hoàn thành mục tiêu không còn hộ nghèo theo chuẩn nghèo Thành phố giai đoạn 2016 – 2020, Đoàn kiểm tra Thành phố phối hợp cùng Ban giảm nghèo quận đã chia thành 11 Tổ công tác đến trực tiếp từng hộ được chọn tại các phường. Đoàn kiểm tra đã đến khảo sát trực tiếp tại 1.151 hộ (chiếm tỷ lệ 1,16% tổng hộ dân của quận); trong đó, khảo sát 830 hộ nghèo, chiếm tỷ lệ 75,45%/tổng hộ nghèo của quận; 249 hộ cận nghèo, chiếm tỷ lệ 27,51%/tổng hộ cận nghèo của quận và 72 hộ dân [43, tr.20-21]. Qua kiểm tra, giám sát đã đánh giá đúng thực chất việc thực hiện giảm nghèo theo chuẩn mới, rút kinh nghiệm thực tiễn, nghiên cứu tìm giải pháp, bước đi phù hợp để thực hiện cho các phường và đề xuất bổ sung hoàn chỉnh các nội dung, các phương án hoạt động của chương trình giảm nghèo ở từng phường đảm bảo phát huy hiệu quả bền vững và toàn diện, giúp các hộ nghèo có điều kiện ổn định cuộc sống, vươn lên thoát nghèo một cách bền vững.

2.3.4.5. Tổ chức giám sát và phản biện xã hội của Ủy ban MTTQ Việt Nam quận và các tổ chức chính trị - xã hội quận về giảm nghèo bền vững

a. Nội dung giám sát

Giám sát việc thực hiện khảo sát, lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo quận theo chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo trong giai đoạn 2016 - 2020; các chính sách, giải pháp giảm nghèo bền vững tại Quyết định số 3582/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2016 của UBND Thành phố về phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững của thành phố giai đoạn 2016 - 2020, trong đó tập trung:

- Giám sát việc thực hiện quy trình khảo sát, xác định và lập danh sách hộ

nghèo, hộ cận nghèo; việc kiểm tra hiệu quả giảm nghèo và việc rà soát cập nhật tăng, giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo và thành viên hàng năm (hộ mới thoát nghèo, hộ chuyển nhóm, hộ chuyển đi, hộ mới phát sinh và tăng, giảm thành viên hộ…);

- Giám sát việc thực hiện chính sách và giải pháp hỗ trợ giảm nghèo của quận đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo, đảm bảo thực hiện đúng đối tượng, kịp thời và đầy đủ; từng bước nâng thu nhập và kéo giảm các chiều thiếu hụt về dịch vụ xã hội cơ bản.

- Giám sát trách nhiệm của các ban, ngành chức năng, phối hợp với UBND các phường thực hiện cơ chế hoạt động của Chương trình Giảm nghèo bền vững quận theo phương pháp đa chiều.

b. Nội dung phản biện xã hội về giảm nghèo bền vững

- Các ban, ngành quận, UBND các phường khi xây dựng dự thảo quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án, đề án về giảm nghèo bền vững có liên quan trực tiếp đến đời sống nhân dân đã phối hợp và bảo đảm các điều kiện để Ủy ban MTTQ Việt Nam quận, phường và các tổ chức chính trị - xã hội cùng cấp thực hiện phản biện xã hội đối với các dự thảo văn bản này.

- Khi nhận được văn bản đề nghị góp ý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về giảm nghèo bền vững, tùy theo nội dung, phạm vi, đối tượng điều chỉnh trong dự thảo văn bản mà Ủy ban MTTQ Việt Nam quận, phường và các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức hình thức phản biện xã hội phù hợp để nhận xét, đánh giá, nêu chính kiến, kiến nghị đối với dự thảo văn bản.

2.4. Đánh giá hoạt động quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú

Dựa vào các phân tích trên về thực trạng và kết quả của hoạt động QLNN về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú, luận văn đưa ra những kết quả đạt được, những mặt còn hạn chế, cùng với những lý do khách quan cũng như chủ quan của các hạn chế như sau:

2.4.1. Kết quả đạt được

- Công tác QLNN về giảm nghèo bền vững của quận đã bám sát sự chỉ đạo của Thành phố và Quận ủy. UBND quận đã tập trung thực hiện, đề ra mục tiêu phấn đấu cho từng quý thông qua các cuộc họp giao ban, các buổi làm việc từng phường nhằm đề ra các biện pháp thực hiện, đến nay quận đã hoàn thành mục tiêu xóa không còn hộ nghèo theo tiêu chí của Thành phố theo từng giai đoạn. Qua đó, nhằm khẳng định được vai trò cũng như trách nhiệm của các cấp ủy Đảng trực tiếp lãnh đạo, sự điều hành của chính quyền và sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể quận, phường đối với công tác giảm nghèo bền vững của toàn quận, đặc biệt là sự phân công rõ ràng cho từng thành viên Ban giảm nghèo quận phụ trách từng phường nhằm giúp đỡ chăm lo cho các hộ nghèo, hộ cận nghèo.
- Vai trò, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng trực tiếp lãnh đạo, sự điều hành của chính quyền và sự phối hợp của các ban ngành, đoàn thể quận, phường ngày càng được khẳng định đối với công tác giảm nghèo bền vững của toàn quận và đạt được kết quả cụ thể như: tỷ lệ hộ nghèo, hộ cận nghèo giảm nhiều qua từng năm, các chỉ số thiếu hụt của các chiều dịch vụ xã hội đều giảm theo từng năm cơ bản đáp ứng mục tiêu đề ra.
- Thường xuyên đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ, kỹ năng cho đội ngũ CBCC chuyên trách trong việc quản lý, hướng dẫn hộ nghèo về sử dụng nguồn vốn, xây dựng phương án kinh doanh… đã góp phần tác động lớn trong việc hoàn thành mục tiêu giảm nghèo trên địa bàn quận.
- Trước tình hình khủng hoảng kinh tế, biến động giá cả, sự phân hóa giàu nghèo ngày càng gay gắt, quận đã có các giải pháp chính sách an sinh xã hội kịp thời góp phần ổn định, đảm bảo cuộc sống nhân dân trên địa bàn. Đồng thời đã huy động được sự đóng góp rất lớn từ các tổ chức, cá nhân cùng chăm lo cho người nghèo, thể hiện sự tương thân, tương ái, đùm bọc lẫn nhau. Công tác bình ổn thị trường, vận động các chủ nhà trọ, các cơ sở giữ trẻ không tăng giá, hỗ trợ bù giá điện… đã tạo điều kiện cho những đối tượng nghèo có cơ sở cũng như chỗ dựa vững chắc thoát nghèo căn cơ và bền vững hơn. Ngoài ra, còn có sự nỗ lực phấn

đấu vươn lên của người nghèo, đã biết tích lũy, hạn chế chi tiêu, chịu khó đầu tư vào sản xuất kinh doanh, hỗ trợ con em học tập, nếp sống đã cải thiện đáng kể góp phần hoàn thành nhiệm vụ chung của Đảng bộ quận đề ra.

- Công tác điều tra, khảo sát, cập nhật biến động tăng, giảm hộ nghèo định kỳ hàng quý, năm theo chuẩn mới và quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo được thực hiện tốt, cụ thể từng địa bàn, rà soát từng nhóm đối tượng, để làm cơ sở cho việc xây dựng mục tiêu, chỉ tiêu giảm nghèo và đưa ra những biện pháp đồng bộ, phù hợp để thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững của quận, góp phần thắng lợi trong công tác giảm nghèo và đảm bảo an sinh xã hội hiệu quả, nhanh chóng.

- Chính sách giảm nghèo được duy trì thực hiện đến nay tại quận đã có ảnh hưởng tích cực đến công tác giảm nghèo bền vững của quận. Trong số các chương trình hỗ trợ tín dụng, chương trình cho vay và chương trình cho vay học sinh, sinh viên nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội là hai chương trình tín dụng hiệu quả nhất, hỗ trợ hộ nghèo tiếp cận giáo dục và tạo công ăn việc làm cho những hộ sản xuất nhỏ. Đồng thời, kết hợp các nguồn vốn của quỹ quốc gia giải quyết việc làm, Quỹ XĐGN tập trung cho vay đối tượng hộ nghèo, cận nghèo trên cơ sở hình thành các doanh nghiệp nhỏ và vừa hoặc đầu tư vào các dự án sản xuất kinh doanh thu hút lao động trên địa bàn. Bên cạnh hình thức trợ vốn, quận còn thực hiện nhiều hình thức chăm lo về mặt xã hội khác như thực hiện tốt các chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe, giáo dục như BHYT; miễn giảm học phí theo hướng dẫn của Thành phố; phổ cập các bậc học và xoá mù chữ nhằm nâng cao học vấn cho người nghèo và cận nghèo thiếu hụt về chỉ số y tế, giáo dục; cấp học bổng cho học sinh nghèo; các dự án nâng cấp cơ sở hạ tầng về cải thiện môi trường, điều kiện sinh hoạt cho hộ nghèo; vận động quỹ "Vì người nghèo"… ngày càng góp phần quan trọng trong việc tạo điều kiện cho hộ nghèo từng bước ổn định thu nhập, có tích lũy và vươn lên thoát nghèo.

- Việc giám sát và kiểm tra đôn đốc thực hiện chính sách giảm nghèo hiện nay tại quận được thực hiện khá tốt. Thực hiện tốt công tác quản lý, kiểm tra chặt

chẽ việc sử dụng nguồn vốn kết hợp với sự giám sát của các thành viên Ban giảm nghèo bền vững góp phần đạt được kết quả chương trình đã đề ra.

- Công tác tuyên truyền phong phú, đa dạng về nội dung, cách thức, sử dụng các phương tiện truyền thông qua đài phát thanh, truyền hình; qua báo chí; qua các bản tin trên website quận, bản tin phường; qua các lớp tập huấn; qua các buổi họp khu phố, tổ dân phố để tuyên truyền, vận động một cách sâu rộng đến người dân nên chủ trương, chính sách về giảm nghèo bền vững nhanh chóng đi vào cuộc sống, tạo ra hiệu ứng sâu rộng, làm chuyển biến nhận thức của các hộ nghèo trong chương trình về ý nghĩa tự vươn lên thoát nghèo, phần nào khắc phục tư tưởng trông chờ vào sự hỗ trợ của xã hội, ỷ lại vào chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

- Việc hoàn thành mục tiêu giảm nghèo không chỉ đơn thuần về mặt an sinh xã hội, mà nó còn mang ý nghĩa rất lớn về chính trị, KT-XH, củng cố niềm tin của nhân dân với Đảng, với chính quyền. Đồng thời, qua hoạt động thực tiễn đã giúp cho CBCC gần gũi người dân và gương mẫu đi đầu trong công tác chăm lo dân, nhất là dân nghèo.

2.4.2. Một số hạn chế

Bên cạnh những mặt đạt được nêu trên, công tác QLNN về giảm nghèo bền vững của quận cũng còn gặp phải những tồn tại cụ thể sau:

- Một số phường còn thiếu kiên quyết trong công tác chỉ đạo việc điều tra những hộ nghèo còn khoán trắng cho Ban giảm nghèo hoặc chuyên trách nên việc nắm hộ nghèo, nắm người thiếu chặt chẽ, không có giải pháp phù hợp kịp thời. Đồng thời một bộ phận hộ nghèo có tư tưởng ỷ lại, lười lao động trông chờ vào các chính sách của nhà nước nhưng công tác tuyên truyền vận động giáo dục chưa thường xuyên.

- Nợ quá hạn của một số phường còn cao do chưa có biện pháp chặt chẽ xử lý thu hồi nợ quá hạn đối với những hộ không chịu trả hoặc cố tình dây dưa kéo dài; có phường còn thiếu kiên quyết trong công tác chỉ đạo điều tra những hộ vay vốn đã bán nhà đi nơi khác để tồn nợ quá hạn tại phường cao và kéo dài trong nhiều năm. Nguồn vốn cho vay đối với học sinh, sinh viên cũng gặp nhiều khó khăn trong việc

thu hồi vốn vì sinh viên khi ra trường không có việc làm hoặc thời gian tìm việc quá lâu dẫn đến khó có khả năng trả nợ vay.

- Công tác phối hợp của một số thành viên Ban Giảm nghèo bền vững quận, phường theo phương pháp đa chiều chưa đồng bộ, chưa có sự gắn kết kế hoạch, chỉ tiêu giảm nghèo với kế hoạch thường xuyên hàng năm của từng ngành, chưa có sự trao đổi thông tin thường xuyên về các số liệu do ngành mình quản lý. Một số phường còn lúng túng trong phương pháp hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo.

- Trưởng Ban giảm nghèo bền vững phường và cán bộ chuyên trách giảm nghèo có nhiều thay đổi nên ảnh hưởng lớn đến công tác quản lý, theo dõi và nắm hộ nghèo không sát, dẫn đến việc tiếp cận, tham gia xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều có lúc còn hạn chế. Các Tổ tự quản giảm nghèo hoạt động kiêm nhiệm nhiều việc tại địa bàn dân cư nên chất lượng hoạt động chưa đạt hiệu quả.

- Một số chiều nghèo thiếu hụt xã hội khó kéo giảm do tính chất phức tạp như diện tích nhà ở, BHXH, đào tạo nghề, trình độ giáo dục của người lớn. Do đó đòi hỏi cần phải có sự phối hợp giữa nhiều ban ngành, đoàn thể liên quan trong việc vận động, hỗ trợ, tuyên truyền, sự tập trung quyết liệt của địa phương, nhất là cấp phường; thời gian thực hiện chính sách hỗ trợ cần lâu dài và nhất là phải vận động được sự đồng thuận tự nguyện tham gia của người nghèo. Công tác vận động học nghề hiện nay gặp khó khăn do người nghèo có tâm lý chỉ muốn đi làm có tiền ngay, không muốn bỏ thời gian dài đi học nghề.

- Việc tuyên truyền về hỗ trợ cho người lao động có nhu cầu đi làm việc ở nước ngoài trong đó có thành viên là hộ nghèo, cận nghèo tuy có tham mưu tổ chức triển khai thực hiện nhưng số lao động tham gia chưa cao. Vì điều kiện gia đình khó khăn, người nghèo chưa quan tâm học nghề, ngoại ngữ cùng với nguyên nhân khách quan là yêu cầu của thị trường lao động nước ngoài khắt khe khiến cho lao động nghèo với trình độ học vấn, tay nghề hạn chế không có cơ hội được tuyển dụng.

- Công tác tuyên truyền bằng pano, áp phích trên địa bàn quận còn hạn chế nên phần nào ảnh hưởng đến sự trợ giúp của cộng đồng, xã hội đối với giảm nghèo

bền vững. Công tác tuyên truyền tuy đã được chỉ đạo thực hiện tập trung nhưng tại một số nơi, một số đơn vị thực hiện chưa đồng bộ và sâu rộng. Sự phối hợp giữa ban ngành, đoàn thể có lúc chưa được chặt chẽ.

2.4.3. Nguyên nhân của những hạn chế

Qua thực tiễn hoạt động và phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến QLNN về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú (như vị trí địa lý, đặc điểm dân cư, điều kiện KT-XH), luận văn đưa ra một số nguyên nhân dẫn đến các hạn chế trên như sau:

2.4.3.1. Nguyên nhân chủ quan

Thứ nhất là do tác động của yếu tố về đặc điểm dân cư của quận Tân Phú. Đời sống của một bộ phận dân cư còn khó khăn, lao động thiếu việc làm còn lớn, trình độ dân trí và chất lượng nguồn lao động còn thấp. Dân số của quận đông, tỷ lệ dân tạm trú chiếm gần 45% dân số của quận đã nổi lên nhiều vấn đề bức xúc như: Tạo việc làm, y tế, giáo dục, tệ nạn xã hội diễn biến phức tạp... Bên cạnh đó, đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn quận sống không tập trung, một số ít đồng bào dân tộc thiểu số ít quan tâm đến sinh hoạt chính trị - xã hội ở địa phương, do đó việc tổ chức triển khai các phong trào, các hoạt động tại địa phương có hạn chế nhất định.

Thứ hai là do nhận thức của cơ quan QLNN về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú còn tồn tại vướng mắc. Công tác quán triệt, triển khai, tuyên truyền các chủ trương, chính sách về giảm nghèo bền vững của Đảng và Nhà nước tuy đã được chỉ đạo thực hiện tập trung nhưng tại một số nơi, một số đơn vị thực hiện chưa đồng bộ, chưa sâu rộng. Sự phối hợp giữa ban ngành, đoàn thể có lúc chưa được chặt chẽ. Một số phường còn lúng túng trong phương pháp hỗ trợ hộ nghèo. Công tác tuyên truyền chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước đến đồng bào dân tộc thiểu số tuy được thực hiện tập trung, thường xuyên nhưng tài liệu tuyên truyền, lực lượng báo cáo viên, tuyên truyền viên là người dân tộc thiểu số hoặc biết sử dụng ngôn ngữ của đồng bào dân tộc thiểu số còn thiếu nên hiệu quả mang lại chưa cao.

Thứ ba là do chất lượng của một bộ phận CBCC làm công tác QLNN về giảm nghèo bền vững tại địa phương còn hạn chế. Một số Trưởng Ban giảm nghèo

phường chưa nắm sát hộ nghèo, dẫn đến sự thiếu mạnh dạn trong việc giải ngân hoặc sợ nợ quá hạn nên chưa đáp ứng đúng mức nhu cầu vay vốn của hộ nghèo. Bên cạnh đó, đội ngũ cán bộ chuyên trách phường có sự nhiệt tình, năng nỗ trong công việc nhưng đa phần thiếu kinh nghiệm hướng dẫn, tư vấn cho hộ nghèo. Đội ngũ tổ trưởng tổ tự quản giảm nghèo vẫn còn thiếu, trình độ quản lý điều hành còn yếu, dẫn đến tổ hoạt động chưa hiệu quả, chưa đáp ứng được yêu cầu đề ra.

Thứ tư là do năng lực tổ chức, quản lý của bộ máy chính quyền quận vẫn còn có một số khuyết điểm. Còn thiếu những giải pháp mang tính đột phá và căn cơ hơn. Những kế hoạch, quy hoạch phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội lồng ghép với mục tiêu giảm nghèo còn hạn chế chưa mang tính đồng bộ. Bên cạnh đó là tình trạng lãng phí, thất thoát khi triển khai các dự án; chưa quyết liệt khi giải quyết khúc mắc của người dân trong việc tạo điều kiện cho họ tiếp cận các dịch vụ công, dịch vụ vay tín dụng... tác động đến chất lượng và hiệu quả phát triển mà còn trực tiếp tác động đến đời sống vật chất và niềm tin của nhân dân. Tính chất và mức độ hành chính quan liêu của các cơ quan đã ảnh hưởng đến việc giải quyết vấn đề giảm nghèo từ đó ảnh hưởng đến mục tiêu giảm nghèo bền vững của quận.

Thứ năm là do phần lớn các hộ nghèo còn vướng các vấn đề như: đông con, trình độ hạn chế, thiếu phương tiện và tư liệu sản xuất, diện tích nhà ở nhỏ, không có phương án làm ăn hiệu quả, thiếu ý thức, một số ít còn ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước và xã hội, ít chịu khó đầu tư kiến thức, tay nghề để nâng cao chất lượng và năng suất lao động, sa vào tệ nạn xã hội…

2.4.3.2. Nguyên nhân khách quan

Thứ nhất là do xu thế hội nhập và phát triển KT-XH của cả nước. Chuẩn nghèo được TP.HCM nâng lên 7 lần, theo đó nhiều hộ vừa thoát nghèo có khả năng tái nghèo cao. Do vậy, tại quận Tân Phú, những hộ có thu nhập nằm ngay sát chuẩn nghèo thì lại rơi vào tình trạng nghèo theo chuẩn mới. Bên cạnh đó, tình hình giá cả các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu thường xuyên biến động, cuộc khủng hoảng kinh tế vẫn còn nên công tác quản lý tiền tệ được thắt chặt hơn nên dẫn đến hạn chế các công trình phục vụ hạ tầng xã hội ảnh hưởng đến đời sống cũng như phúc lợi xã hội

của nhân dân.

Thứ hai là do yếu tố về cơ sở hạ tầng, kỹ thuật. Tại quận Tân Phú đang hình thành nhiều dự án, cơ sở hạ tầng được đầu tư mở rộng vì thế nhiều diện tích đất của người dân bị thu hồi để phục vụ cho dự án. Việc triển khai nhiều dự án xây dựng cơ sở hạ tầng nói riêng những năm qua đang làm cho nhiều hộ dân, người dân mất đất mất nhà, phải di dời đến nơi ở mới không đáp ứng được các điều kiện phát triển kinh tế gia đình, không kịp chuyển đổi nghề nghiệp hoặc không có tay nghề, phải đi làm mức thu nhập thấp, không ổn định, không có điều kiện tiếp cận với các dịch vụ xã hội cơ bản và phải đối mặt với nhiều rủi ro về sức khỏe, việc làm, tệ nạn xã hội nên nguy cơ rơi vào tình trạng khó khăn, nghèo đói của nhóm này rất cao.

Thứ ba là do yếu tố về môi trường. Tình hình vệ sinh môi trường ở một số nơi trên địa bàn quận chưa tốt, còn nhiều khu vực ngập nước, đất bỏ hoang, nghĩa trang trong khu dân cư, kênh rạch ô nhiễm xen lẫn khu nhà trọ không đủ điều kiện vệ sinh môi trường là nguy cơ thường xuyên gây ra dịch bệnh. Bên cạnh đó, tình trạng ô nhiễm môi trường từ các dự án đang triển khai cũng là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng đến sức khỏe của người dân trên địa bàn. Điều này làm tăng nguy cơ mắc các bệnh nặng ảnh hưởng đến sức lao động, làm giảm thu nhập do sức khỏe yếu và kéo theo các chi phí cho sức khỏe, bệnh tật khiến người lao động càng nghèo thêm.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 2

Quận Tân Phú là một quận mới được thành lập vào cuối năm 2003, với bước đầu còn gặp nhiều khó khăn trong việc thực hiện Chương trình mục tiêu giảm nghèo khi mới thành lập quận, nhưng bằng sự quyết tâm của Đảng bộ, Chính quyền và Nhân dân, quận đã đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đẩy mạnh công tác kêu gọi đầu tư phát triển sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm cho người lao động thuộc diện hộ nghèo trên địa bàn quận… Bên cạnh đó, từ thực tiễn về cách thức tổ chức QLNN về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú thông qua việc xây dựng, duy trì, điều chỉnh mục tiêu và kế hoạch giảm nghèo bền vững; theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, tổ chức đánh giá, tổng kết việc thực hiện, vai trò, trách nhiệm của các ban ngành đoàn thể quận, phường, do đó công tác giảm nghèo của quận đạt những kết quả đáng ghi nhận. Kết quả đạt được cho thấy sự quan tâm của các cấp, ban ngành, đoàn thể cùng với sự nỗ lực của hộ nghèo, hộ cận nghèo về ý thức tự phấn đấu vươn lên. Quận đã từng bước nâng dần chất lượng sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo không chạy theo thành tích đơn thuần, hạn chế tình trạng tái nghèo, giúp thoát nghèo một cách bền vững.

Chương 2 nêu rõ thực trạng QLNN về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú, TP.HCM. Từ đó đánh giá được kết quả cũng như các hạn chế còn tồn tại trong công tác quản lý, nguyên nhân của các hạn chế đó. Đối chiếu với nội dung lý luận được nêu ở chương 1, thực trạng ở chương 2 là cơ sở thực tiễn cho các giải pháp nêu ở chương 3 của Luận văn.

CHƯƠNG 3
MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM NÂNG CAO HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG TẠI QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

3.1. Chủ trương, quan điểm của Đảng, mục tiêu của Nhà nước và địa phương về giảm nghèo bền vững

3.1.1. Chủ trương, quan điểm của Đảng và mục tiêu của Nhà nước

Giảm nghèo bền vững là chủ trương lớn của Đảng nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho người nghèo, thu hẹp khoảng cách giữa các vùng, địa bàn các dân tộc, nhóm dân cư. Chủ trương, quan điểm của Đảng về giảm nghèo bền vững thể hiện rất rõ quan điểm có tính chất chiến lược, xuyên suốt và nhất quán là tăng trưởng kinh tế gắn liền với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, góp phần thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh". Qua các kỳ Đại hội, quan điểm của Đảng về XĐGN, giảm nghèo bền vững từng bước được xác lập, làm rõ và hiện thực hóa trên thực tế qua sự quản lý, điều hành của Nhà nước.

Ngày 21 tháng 5 năm 2002, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt "Chiến lược toàn diện về tăng trưởng và xóa đói giảm nghèo". Ngày 27 tháng 12 năm 2008, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo. Sau đó, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1971/QĐ-TTg về việc cho 30 huyện khác nằm ngoài Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP, nhưng điều kiện KT-XH cũng rất khó khăn, tỷ lệ nghèo cao, có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống, được hưởng cơ chế hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng bằng 70% của huyện trong chương trình thực hiện Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP. Quốc hội khóa XIII, tại Kỳ họp thứ 7 đã ban hành Nghị quyết số 76/2014/QH13 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020. Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2324/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2014 về kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 76/2014/QH13. Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP và Nghị quyết số 100/2015/QH13 ngày 12 tháng 11 năm

2015 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016 – 2020 đã đưa ra các mục tiêu như sau:

**** Mục tiêu tổng quát:***

- Thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững nhằm tạo sự chuyển biến nhanh hơn về đời sống vật chất, tinh thần của người nghèo, đồng bào dân tộc thiểu số thuộc các huyện nghèo và tạo điều kiện cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục đào tạo, y tế, việc làm và BHXH, điều kiện sống, thông tin) nhằm cải thiện và nâng cao mức sống của người nghèo; tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, toàn diện ở các vùng nghèo; thu hẹp khoảng cách chênh lệch giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng, các dân tộc và các nhóm dân cư.

- Hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, theo hướng sản xuất hàng hóa, khai thác tốt các thế mạnh của địa phương. Xây dựng kết cấu hạ tầng KT- XH phù hợp với đặc điểm của từng huyện; chuyển đổi cơ cấu kinh tế và các hình thức tổ chức sản xuất có hiệu quả theo quy hoạch; xây dựng xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc; dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ; bảo đảm vững chắc an ninh, quốc phòng.

- Thực hiện giảm nghèo bền vững, hạn chế tái nghèo; góp phần tăng trưởng kinh tế, đảm bảo an sinh xã hội, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, tăng thu nhập của người nghèo giai đoạn 2016 - 2020.

**** Mục tiêu cụ thể:***

Thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững nhằm góp phần giảm tỷ lệ nghèo cả nước bình quân 1,0% - 1,5%/năm; riêng các huyện nghèo, các xã đặc biệt khó khăn giảm 4%/năm theo chuẩn nghèo quốc gia giai đoạn 2016 - 2020.

3.1.2. Mục tiêu của Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số 3582/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2016 của UBND Thành phố về phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững của Thành phố giai đoạn 2016-2020 đã đề ra các mục tiêu như sau:

**** Mục tiêu tổng quát:***

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo, không để tái nghèo, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục - đào tạo, y tế, việc làm, BHXH, nhà ở, điều kiện sống và chất lượng cuộc sống) của hộ nghèo, hộ cận nghèo Thành phố, đảm bảo giảm nghèo bền vững vì một TP.HCM có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại nghĩa tình.

**** Mục tiêu cụ thể:***

- Giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn của Chương trình Giảm nghèo bền vững của Thành phố giai đoạn 2016 - 2020, bình quân 1% năm.
- Bình quân thu nhập của hộ nghèo Thành phố vào năm 2020 tăng lên 3,5 lần so với năm 2011 (theo Nghị quyết số 15/NQ-TW ngày 01 tháng 6 năm 2012 của BCH Trung ương khóa XI về một số vấn đề chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020).

3.1.3. Mục tiêu của quận Tân Phú

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ quận Tân Phú lần thứ XI nhiệm kỳ 2015 - 2020 về giảm nghèo bền vững giai đoạn 2015 – 2020; Chương trình số 04/CTr-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2016 của UBND quận Tân Phú về Chương trình giảm nghèo bền vững của quận Tân Phú giai đoạn 2016 – 2020; đồng thời triển khai Kế hoạch của UBND quận Tân Phú về thực hiện Chương trình Giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận trong hai năm 2019 – 2020 với mục tiêu như sau:

**** Mục tiêu tổng quát:***

Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ giảm nghèo, không để tái nghèo, tạo điều kiện cho hộ nghèo, hộ cận nghèo quận tiếp cận một cách tốt nhất các dịch vụ xã hội cơ bản (giáo dục - đào tạo, y tế, việc làm và BHXH, điều kiện sống, tiếp cận thông tin) nhằm cải thiện và nâng cao mức sống, điều kiện sống và chất lượng cuộc sống của hộ nghèo, hộ cận nghèo quận, đảm bảo giảm nghèo bền vững, góp phần xây dựng thành quận Tân Phú có chất lượng sống tốt, văn minh, hiện đại, nghĩa tình.

**** Mục tiêu cụ thể:***

Phấn đấu đến tháng 6 năm 2020, hoàn thành mục tiêu cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn thành phố giai đoạn 2019 – 2020. Lộ trình thực hiện Chương trình mục tiêu giảm hộ nghèo và cận nghèo giai đoạn 2019 - 2020 như sau:

- Năm 2019:

+ Phấn đấu thực hiện giảm 50% hộ nghèo có mức thu nhập dưới 28 triệu đồng/người/năm trở xuống (210/419 hộ) và giảm 50% hộ cận nghèo có mức thu nhập dưới 36 triệu đồng/người/năm trở xuống (268/536 hộ).

+ Tập trung hoàn thành chỉ tiêu đưa 100% hộ nghèo (01/01 hộ) và 100% hộ cận nghèo (05/05 hộ) thuộc chính sách ưu đãi người có công ra khỏi chương trình.

- Năm 2020: Đến cuối năm 2020, hoàn thành mục tiêu cơ bản không còn hộ nghèo theo chuẩn thành phố giai đoạn 2019 – 2020.

- Quỹ Quốc gia việc làm dành 30% vốn theo kế hoạch năm cho vay nhóm hộ cận nghèo và hộ vừa vượt chuẩn cận nghèo, ưu tiên cho vay các dự án cơ sở sản xuất, kinh doanh thu nhận lao động tạo việc làm.

- Đảm bảo cấp thẻ BHYT cho 100% hộ nghèo và 95% hộ cận nghèo trên địa bàn quận.

- Đảm bảo chăm lo tốt, kịp thời cho các đối tượng chính sách ưu đãi người có công (100% không còn hộ chính sách ưu đãi người có công nằm trong hộ nghèo), trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, người tàn tật, người già neo đơn, người cao tuổi, đoàn viên, hội viên là hộ nghèo.

3.2. Phương hướng quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú

Để đảm bảo thực hiện tốt giảm nghèo bền vững trong giai đoạn 2019-2020, định hướng đến năm 2025, hoạt động QLNN cần tuân thủ các phương hướng sau:

3.2.1. Gắn hoạt động QLNN về giảm nghèo bền vững với hoạt động phát triển kinh tế – xã hội trên địa bàn

- Xây dựng và ban hành văn bản cụ thể hóa tiêu chí giảm nghèo bền vững, đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế. Xây dựng và ban hành kế hoạch quản lý gắn

với giảm nghèo bền vững có sự tham gia của người dân. Triển khai thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận gắn với Kế hoạch phát triển KT-XH của quận.

- Các cấp ủy, chính quyền đẩy mạnh quán triệt tầm quan trọng và ý nghĩa của kế hoạch, đưa mục tiêu phấn đấu và giải pháp thực hiện vào chương trình hành động của các cấp ủy, chính quyền các cấp để chỉ đạo triển khai thực hiện thường xuyên. Xây dựng mục tiêu chỉ tiêu kế hoạch giảm nghèo theo từng năm và giai đoạn trên địa bàn của phường và quận; hoạch định và tổ chức thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo và an sinh xã hội, các chính sách KT-XH khác của quận theo từng giai đoạn; đảm bảo đúng đối tượng thụ hưởng, đáp ứng kịp thời và đầy đủ các nhu cầu xã hội cơ bản đang còn thiếu hụt của người nghèo quận.

3.2.2. Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

- Tiếp tục củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động tổ tự quản giảm nghèo; kiện toàn Ban giảm nghèo bền vững quận và 11 phường khi có sự thay đổi nhân sự.

- Rà soát và lựa chọn lực lượng Tổ tự quản giảm nghèo am hiểu hộ nghèo, hộ cận nghèo, nhiệt tình, trách nhiệm; tổ chức tập huấn; theo dõi, giám sát thường xuyên và chặt chẽ quá trình hộ nghèo, hộ cận nghèo ở phường.

3.2.3. Tổ chức tốt công tác điều tra, rà soát, đánh giá thực tế tại địa bàn

- Xây dựng cơ sở dữ liệu về hộ nghèo, hộ cận nghèo quận theo phương pháp tiếp cận nghèo đa chiều để có điều kiện đánh giá phân tích sâu về thực trạng nghèo của quận; trên cơ sở đó, đo lường và giám sát mức độ thiếu hụt về thu nhập và các chiều nghèo (tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản) của người dân;

- Tổ chức tốt công tác điều tra, cập nhật và quản lý tăng, giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo chặt chẽ, không để sót hộ, đảm bảo công bằng trong việc hỗ trợ đúng đối tượng. Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng của các phường so với bộ tiêu chí của Thành phố ban hành, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể từng giai đoạn.

3.2.4. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động

- Đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người

dân trong cộng đồng để các hộ nghèo phấn đấu tự lực vươn lên trong cuộc sống của bản thân và gia đình mình, đảm bảo công ăn việc làm và thu nhập ổn định, phấn đấu giữ vững, thậm chí có thể vượt qua kết quả giảm nghèo giai đoạn 2016 – 2018. Chú ý đẩy mạnh công tác thông tin tuyên truyền trong nội bộ các ban ngành, đoàn thể, CBCC phường đến Khu phố, Tổ dân phố trên địa bàn phường.

- Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền trực quan bằng pano, tờ bướm, tờ rơi, các khẩu hiệu; xây dựng các chuyên trang, chuyên mục trên các báo, đài, các trang thông tin điện tử ở các cấp để tuyên truyền về kết quả, hình thức triển khai thực hiện.

- Phát động thi đua, khen thưởng và nhân rộng những cá nhân điển hình, mô hình làm ăn tốt, hiệu quả vượt nghèo và hỗ trợ người nghèo ở địa phương.

3.2.5. Thực hiện tốt công tác đào tạo và nâng cao kỹ năng cho cán bộ, công chức làm công tác giảm nghèo bền vững

- Tổ chức các lớp tập huấn cho CBCC phường, cán bộ quản lý và người có uy tín trong cộng đồng để triển khai các nội dung của chương trình, kế hoạch giảm nghèo bền vững.

- Tổ chức các lớp đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ cho CBCC phù hợp với định hướng triển khai chương trình, kế hoạch giảm nghèo bền vững.

3.2.6. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực để thực hiện quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

- Tiếp tục huy động nguồn lực, bao gồm: Nguồn vốn tín dụng ưu đãi của các ngân hàng thương mại, từ các chương trình hỗ trợ tín dụng đặc thù, huy động từ các doanh nghiệp, cộng đồng dân cư...

- Đẩy mạnh thực hiện các giải pháp hỗ trợ nhằm đảm bảo hộ nghèo thoát nghèo một cách bền vững; đảm bảo triển khai kịp thời và thực hiện đầy đủ các chính sách xã hội, tập trung chăm lo và hỗ trợ cho các hộ cận nghèo.

- Đảm bảo các nguồn lực để thực hiện đúng chỉ tiêu và thời gian của kế hoạch đề ra.

3.3. Một số giải pháp cụ thể

Trên cơ sở phân tích thực trạng QLNN về giảm nghèo bền vững và ảnh hưởng của các yếu tố chủ quan, khách quan tại quận Tân Phú, luận văn đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả QLNN về giảm nghèo bền vững tại địa phương như sau:

3.3.1. Hoàn thiện chương trình, kế hoạch về giảm nghèo bền vững; qua đó đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trợ giúp pháp lý cho người nghèo về giảm nghèo bền vững

3.3.1.1. Hoàn thiện chương trình, kế hoạch về giảm nghèo bền vững

- Rà soát nắm chắc hoàn cảnh các hộ nghèo, nhất là hộ cận nghèo thuộc diện chính sách có công, phân loại ra từng hoàn cảnh nghèo và đề xuất các chính sách cụ thể để hỗ trợ. Đảm bảo tính chính xác về hoàn cảnh, mức thu nhập từng cá nhân trong hộ; nắm bắt tâm tư nguyện vọng và những nhu cầu chủ yếu của từng hộ để đầu tư hỗ trợ, giúp đỡ các hộ kịp thời và đeo bám theo dõi kết quả hỗ trợ, tháo gỡ những vướng mắc khó khăn của từng hộ nghèo. Quận tiếp tục hướng dẫn các phường thực hiện rà soát dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ vượt chuẩn cận nghèo theo chuẩn thành phố theo từng giai đoạn, đồng thời khảo sát bổ sung những hộ dân có thu nhập và điểm thiếu hụt đa chiều trong chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo để tổ chức bình nghị, công khai trong dân và lập danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố, làm cơ sở để xây dựng kế hoạch và thực hiện các chính sách giải pháp hỗ trợ giảm nghèo phù hợp với từng giai đoạn phát triển, định hướng đến năm 2025.
- Phòng LĐ-TB&XH là cơ quan thường trực tham mưu UBND quận triển khai các nội dung của chương trình, có trách nhiệm theo dõi, hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị và 11 phường thực hiện những nội dung được phân công. Đồng thời, phải định kỳ tổng hợp báo cáo UBND quận tiến độ giảm nghèo, công tác chăm lo hộ nghèo để kịp thời chỉ đạo phù hợp với nhu cầu thực tế.
- Chi cục Thống kê phải nghiên cứu thiết kế thu thập số liệu các chiều, chỉ số nghèo đa chiều gắn vào điều tra mức sống hộ gia đình (02 năm/lần) để theo dõi, đánh giá thực trạng nghèo đa chiều của quận; đồng thời, từ kết quả điều tra mức

sống hộ gia đình này, phối hợp với Phòng LĐ-TB&XH công bố tỷ lệ thiếu hụt các chiều nghèo của người dân 11 phường. Đồng thời, nghiên cứu bổ sung các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá về quy mô tốc độ thay đổi nghèo đa chiều của quận từ cở sở kết quả điều tra mức sống hộ gia đình (02 năm/lần) để báo cáo kết quả về đo lường và phân tích sự thay đổi tỷ lệ tiếp cận các nhu cầu xã hội cơ bản của người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo quận.

3.3.1.2. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức và trợ giúp pháp lý cho người nghèo về giảm nghèo bền vững

Triển khai đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động về kế hoạch, chỉ tiêu giảm hộ nghèo với các giải pháp và chính sách hỗ trợ, thiết thực, cụ thể như sau:

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền thông qua website quận, bản tin 11 phường, cổ động trực quan, thông tin lưu động về chương trình giảm nghèo bền vững. Thiết kế, vẽ tranh ảnh, pano minh họa để làm phong phú cho công tác tuyên truyền; tuyên truyền các mô hình, các cách làm hay, sáng tạo, hiệu quả về giảm nghèo.

- Tiếp tục thực hiện "Công khai minh bạch" về chính sách xã hội cho người nghèo để dân biết, dân bàn, giám sát thực hiện theo Chỉ số hiệu quả quản trị hành chính công cấp tỉnh (PAPI) nhằm xây dựng chính quyền gần dân, vì dân phục vụ, phục vụ nhân dân không điều kiện, trên tinh thần hết sức cầu thị, sẵn sàng nhận lỗi và khắc phục để phục vụ tốt hơn.

- Tiếp tục tuyên truyền, giáo dục các hộ nghèo nhận thức được những lợi ích của chương trình, những chính sách hỗ trợ của Nhà nước để từ đó họ phấn đấu tự lực vươn lên trong cuộc sống của bản thân và gia đình mình. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền thông qua các tấm gương vượt nghèo; khen thưởng phát huy các mô hình làm ăn tốt, hiệu quả để nhân rộng phong trào giảm nghèo ở địa phương và tiếp tục phát huy những nhân tố tích cực làm nòng cốt cho phong trào như các cơ sở tôn giáo, các tổ chức xã hội đồng hành cùng chăm lo cho người nghèo.

- Lồng ghép công tác tuyên truyền với việc thực hiện cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng đô thị văn minh" nhằm phát huy tình làng nghĩa xóm trong

cộng đồng dân cư góp sức, góp kinh nghiệm giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo.

- Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức trong toàn thể cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân về mục tiêu chương trình giảm nghèo; xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm và thường xuyên của các cấp ủy Đảng, chính quyền, MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội quận, phường và nhân dân.

Bên cạnh đó, cũng cần đẩy mạnh thực hiện công tác trợ giúp pháp lý cho người nghèo bằng các biện pháp như:

- Tăng cường công tác tư vấn, hướng nghiệp, mở rộng mạng lưới trợ giúp pháp luật ở các phường, khu phố để người nghèo có thể tiếp cận và khuyến khích các tổ chức xã hội tham gia hoạt động trợ giúp pháp lý.

- Tiếp tục tổ chức tốt các chương trình hỗ trợ miễn phí cho người nghèo, hộ nghèo về pháp luật; đồng thời, tăng cường tuyên truyền nâng cao ý thức thực hiện theo pháp luật cho người nghèo trên địa bàn quận.

3.3.2. Kiện toàn tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có chất lượng làm công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

3.3.2.1. Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

- Tăng cường rà soát, củng cố, kiện toàn, bổ sung thành viên Ban Giảm nghèo từ quận đến phường; sửa đổi, bổ sung quy chế tổ chức và hoạt động nếu có phát sinh; phân công, xác định trách nhiệm cụ thể để cùng phối hợp hoạt động có hiệu quả. Phân công thành viên Ban Giảm nghèo quận theo dõi, giúp đỡ phường dựa trên kết quả điều tra nguyên nhân hộ nghèo để có biện pháp hỗ trợ, đặc biệt chú ý tập trung đầu tư những phường có đông hộ nghèo (Tây Thạnh, Phú Thọ Hòa, Phú Trung và Hòa Thạnh).

- Phòng Nội vụ phải phối hợp với Phòng LĐ-TB&XH, Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu UBND quận về chế độ, chính sách đối với chức danh chuyên trách giảm nghèo theo quy định hiện hành; tham mưu Thường trực UBND quận điều chỉnh, bổ sung thành viên Ban Giảm nghèo quận và xét thi đua, khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc công tác giảm nghèo bền vững.

- Tiếp tục củng cố, kiện toàn Ban giảm nghèo bền vững, cán bộ chuyên trách

của phường và Tổ tự quản giảm nghèo bền vững trên địa bàn phường, nhằm nâng cao chất lượng hoạt động giảm nghèo đa chiều theo mục tiêu, chỉ tiêu và nhiệm vụ của Chương trình Giảm nghèo bền vững của quận. Phấn đấu đưa 100% hộ nghèo, hộ cận nghèo quận vào sinh hoạt tổ, trong đó, trên 80% tổ hoạt động hiệu quả.

- Tăng cường củng cố nâng cao chất lượng tổ chức và hoạt động tổ tự quản của những hộ giảm nghèo, tổ vượt nghèo, cụ thể như xây dựng hoàn chỉnh mạng lưới tổ tự quản; đảm bảo 100% hộ nghèo, cận nghèo trong danh sách tham gia sinh hoạt tổ nhằm phát huy hiệu quả của tổ tự quản trong việc thực hiện chương trình.

3.3.2.2. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có chất lượng làm công tác quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

- Phòng LĐ-TB&XH là đầu mối cho công tác tổ chức bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho CBCC chuyên trách giảm nghèo, tổ trưởng tổ tự quản giảm nghèo của các phường. Công tác bồi dưỡng, tập huấn cho CBCC chuyên trách giảm nghèo, tổ trưởng tổ tự quản giảm nghèo phường phải được thực hiện thường xuyên, liên tục, ổn định và phải chú trọng về nội dung, chất lượng.

- Củng cố và ổn định về đội ngũ CBCC làm công tác giảm nghèo từ quận đến phường. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ và kỹ năng, xử lý tình huống thực tế cho cán bộ chuyên trách giảm nghèo, tổ trưởng tổ tự quản giảm nghèo phường nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn. Đảm bảo thực hiện các chế độ, chính sách để lực lượng chuyên trách an tâm công tác.

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác khen thưởng cho các CBCC đã hoàn thành tốt xuất sắc công tác giảm nghèo bền vững để tạo động lực phấn đấu. Đồng thời, xử lý nghiêm những trường hợp sai phạm, vi phạm trong công tác giảm nghèo.

3.3.3. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực, thực hiện các chính sách hỗ trợ người nghèo để giảm nghèo bền vững, tăng cường công tác phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể trong thực hiện quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

3.3.3.1. Đẩy mạnh huy động các nguồn lực

- Tập trung nguồn lực vào các mục tiêu, chỉ tiêu, dự án và chính sách hỗ trợ giảm nghèo, tạo điều kiện đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo của hộ nghèo, hộ cận

nghèo ở từng phường. Tăng cường xã hội hóa, huy động mạnh mẽ các nguồn lực đầu tư hỗ trợ cho Chương trình Giảm nghèo bền vững của quận, tạo thành phong trào thi đua sâu rộng, thu hút sự tham gia ủng hộ của các tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế, các tổ chức xã hội, từ thiện, các nhà tài trợ có lòng hảo tâm... trên địa bàn quận, cùng chung sức, chung lòng hỗ trợ, chăm lo hộ nghèo, hộ cận nghèo quận.

- Tập trung vận động và cân đối đủ nguồn vốn để đáp ứng các nhu cầu về vốn của hộ nghèo. Thực hiện các Quỹ hỗ trợ giảm nghèo, quỹ quốc gia về việc làm, quỹ hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi đảm bảo tự nguyện, công khai và theo đúng quy định pháp luật.

- Tiếp tục phát huy xã hội hóa chương trình giảm nghèo thông qua công tác phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể, tổ chức quần chúng nhân dân trong việc trợ vốn cho hộ nghèo và hộ cận nghèo là đoàn viên, hội viên của các đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội. Tiếp tục duy trì việc vận động các tổ chức KT-XH nhận đỡ đầu cho các hộ có hoàn cảnh quá khó khăn để đảm bảo cuộc sống, tránh tái nghèo.

- Căn cứ thực trạng của hộ nghèo, hộ cận nghèo, khả năng huy động các nguồn vốn, đẩy mạnh trợ vốn cho hộ nghèo, hộ cận nghèo đảm bảo đúng đối tượng, kịp thời nhằm giúp người nghèo có công ăn việc làm, cải thiện cuộc sống; cụ thể như sau:

+ Quỹ hỗ trợ giảm nghèo tập trung hỗ trợ cho hộ nghèo có thu nhập dưới 28 triệu đồng/người/năm trở xuống.

+ Quỹ cho vay giải quyết việc làm (Quỹ 61) tập trung cho vay các đối tượng hộ cận nghèo, mở rộng ra cho các hộ cận nghèo đã vượt chuẩn để giải quyết việc làm, không tái nghèo; ưu tiên ưu tiên cho vay vốn để thành lập các doanh nghiệp nhỏ và vừa; đồng thời, khuyến khích đầu tư nguồn vốn này vào các dự án sản xuất kinh doanh thu hút lao động vào làm việc trên địa bàn quận, phường.

+ Chương trình tín dụng hộ nghèo của Ngân hàng chính sách xã hội tập trung cho vay hộ nghèo có thu nhập từ 21 triệu đồng/người/năm trở xuống.

- Đối với hộ dân tộc Hoa, vận động những khu người Hoa có các cơ sở sản

xuất kinh doanh giải quyết việc làm và hỗ trợ các nguồn lực khác cho lao động diện nghèo nhằm nâng cao mức thu nhập và tự phấn đấu vươn lên sớm thoát nghèo. Vận động các công ty, doanh nghiệp, các nhà hảo tâm tiếp tục hỗ trợ hàng tháng cho các hộ không có khả năng nâng thu nhập để tiếp tục ổn định cuộc sống.

- Gắn việc trợ vốn với hướng dẫn hộ nghèo kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm sản xuất – kinh doanh theo cơ cấu ngành nghề có hiệu quả, phù hợp với quy hoạch phát triển kinh tế địa phương và theo quy mô, trình độ sản xuất từng hộ. Tiếp tục thực hiện mô hình dự án hỗ trợ vốn cho các cơ sở sản xuất kinh doanh hoặc tổ giảm nghèo thu nhận lao động nghèo và lao động tại địa phương, khuyến khích hộ vượt nghèo có điều kiện làm ăn mở cơ sở sản xuất để tạo công ăn việc làm tại chỗ đặc biệt cho lao động phổ thông, trình độ thấp, không có chuyên môn kỹ thuật.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi công tác quản lý tài chính các nguồn quỹ đúng theo quy định Nhà nước, đảm bảo nguồn ngân sách cho thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững.

3.3.3.2. Đẩy mạnh việc thực hiện các chính sách hỗ trợ cho người nghèo để giảm nghèo bền vững

Để đạt được mục tiêu và chỉ tiêu chủ yếu trong giai đoạn 2019 – 2020, định hướng đến năm 2025, trước mắt Quận phải đảm bảo việc thực hiện các chính sách hỗ trợ giảm nghèo được liên tục cho từng nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo và thụ hưởng chính sách hỗ trợ giảm nghèo (nhất quán về chính sách áp dụng cho từng nhóm hộ nghèo, hộ cận nghèo). Cụ thể:

a. Chính sách cho vay ưu đãi và tín dụng nhỏ

- Chính sách cho vay ưu đãi và tín dụng nhỏ được tập trung hỗ trợ cho hộ nghèo và hộ cận nghèo có nhu cầu vay vốn để tổ chức sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nâng thu nhập và cải thiện cuộc sống, vượt mức chuẩn nghèo và chuẩn cận nghèo theo tiêu chí thu nhập.

- Tổ chức quản lý, điều hành tốt các quỹ như: Quỹ hỗ trợ giảm nghèo, Quỹ quốc gia việc làm, Quỹ tín dụng học sinh sinh viên, Quỹ tín dụng hộ nghèo, xuất khẩu lao động… đảm bảo thuận tiện, nhanh chóng và đúng quy định.

- Theo dõi, giám sát phát vay quỹ hỗ trợ giảm nghèo, dự toán và cấp kinh phí cho hoạt động chương trình theo Quy chế. Theo dõi hoạt động trợ vốn cho vay hộ nghèo trên địa bàn, kiểm tra tình hình quản lý, sử dụng vốn vay của phường.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm, quỹ tín dụng cho vay hộ nghèo, quỹ tín dụng các đoàn thể, nguồn Quỹ giảm nghèo của quận, phường,… nhằm hỗ trợ, chăm lo, tạo điều kiện cho người nghèo tiếp cận với các nguồn tín dụng ưu đãi phát triển sản xuất kinh doanh, giải quyết việc làm.

b. Chính sách đào tạo nghề và giải quyết việc làm

- Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền sâu rộng bằng nhiều hình thức nhằm nâng cao nhận thức của người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo về tầm quan trọng của đào tạo nghề là điều kiện căn cơ để thoát nghèo bền vững. Hướng nghiệp cho lao động nghèo phải gắn liền với yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế; chú trọng hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, phát triển nhiều loại hình kinh tế khác nhau. Khuyến khích xây dựng các tổ hợp tác ngành nghề theo quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế địa phương, chú trọng các ngành nghề thương mại, dịch vụ…

- Hướng nghiệp cho lao động nghèo phải gắn liền với yêu cầu phát triển của các ngành kinh tế; chú trọng hướng chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế, phát triển nhiều loại hình kinh tế khác nhau. Khuyến khích xây dựng các tổ hợp tác ngành nghề theo quy hoạch và định hướng phát triển kinh tế của địa phương, chú trọng các ngành nghề thương mại, dịch vụ …

- Tổ chức tuyển sinh đào tạo nghề theo nhu cầu tại Trung tâm dạy nghề, ưu tiên đối tượng lao động nghèo, bộ đội xuất ngũ, diện chính sách và thực hiện tốt các chế độ miễn, giảm theo quy định. Tăng cường liên kết, phối hợp các cơ sở dịch vụ việc làm, Ban quản lý khu công nghiệp để đào tạo và giải quyết việc làm.

- Tổ chức thu thập thông tin thị trường lao động. Tăng cường liên kết giữa các cơ sở đào tạo nghề và các doanh nghiệp để giải quyết việc làm cho lao động nghèo sau khi đào tạo; triển khai đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm (mô hình đào tạo nghề của các doanh nghiệp xen kẽ vừa học vừa làm - đào tạo kép).

- Phân loại trình độ học vấn của người lao động và điều kiện cụ thể của từng loại ngành nghề, tổ chức đào tạo nghề với nhiều hình thức đa dạng từ những nghề đơn giản đến những nghề đòi hỏi phải có tay nghề kỹ thuật. Phát huy hình thức dạy nghề kèm cặp tại doanh nghiệp, hộ gia đình để giải quyết việc làm. Phân loại đối tượng hộ nghèo thành nhiều nguồn (có khả năng lao động, thiếu kỹ năng lao động hoặc không có khả năng lao động) để phối hợp cùng Phòng Giáo dục và Đào tạo, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp – Giáo dục thường xuyên quận đào tạo nghề và giới thiệu việc làm cho các lao động nghèo.

- Nghiên cứu các chính sách và giải pháp tạo việc làm mới trên địa bàn phường. Tập trung ưu tiên dự án quy mô đầu tư nhỏ trên địa bàn, giải quyết có hiệu quả chiều nghèo thiếu hụt về việc làm của người nghèo tại địa phương; mở rộng các chương trình đào tạo nghề đưa người lao động diện hộ nghèo có chuyên môn tay nghề kỹ thuật đi làm việc ở nước ngoài, nhằm tạo việc làm ổn định và có thu nhập cao, vừa giảm nghèo nhanh, bền vững, vừa phát triển nguồn nhân lực của quận.

- Duy trì liên kết với các tổ chức phi chính phủ (như Saigon Charity CIO) mở các lớp đào tạo nghiệp vụ nhà hàng và các nghề khác miễn phí cho thanh niên có hoàn cảnh khó khăn trên địa bàn quận và sau khi đào tạo sẽ giới thiệu việc làm cho các đơn vị ký kết đào tạo. Đồng thời, vận động thanh niên nghèo đăng ký học các nghề phù hợp với trình độ, khả năng của mình tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp

– Giáo dục thường xuyên quận, các cơ sở dạy nghề tư nhân do quận quản lý, thực hiện tốt chính sách miễn giảm học phí và giới thiệu việc làm sau khi hoàn thành khóa học. Bên cạnh đó, khuyến khích thanh niên nghèo tham gia học các ngành nghề truyền thống theo dạng cha truyền con nối như nấu ăn, thợ hồ, hớt tóc, nghệ nhân cây cảnh,… giúp họ lao động và sống được với nghề đã học.

- Phối hợp vận động các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh tiếp nhận lao động thuộc diện hộ nghèo, có chính sách hướng dẫn ưu đãi về thuế. Hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện các hộ nghèo tham gia làm kinh tế, phát triển kinh tế hộ gia đình, kinh tế tập thể.

- Thông qua số doanh nghiệp mới thành lập và các hộ kinh doanh cá thể để

giới thiệu việc làm cho thanh niên trên địa bàn. Tổ chức mô hình cầu nối giữa phường và doanh nghiệp, công ty, cơ sở trong việc đưa hàng gia công như: cắt chỉ, lặt hạt điều, kéo dây lạp xưởng, kết cườm, dập ron cao su,… đến từng nhà đối với những lao động nghèo không có điều kiện đi làm bên ngoài, để họ có việc làm tăng thêm thu nhập.

- Rà soát, thống kê và lập danh sách lao động bị mất việc làm do doanh nghiệp thu hẹp sản xuất, giải thể, ngưng hoạt động trên địa bàn quận để có biện pháp hỗ trợ kịp thời. Tăng cường kiểm tra việc thực hiện các quy định của Bộ luật Lao động, Luật An toàn, vệ sinh lao động ở các doanh nghiệp có nguy cơ tiềm ẩn tranh chấp lao động nhằm đảm bảo xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, tiến bộ trong doanh nghiệp.

c. Chính sách hỗ trợ về giáo dục

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm nâng cao dân trí (tiếp tục triển khai công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục cho người nghèo để nâng cao trình độ dân trí), hướng dẫn thực hiện chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh diện nghèo cho các trường. Phối hợp Hội khuyến học xây dựng cơ chế khuyến học, khuyến tài cho học sinh nghèo. Tổ chức các hoạt động chăm lo về giáo dục con em thuộc diện cho hộ nghèo. Đồng thời phối hợp với UBND 11 phường vận động số học sinh nghèo bỏ học trở lại trường. Kinh phí hỗ trợ thực hiện cho các chính sách này được bố trí ổn định hàng năm từ nguồn ngân sách thành phố.

- Đẩy mạnh triển khai công tác chống mù chữ (đặc biệt chú trọng đối tượng sau 35 tuổi), phổ cập giáo dục cho người nghèo để nâng cao trình độ dân trí. Tích cực đổi mới nội dung, phương thức tổ chức hoạt động giáo dục hướng nghiệp trong trường trung học cơ sở, phân luồng học sinh sau trung học cơ sở; phân luồng và tổ chức tốt công tác tư vấn, định hướng nghề cho học sinh khối lớp 8, lớp 9. Phối hợp với các trường đào tạo nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng nghề và cơ sở đào tạo nghề tổ chức tư vấn trực tiếp cho học sinh cuối cấp.Đa dạng hóa phương thức học tập đáp ứng nhu cầu nhân lực, tạo cơ hội học tập suốt đời cho người dân.

- Đẩy mạnh vận động nguồn Quỹ Vì người nghèo, các chương trình khuyến

học, khuyến tài của Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể quận, các nhà tài trợ để hỗ trợ học bổng hàng năm cho học sinh thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo quận.

- Tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế". Tiếp tục đầu tư xây dựng mới, xây dựng mở rộng trường lớp, tăng cường đầu tư trang thiết bị, đồ dùng dạy học hiện đại, xây dựng các trường tiên tiến, hiện đại hội nhập khu vực và quốc tế, trường đạt chuẩn quốc gia, trường đạt chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục. Bên cạnh đó, đẩy mạnh thực hiện công tác quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý ngành giáo dục và đào tạo quận. Đồng thời chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho đội ngũ giáo viên, cán bộ, nhân viên ngành giáo dục và đào tạo.

d. Chính sách hỗ trợ chăm sóc sức khỏe

- Tiếp tục thực hiện chính sách hỗ trợ mua thẻ BHYT, chi phí khám chữa bệnh, tiền ăn khi điều trị bệnh nội trú cho người nghèo thuộc hộ nghèo nhóm 1, 2 và hộ cận nghèo; đồng thời, tiếp tục thực hiện các chính sách hỗ trợ về khám chữa bệnh cho người nghèo mắc bệnh hiểm nghèo; về nâng cao chất lượng dân số; về cung cấp dinh dưỡng cho phụ nữ và trẻ em nghèo; hỗ trợ chi phí phẫu thuật tim, tiền ăn, tiền đi lại cho trẻ em nghèo bị bệnh tim bẩm sinh...

- Phòng Y tế, Bệnh viện và Trung tâm Y tế quận phối hợp tổ chức thực hiện tốt công tác cấp cứu, khám chữa bệnh BHYT, đẩy mạnh công tác chăm sóc sức khỏe cho diện chính sách, gia đình nghèo, gia đình có công với cách mạng và nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; đẩy mạnh công tác truyền thông về kế hoạch hóa gia đình cho hộ nghèo; có kế hoạch tổ chức tiếp cận các hộ nghèo để nâng cao nhận thức và cam kết thực hiện kế hoạch hóa gia đình, duy trì quy mô gia đình hợp lý.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình hành động số 43-CTr/QU ngày 03 tháng 5 năm 2018 của BCH Đảng bộ quận về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới trên địa bàn quận. Hỗ trợ

triển khai Phòng khám Bác sĩ gia đình và khám chữa bệnh BHYT tại Trạm Y tế. Đầu tư trang thiết bị, dụng cụ y khoa cho ngành y tế nhằm phục vụ công tác cấp cứu, chẩn đoán và điều trị bệnh; đồng thời, tăng cường liên kết hợp tác với các bệnh viện tuyến thành phố nhằm đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân.

- Đầu tư cơ sở vật chất cho công tác phòng, chống dịch bệnh và khám chữa bệnh ban đầu cho Trạm Y tế 11 phường, Trung tâm Y tế quận và các chương trình sức khỏe. Tiếp tục triển khai và nhân rộng mô hình Trạm Y tế phường hoạt động theo nguyên lý y học gia đình.

- Thực hiện tốt công tác QLNN về y tế; triển khai có hiệu quả các chương trình phòng, chống bệnh không lây, các bệnh truyền nhiễm tại cộng đồng được khống chế. Phấn đấu kéo giảm số ca mắc bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng… và không để xảy ra trường hợp tử vong do dịch bệnh.

đ. Chính sách hỗ trợ bảo hiểm xã hội

- Tập trung đẩy mạnh vận động, tuyên truyền chính sách tham gia BHXH tự nguyện, tạo điều kiện cho người lao động thuộc hộ nghèo quan tâm tham gia thực hiện; tập trung ưu tiên vào nhóm hộ nghèo đang thiếu hụt về chiều BHXH.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện chính sách hỗ trợ về BHXH tự nguyện cho người nghèo để phối hợp với các phường, các tổ chức đoàn thể triển khai vận động người nghèo, hộ nghèo tham gia BHXH tự nguyện.

- Tăng cường QLNN về công tác BHXH nhằm thực hiện có hiệu quả chính sách, pháp luật về BHXH, mở rộng đối tượng thực hiện các chính sách BHXH, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các nhóm đối tượng tham gia BHXH theo lộ trình quy định, trong đó, chú trọng đối tượng thuộc diện tham gia BHXH bắt buộc; tăng cường công tác tuyên truyền về BHXH tự nguyện.

- Bên cạnh đó, cần phổ biến những kiến thức cơ bản để các đối tượng nghèo có thể tham gia các loại hình bảo hiểm nhân thọ, ví dụ như: Tổng công ty Bảo Việt nhân thọ (BAOVIETLIFE), Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ Prudential Việt Nam, Công ty TNHH bảo hiểm nhân thọ AIA... để giúp họ độc lập về tài chính khi hết tuổi lao động, giải quyết các rủi ro trong cuộc sống, tai nạn, bệnh nghề nghiệp

hoặc có chế độ hưu trí, tử tuất... nhằm đa dạng hóa các hình thức để kéo giảm chiều thiếu hụt về bảo hiểm. Đồng thời tiếp tục kiến nghị với Trung ương bổ sung, điều chỉnh chế độ hưởng Bảo hiểm tự nguyện giống như bảo hiểm bắt buộc (thai sản, ốm đau, bệnh nghề nghiệp, tai nạn lao động, hưu trí và tử tuất).

e. Chính sách hỗ trợ nhà ở và nước sinh hoạt

- Tiếp tục rà soát, nắm chắc các trường hợp hộ nghèo quận đang thiếu hụt về diện tích nhà ở để nghiên cứu có các chính sách và giải pháp hỗ trợ phù hợp với nguyện vọng và nhu cầu của hộ; đồng thời tăng cường vận động kêu gọi các nhà đầu tư, các thành phần kinh tế tham gia đầu tư nhà ở phù hợp cho các hộ nghèo và hộ thu nhập thấp với phương thức xã hội hóa, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Hàng năm thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà tình thương và sửa chữa chống dột cho hộ nghèo; góp phần kéo giảm chỉ số thiếu hụt về nhà ở cho hộ nghèo.

- Quận tiếp tục thực hiện xây dựng nhà tình thương cho hộ nghèo còn khó khăn về nhà ở, sửa chữa chống dột, chống ngập và đẩy mạnh nguồn vốn cho hộ nghèo vay để tự sửa chữa nhà ở, ngăn phòng cho thuê cải thiện thu nhập.

- Xây dựng giải pháp hỗ trợ tăng tỷ lệ người dân có nhà ở, bảo đảm về diện tích và chất lượng nhà ở. Chủ động đề xuất, kiến nghị Thành phố điều chỉnh những khu quy hoạch không còn phù hợp, tạo mọi điều kiện thuận lợi để người dân được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở để giúp họ có điều kiện vay vốn ngân hàng mở rộng sản xuất kinh doanh - buôn bán vươn lên làm giàu chính đáng. Phối hợp với các đơn vị chức năng và thực hiện khi có kiến nghị, đề xuất của UBND phường thực hiện hỗ trợ hộ nghèo trong việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

- Rà soát quỹ đất và bổ sung quy hoạch đất xây dựng nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp trên địa bàn quận. Đối với các dự án nhà chung cư: hỗ trợ, hướng dẫn tạo điều kiện tối đa cho các doanh nghiệp thực hiện dự án nhằm đáp ứng nhu cầu nhà ở cho người dân, góp phần nâng tổng diện tích sàn xây dựng trên đầu người trên địa bàn quận. Đối với nhà ở riêng lẻ: hỗ trợ, giúp đỡ, hướng dẫn người dân các thủ tục về cấp phép xây dựng, sửa chữa nhà ở, điều chỉnh hoàn thiện hồ sơ

tạo điều kiện thuận lợi cho người dân khi xây dựng, sửa chữa, cải tạo nhà ở góp phần đáp ứng nhu cầu về nhà ở cho người dân. Tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân trong việc xin phép xây dựng về pháp lý, bản vẽ,…

- Chủ trì phối hợp với Tổng Công ty cấp nước Sài Gòn xây dựng kế hoạch và đảm bảo thực hiện các giải pháp để duy trì 100% người dân của quận sử dụng nước máy và nước hợp vệ sinh theo đề án được duyệt nhằm xóa ngay về chiều nghèo thiếu hụt nước sinh hoạt trong các hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn quận; đồng thời thực hiện chính sách hỗ trợ giảm giá nước sinh hoạt cho hộ nghèo. Tiếp tục bám sát, theo dõi và hỗ trợ kịp thời (nếu có phát sinh) các hộ nghèo có thiếu hụt về nước sinh hoạt.

g. Chính sách hỗ trợ tiếp cận thông tin

- Vận động hỗ trợ đầu thu truyền hình mặt đất. Hỗ trợ 100% hộ nghèo lắp đặt đầu thu kỹ thuật số mặt đất hoặc miễn giảm chế độ cho hộ có nhu cầu gắn cáp truyền hình theo đề án của Sở Thông tin và Truyền thông và 100% hộ nghèo có tài sản tiếp cận thông tin như Tivi, Radio, máy vi tính.

- Tiếp tục bám sát, theo dõi và hỗ trợ kịp thời (nếu có phát sinh) các hộ nghèo có thiếu hụt về sử dụng viễn thông và tài sản tiếp cận thông tin.

h. Một số chính sách an sinh xã hội khác

- Đẩy mạnh việc phối hợp triển khai các chính sách an sinh xã hội cho người dân trên địa bàn. Đảm bảo công tác chăm lo tết, thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách theo quy định đối với các đối tượng chính sách có công, bảo trợ xã hội trên địa bàn quận.

- Tiếp tục trợ cấp khó khăn hàng tháng từ quỹ "Vì người nghèo" quận cho những hộ nghèo đặc biệt khó khăn; hỗ trợ phương tiện đi học; chi phí mai táng khi người nghèo qua đời và miễn, giảm thuế khi hộ nghèo đăng ký kinh doanh.

3.3.3.3. Tăng cường công tác phối hợp giữa các ban ngành, đoàn thể trong thực hiện quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

a. Phối hợp với ban ngành quận

- Phối hợp đẩy mạnh công tác tuyên truyền vận động về kế hoạch, chỉ tiêu

giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo với các giải pháp và chính sách hỗ trợ, thiết thực.

- Tiếp tục phối hợp với ban ngành thực hiện chính sách trợ giúp pháp lý cho người nghèo trong Chương trình Giảm nghèo bền vững của Thành phố giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 3582/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2016 của UBND Thành phố, giúp họ sử dụng dịch vụ trợ giúp pháp lý miễn phí của Nhà nước hiệu quả, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho người thuộc hộ nghèo thành phố.

- Phối hợp với chính quyền các cấp giáo dục, thuyết phục, làm chuyển biến tư tưởng từng hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa biết hoặc không biết cách làm ăn, hoặc dính vào tệ nạn xã hội để tạo ý thức tự vươn lên để giảm nghèo.

b. Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể quận Triển khai các phong trào vận động nhân dân tham gia thực hiện hiệu quả

chương trình giảm nghèo ở từng phường, cơ sở. Cụ thể:

- Tổ chức tốt phong trào góp sức, góp kinh nghiệm giúp đỡ hộ nghèo vận động và xây dựng nhiều mô hình tổ/nhóm hỗ trợ giảm nghèo, gồm những hộ là đoàn viên, hội viên có cuộc sống khá tình nguyện nhận hỗ trợ, giúp đỡ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo trên từng địa bàn khu phố và trong từng cơ quan, đơn vị.

- Khuyến khích các cộng đồng dân tộc thiểu số phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương có giải pháp hỗ trợ giảm nghèo cho các hộ nghèo thuộc cộng đồng dân tộc người Hoa, Chăm, Khmer; các cộng đồng dân cư có đạo, để tăng cường khối đoàn kết dân tộc, đẩy nhanh quá trình giảm nghèo trong các cộng đồng dân cư này.

- Phối hợp thực hiện kế hoạch giám sát thực hiện chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn thành phố lồng ghép trong Kế hoạch liên tịch số 7404/KHLT/UBND-MTTQ ngày 30 tháng 11 năm 2017 giữa UBND Thành phố và Ủy ban MTTQ Việt Nam Thành phố về phối hợp thực hiện giảm nghèo bền vững, xây dựng đô thị văn minh trên địa bàn.

- Tổ chức tốt phong trào "Tổ dân phố nghĩa tình" góp sức, góp kinh nghiệm giúp đỡ người nghèo, hộ nghèo; vận động và xây dựng nhiều mô hình tổ, nhóm giảm nghèo, gồm những hội viên, đoàn viên có cuộc sống khá tình nguyện

nhận và

hỗ trợ giúp cho hộ nghèo trên từng địa bàn khu phố, trong từng cơ quan (thông qua nhận ủy thác vốn giảm nghèo).

- Có giải pháp phù hợp về vấn đề giới, nhất là phát triển nguồn lực, đào tạo nghề cho phụ nữ, chăm sóc giáo dục trẻ em gái về sức khỏe sinh sản, ưu tiên việc làm, tăng thu nhập cho phụ nữ nghèo. Tạo điều kiện thuận lợi nhất cho chủ hộ nghèo là phụ nữ tiếp cận đầy đủ và bình đẳng các chính sách hỗ trợ giảm nghèo, các dịch vụ xã hội cơ bản để vươn lên thoát nghèo. Ưu tiên hỗ trợ phụ nữ làm kinh tế gia đình, tạo việc làm, tăng thu nhập và giảm nghèo. Phát triển các tổ hợp tác tạo việc làm cho phụ nữ và hỗ trợ lẫn nhau trong kinh doanh từ nguồn Quỹ hỗ trợ phụ nữ nghèo. Đồng thời phát động phong trào chủ hộ nghèo, hộ cận nghèo là phụ nữ sử dụng tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng và dùng các nguồn năng lượng sạch trong sinh hoạt gia đình.

- Ủy ban MTTQ Việt Nam quận tiếp tục thực hiện cấp học bổng để hỗ trợ cho con em hộ nghèo có điều kiện đến trường; tiếp tục hỗ trợ hàng tháng những hộ nghèo khó khăn đặc biệt, chi phí mai táng khi người nghèo qua đời.

c. Phối hợp với Ủy ban nhân dân 11 phường

- Đổi mới phương thức bình chọn hộ nghèo theo hướng công khai minh bạch, đúng đối tượng và đảm bảo tiến độ thời gian. Thực hiện rà soát, điều tra, bình xét và công nhận hộ nghèo hàng năm đa chiều theo đúng quy định tại Quy trình bình nghị, công nhận hộ nghèo.

- Trên cơ sở tài liệu tập huấn, tuyên truyền của Thành phố, quận về nội dung giảm nghèo ở phường để phổ biến trong hệ thống chính trị các cấp và người dân, nhất là người nghèo, hộ nghèo của phường nắm và hiểu về cách làm mới này, tạo sự đồng thuận, cùng tham gia thực hiện trong phường. Qua đó, phối hợp tập huấn chung cho cán bộ làm công tác giảm nghèo phường, Tổ trưởng Tổ tự quản giảm nghèo phường để tạo sự thống nhất, nắm vững các nội dung thực hiện.

- UBND phường xây dựng chương trình, chỉ tiêu kế hoạch giảm nghèo; tổ chức phối hợp với phòng ban, đơn vị chức năng của quận thực hiện các chính sách tác động và giải pháp hỗ trợ cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo tổ chức sản

xuất làm ăn tự vươn lên giảm nghèo theo chỉ tiêu giảm nghèo của quận, phường.

- Tổ chức rà soát, đánh giá hiệu quả giảm nghèo, cập nhật xử lý cộng nhận tăng, giảm hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đúng quy định; vận động, huy động nguồn lực trong dân bổ sung vào Quỹ hỗ trợ giảm nghèo.

- Tổ chức sơ kết, tổng kết, thi đua khen thưởng và báo cáo kết quả thực hiện định kỳ cho cấp trên theo quy định.

3.3.4. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và giám sát trong hoạt động quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững

- Hàng năm, tổ chức kiểm tra, đối chiếu và sơ kết đánh giá các chỉ tiêu, nhiệm vụ của từng đơn vị, kịp thời điều chỉnh, bổ sung các nội dung phát sinh trong quá trình triển khai thực hiện.

- Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc tham mưu của các ban ngành, đoàn thể quận và UBND 11 phường về xây dựng Chương trình, Kế hoạch thực hiện những nội dung được phân công đối với công tác giảm nghèo trên địa bàn với những mục tiêu, lộ trình cụ thể để phối hợp, huy động cả hệ thống chính trị địa phương tập trung chăm lo cho hộ nghèo, cận nghèo.

- Về công tác giám sát: Tiếp tục triển khai mô hình phân cấp, trao quyền cho cơ sở và cho người nghèo trong tổ chức thực hiện các chương trình, dự án giảm nghèo tại địa phương; tổ chức các buổi truyền thông trực tiếp tại các khu phố để thực hiện đối thoại giữa chính quyền, Ủy ban MTTQ Việt Nam và các đoàn thể ở địa phương và người dân về chính sách, xác định nhu cầu và năng lực tham gia của người nghèo và người dân trong các hoạt động giảm nghèo tại địa phương, cơ sở nhằm tác động tạo cơ hội nâng cao vị thế, trao quyền và tăng cường khả năng giám sát của hộ nghèo, hộ cận nghèo đối với các hoạt động cộng đồng tại phường. Định kỳ, đột xuất tổ chức các hoạt động giám sát, phản biện về kết quả thực hiện theo quy định.

3.4. Một số kiến nghị

Từ thực tiễn QLNN về giảm nghèo trên địa bàn quận Tân Phú, để góp phần thực hiện tốt hơn nữa công tác giảm nghèo bền vững, giúp hộ nghèo thoát nghèo

bền vững, tránh tái nghèo và phát sinh nghèo trong thời gian tới, tác giả có một số kiến nghị cụ thể như sau:

3.4.1. Đối với Trung ương

Một là, hoàn thiện hệ thống thể chế về giảm nghèo bền vững. Nhà nước cần thống nhất việc ban hành các quy định về văn bản dưới luật của các bộ, ngành liên quan đến vấn đề giảm nghèo; khắc phục tình trạng thiếu thống nhất về các văn bản pháp lý giữa các bộ, ngành chức năng, gây khó khăn trong quá thực hiện mục tiêu giảm nghèo tại các địa phương.

Hai là, cải tiến quy trình thực hiện QLNN về giảm nghèo bền vững sao cho đảm bảo trình tự từ cấp, phạm vi lớn đến cấp, phạm vi nhỏ; đảm bảo sự tham gia và ủng hộ thực sự của người dân.

Ba là, bố trí thêm ngân sách và nhân lực làm công tác QLNN về giảm nghèo bền vững để nâng cao chất lượng từ hình thức đến nội dung. Đội ngũ cán bộ làm công tác giảm nghèo, nhất là ở cơ sở xã – phường đều kiêm nhiệm, chưa có cán bộ chuyên trách, ở các xã – phường do cán bộ LĐ-TB&XH kiêm nhiệm làm rất nhiều việc về lao động, chính sách người có công, chính sách xã hội... Cán bộ này là cán bộ không chuyên trách của xã – phường, chưa được hưởng các chế độ chính sách như CBCC cấp xã, hoạt động phí được hưởng hàng tháng còn thấp, do đó họ chưa tập trung hết công sức cho công tác này. Để có hiệu quả hơn nữa đề nghị Nhà nước xem xét bố trí ở mỗi xã – phường có một cán bộ chuyên trách giảm nghèo và được hưởng các chế độ chính sách như CBCC cấp xã.

3.4.2. Đối với Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

Một là, xem xét lại tiêu chí cho điểm của một số dịch vụ xã hội cơ bản chưa phù hợp với tình hình thực tế để đánh giá các hộ nghèo, cụ thể:

- Đa phần thành viên hộ nghèo có trình độ học vấn thấp, lao động phổ thông tại các cơ sở sản xuất nhỏ nên thường không được mua BHXH. Việc mua BHXH tự nguyện không được các đối tượng diện này quan tâm do có thể bị ảnh hưởng đến thu nhập và chính sách hưởng lương hưu từ BHXH chưa thật sự thu hút được người dân.

- Ban Giảm nghèo thường xuyên gặp gỡ tiếp xúc, vận động các thành viên hộ nghèo đi học văn hóa và học nghề miễn phí. Tuy nhiên công tác này không đạt hiệu quả cao vì thực tế các thành viên trong độ tuổi lao động có việc làm, có thu nhập, số thành viên khác do một phần đã lớn tuổi, lo toan cho kinh tế gia đình do đó không quan tâm đến việc học văn hóa; các thành viên hộ nghèo có tay nghề từ thực tế làm việc, việc đào tạo nghề và cấp chứng chỉ không được họ quan tâm.
- Về nhà ở: Đa số hộ nghèo, diện tích nhà ở rất nhỏ, thiếu kiên cố và ở chung với nhiều hộ ghép nên rất khó tính bình quân theo tiêu chuẩn Thành phố đưa ra.

Hai là, có sự phối hợp với người dân (xã hội) và doanh nghiệp (thị trường) vào QLNN về giảm nghèo bền vững để đảm bảo tính khả thi và bền vững,

Ba là, đầu tư thêm nhân lực và năng lực của đội ngũ CBCC làm công tác giảm nghèo bền vững để nâng cao chất lượng QLNN về giảm nghèo bền vững.

3.4.3. Đối với Ủy ban nhân dân quận Tân Phú

Một là, có chính sách khen thưởng thoả đáng bằng hiện vật đối với hộ nghèo đã nỗ lực vươn lên thoát nghèo để động viên kịp thời và làm gương, khuyến khích các hộ nghèo khác noi theo, tạo phong trào thi đua sâu rộng nhằm khai thác mọi nguồn lực, mọi tiềm năng, thế mạnh để góp phần thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú có hiệu quả và bền vững.

Hai là, đề xuất các cấp có thẩm quyền về vấn đề cho phép những hộ nghèo thuộc diện nghèo vĩnh viễn (hộ thuộc diện già cả neo đơn, bệnh tật, hộ đơn thân nuôi con còn nhỏ, tàn tật) không có điều kiện và khả năng thoát nghèo được tách ra khỏi diện hộ nghèo để được xét hưởng trợ cấp thường xuyên, ổn định cuộc sống.

TIỂU KẾT CHƯƠNG 3

Trên cơ sở thực tiễn từ những ưu điểm và hạn chế trở ngại khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú, để nâng cao chất lượng, hiệu quả thực hiện công tác này trong thời gian tới, cần:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng, sự điều hành của chính quyền và huy động sức mạnh của cả hệ thống chính trị và nhân dân thực hiện giảm nghèo theo hướng bền vững.

Hai là, hoàn thiện hệ thống thể chế về giảm nghèo bền vững, thường xuyên hệ thống lại các chính sách, chương trình, kế hoạch giảm nghèo bền vững,

Ba là, đề ra giải pháp, công cụ QLNN về giảm nghèo bền vững sao cho sát với thực tiễn, đảm bảo phù hợp với nhu cầu của từng nhóm đối tượng nghèo, phù hợp với điều kiện phát triển KT-XH và đặc điểm của địa phương.

Dựa vào cơ sở lý luận tại chương 1 và thực trạng công tác QLNN về giảm nghèo bền vững tại chương 2, tác giả đã nêu ra một số nhóm giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả công tác QLNN về giảm nghèo bền vững tại quận Tân Phú. Từ đó tác giả nêu ra một số kiến nghị nhằm thực hiện các giải pháp thuộc lĩnh vực chuyên môn đặc thù của UBND quận Tân Phú.

KẾT LUẬN

Nghèo đói đã và đang được nhận thức ngày càng sâu sắc hơn về bản chất và tác động của nó đối với quá trình phát triển KT-XH không chỉ ở phạm vi một địa phương hay một quốc gia mà cả thế giới. Ở Việt Nam, hoạt động giảm nghèo bền vững giờ đây đã trở thành một chiến lược lớn của quốc gia và đã được tổ chức thực hiện một cách bài bản theo Chương trình mục tiêu quốc gia.

Trong những năm qua, quận Tân Phú đã lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác giảm nghèo bền vững của quận đạt nhiều kết quả, quận đã cơ bản thực hiện hoàn thành mục tiêu không còn hộ nghèo các giai đoạn theo tiêu chí của Thành phố, chính sách giảm nghèo bền vững được triển khai thực hiện tại địa bàn quận đã góp phần đẩy nhanh tăng thu nhập, giải quyết tốt các vấn đề an sinh xã hội, tạo môi trường thuận lợi cho người nghèo tiếp cận với dịch vụ phúc lợi xã hội, sản xuất, kinh doanh, tự lực vươn lên thoát nghèo; từng bước nâng cao mức sống, điều kiện sống và chất lượng sống cho người nghèo, hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn quận, góp phần thu hẹp dần khoảng cách giữa hộ giàu và hộ nghèo. Hiệu quả của chương trình giảm nghèo bền vững trong những năm qua của quận không chỉ đơn thuần mang tính an sinh xã hội mà còn mang tính nhân văn sâu sắc; có ý nghĩa hết sức quan trọng trên nhiều lĩnh vực cả về KT-XH, chính trị, văn hóa. Bên cạnh đó, công tác QLNN về giảm nghèo tại quận vẫn còn gặp một vài khó khăn cần được khắc phục. Với mong muốn góp phần vào công cuộc phát triển KT-XH của quận Tân Phú, tác giả đã lựa chọn đề tài nghiên cứu về QLNN về giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận.

Để đạt được những mục tiêu của chương trình giảm nghèo bền vững, đối với quận Tân Phú, trước hết cần phải khắc phục được những tồn tại, đồng thời đòi hỏi các cấp ủy Đảng, Chính quyền, các ban ngành, đoàn thể và nhân dân cần có quyết tâm cao tạo nên sức mạnh tổng hợp, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực để thực hiện giảm nghèo. Mặt khác, cần tiếp tục giữ vững và phát huy những thành quả đã đạt được trong những năm qua, nhân rộng những gương sáng, những mô hình tốt trong việc thực hiện

giảm nghèo; vận động nhiều cá nhân, tổ chức xã hội, tích cực tham gia phong trào giúp đỡ người nghèo, tạo ra bước phát triển mới cho chương trình.

Luận văn đã làm rõ một số vấn đề lý luận QLNN về giảm nghèo bền vững. Phân tích đánh giá thực trạng hoạt động QLNN về giảm nghèo bền vững trong thời gian qua, đã chỉ rõ những kết quả bước đầu, làm rõ những hạn chế của hoạt động QLNN về giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận Tân Phú. Từ những cơ sở lý luận và xuất phát từ thực trạng, Luận văn đã đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả QLNN giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận. Việc thực hiện các giải pháp trên sẽ góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động QLNN về giảm nghèo bền vững tại quận, mang lại hiệu quả thiết thực cho người dân nói chung, người nghèo nói riêng, góp phần phát triển KT-XH, ổn định chính trị, an ninh quốc phòng đối với quận Tân Phú nói riêng và TP.HCM nói chung.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chấp hành Trung ương (2012), *Nghị quyết số 15-NQ/TW Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 - 2020*, Hà Nội.

2. Ban Chỉ đạo Chương trình Giảm nghèo bền vững Thành phố Hồ Chí Minh (2018), *Tài liệu tập huấn cán bộ làm công tác giảm nghèo bền vững năm 2018*, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội (2015), *Đề án tổng thể Chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo tù đơn chiều dựa vào thu nhập sang đa chiều, áp dụng trong giai đoạn 2016-2020*, Hà Nội.

4. Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam, Tổng Cục Thống kê, Viện Nghiên cứu phát triển Mê Kông, Chương trình Phát triển của Liên hợp quốc tại Việt Nam (2016), *Báo cáo tóm tắt nghèo đa chiều ở Việt Nam – giảm nghèo ở tất cả các chiều cạnh để đảm bảo cuộc sống có chất lượng cho mọi người*, Bộ Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Hà Nội.

5. Chính phủ (2008), *Nghị quyết 30a/2008/NQ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2008 về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững đối với 61 huyện nghèo*, Hà Nội.

6. Chính phủ (2011), *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2011-2020*, Hà Nội.

7. Chính phủ (2011), *Định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ tù năm 2011 – 2020*, Hà Nội.

8. Chính phủ (2011), *Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 5 năm 2011 về định hướng giảm nghèo bền vững thời kỳ tù năm 2011 đến năm 2020*, Hà Nội.

9. Trần Quốc Chung (2005), *Vai trò nhà nước đối với giảm nghèo nhanh và bền vững ở huyện Quế Phong, tỉnh Nghệ An*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý kinh tế, Đại học Kinh tế quốc dân, Hà Nội.

10. Liêu Khắc Dũng (2017), *Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang,* Luận văn Thạc sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Đại học Kinh tế quốc dân (2014), *Những lý luận chung về đói nghèo và xóa đói giảm nghèo*, Hà Nội.

12. Đảng Cộng sản Việt Nam (2001), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

13. Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội

14. Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

15. Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội.

16. Phan Huy Đường (2010), "Giảm nghèo bền vững và trợ giúp các đối tượng yếu thế ở Hà Nội: Những vấn đề đặt ra và giải pháp hoàn thiện", *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội, Kinh tế và Kinh doanh* số 1 (26), tr. 181-188.

17. Nguyễn Hữu Hải (2012), *Lý luận hành chính nhà nước (giáo trình đại học)*, Học viện Hành chính, Hà Nội.

18. Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Nghị quyết số 15/2015/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân Thành phố khóa VIII kỳ họp thứ 20 về Chương trình giảm nghèo bền vững của Thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2016 – 2020*, Thành phố Hồ Chí Minh.

19. Bùi Thế Hưng (2015), *Chính sách giảm nghèo bền vững tù thực tien quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng,* Luận văn Thạc sĩ Chính sách công, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Hà Nội.

20. Hồ Thụy Đình Khanh (2018), *Thực hiện chính sách giảm nghèo bền vững tù thực tien Quận 6, thành phố Hồ Chí Minh,* Luận văn Thạc sĩ Chính sách công, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.

21. Lê Quốc Lý (2012), *Chính sách xóa đói giảm nghèo - Thực trạng và giải pháp,* Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.

22. Nguyễn Út Ngọc Mai (2014), *Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ,* Luận văn Thạc sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội.

23. Nguyễn Thị Minh Nguyệt (2015), *Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn quận Hải Châu, thành phố Đà Nang,* Luận văn Thạc sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia, Thừa Thiên Huế.

24. Nguyễn Thành Nhân (2015), *Chính sách giảm nghèo bền vững tù thực tien Thành phố Hồ Chí Minh*, Luận văn Thạc sĩ Chính sách công, Học viện Khoa học xã hội, Viện Hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh.

25. Minh Phước (2017), "Thành phố Hồ Chí Minh nỗ lực cho công cuộc giảm nghèo bền vững", *Trang thông tin điện tử Đài Tiếng nói nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.*

26. Quốc hội (2014), *Nghị quyết số 76/2014/QH13 ngày 24 tháng 6 năm 2014 về đẩy mạnh mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020*, Hà Nội.

27. Quận ủy quận Tân Phú (2015), *Văn kiện Đại hội đại biểu Đảng bộ quận Tân Phú lần thứ XI nhiệm kỳ 2015 - 2020*, Thành phố Hồ Chí Minh.

28. Nguyễn Ngọc Sơn (2012), "Chính sách giảm nghèo ở nước ta hiện nay: Thực trạng và định hướng hoàn thiện", *Kinh tế và Phát triển,* số 7 (181), tr. 19-26.

29. Nguyễn Thế Tân (2015), *Quản lý nhà nước về giảm nghèo bền vững trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*, Luận văn Thạc sĩ Quản lý công, Học viện Hành chính Quốc gia, Hà Nội.

30. Hứa Ngọc Thuận (2015), *23 năm chương trình xóa đói giảm nghèo ở Thành phố Hồ Chí Minh (1992 - 2015)*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, Thành phố Hồ Chí Minh.

31. Thủ tướng Chính phủ (2014), *Quyết định số 2324/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2014 về ban hành kế hoạch hành động triển khai Nghị quyết số 76/2014/QH13 về đẩy mạnh thực hiện mục tiêu giảm nghèo bền vững đến năm 2020*, Hà Nội.

32. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định số 1614/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2015 phê duyệt đề án tổng thể "chuyển đổi phương pháp tiếp cận đo lường nghèo tù đơn chiều sang đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020"*, Hà Nội.

33. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Quyết định 59/2015/QĐ-TTg ngày 19 tháng 11 năm 2015 về ban hành chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020*, Hà Nội.

34. Thủ tướng Chính phủ (2016), *Quyết định số 1722/QĐ-TTg ngày 02 tháng 9 năm 2016 về phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020*, Hà Nội.

35. Trung tâm Thông tin và Dự báo Kinh tế - Xã hội Quốc gia (2014), *Hướng tiếp cận mới trong đánh giá đói nghèo ở Việt Nam*, Viện Kinh tế Việt Nam, Hà Nội.

36. Đỗ Quốc Tuấn (2012), *Mối liên kết giữa nghèo đói và môi trường tại huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông*, Luận văn Thạc sĩ Khoa học môi trường, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.

37. Ủy ban Kinh tế - Xã hội khu vực Châu Á – Thái Bình Dương ESCAP (1993), *Báo cáo Hội nghị chống đói nghèo khu vực Châu Á – Thái Bình Dương*, Thái Lan.

39. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2015), *Quyết định số 58/2015/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2015 về ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo thành phố áp dụng cho giai đoạn 2016 – 2020*, Thành phố Hồ Chí Minh.

39. Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (2016), *Quyết định số 3582/2016/QĐ-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2016 về phê duyệt Chương trình Giảm nghèo bền vững của Thành phố giai đoạn 2016-2020*, Thành phố Hồ Chí Minh.

40. Ủy ban nhân dân quận Tân Phú (2016), *Chương trình số 04/CTr-UBND ngày 12 tháng 10 năm 2016 về Chương trình giảm nghèo bền vững của quận Tân Phú giai đoạn 2016 – 2020*, Thành phố Hồ Chí Minh.

41. Ủy ban nhân dân quận Tân Phú (2017), *Báo cáo số 352/BC-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2017 về kết quả 02 năm (2016 – 2017) thực hiện Chương trình số 04/CTr-UBND của Ủy ban nhân dân quận về Chương trình Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020*, Thành phố Hồ Chí Minh.

42. Ủy ban nhân dân quận Tân Phú (2018), *Báo cáo số 330/BC-UBND ngày 02 tháng 11 năm 2018 về báo cáo kết quả 03 năm (2016 – 2018) thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020*, Thành phố Hồ Chí Minh.

43. Ủy ban nhân dân quận Tân Phú (2018), *Tài liệu Hội nghị Sơ kết 03 năm (2016 – 2018) thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016 – 2020*, Thành phố Hồ Chí Minh.

PHỤ LỤC 1. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH XÓA HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO CẢ NĂM 2016

Stt	Phường	Hộ nghèo trên 16-21 triệu đồng/người/năm												Hộ cận nghèo trên 21-28 triệu đồng/người/năm													Số hộ nghèo còn lại trên 16- 21 triệu		Số hộ cận nghèo còn lại trên 21 - 28 triệu		Hộ nghèo vượt trên chuẩn cận nghèo
		Tổng số hộ nghèo	Nhân khẩu	Chỉ tiêu nâng thu nhập (số hộ)	Thực hiện xóa hộ nghèo								Tỷ lệ	Tổng số hộ cận nghèo	Nhân khẩu	Chỉ tiêu nâng thu nhập (số hộ)	Thực hiện xóa hộ cận nghèo								Tỷ lệ	Số hộ nghèo chuyển sang cận nghèo	Nhân khẩu					
					Số hộ	Nhân Khẩu	Nguyên nhân thoát nghèo				Bán nhà đi nơi khác	Nguyên nhân khác					Số hộ	Nhân Khẩu	Nguyên nhân thoát cận nghèo				Bán nhà đi nơi khác	Nguyên nhân khác								
							Trợ vốn làm ăn	Giới thiệu việc làm	Tăng thu nhập đột xuất	Tự phấn đấu thoát nghèo									Trợ vốn làm ăn	Giới thiệu việc làm	Tăng thu nhập đột xuất	Tự phấn đấu thoát nghèo							Số hộ	Nhân Khẩu	Số hộ	Nhân Khẩu	
1	2	3	4	5	6	7	9	10	11	12	13	14	8	15	16	17	18	19	21	22	23	24	25	26	20	27	28	29	30	31	32	33
1	Tân Sơn Nhì	60	275	12	12	47	2	0	7	2	1	0	100.00%	51	203	5	5	21	1	-	2	2	-	-	100.00%	**9**	36	48	228	55	218	3
2	Tây Thạnh	124	478	25	27	112	-	-	0	27	-	-	108.00%	46	189	5	5	19	-	-	2	3	-	-	100.00%	**25**	102	97	366	66	272	2
3	Sơn Kỳ	72	336	15	15	45	3	2	-	10	-	-	100.00%	93	385	9	11	70	-	3	-	6	2	-	122.22%	**15**	45	57	291	97	360	-
4	Tân Quý	84	363	17	19	95	-	-	7	11	1	-	111.76%	116	467	11	15	53	1	1	2	7	4	-	136.36%	**16**	87	65	268	117	501	3
5	Tân Thành	77	329	16	29	136	6	-	-	16	7	-	181.25%	55	220	6	14	57	3	-	-	7	4	-	233.33%	**15**	69	48	193	56	232	14
6	Phú Thọ Hòa	235	1016	47	99	438	-	-	39	41	19	-	210.64%	86	366	9	22	91	-	-	14	4	4	-	244.44%	**38**	184	136	578	102	459	61
7	Phú Thạnh	57	235	11	11	50	4	-	-	7	-	-	100.00%	96	446	10	12	54	4	-	-	6	2	-	120.00%	**10**	35	46	185	94	427	1
8	Phú Trung	135	678	27	29	137	13	5	-	9	2	-	107.41%	148	708	15	19	87	6	-	-	13	0	-	126.67%	**25**	122	106	541	154	743	4
9	Hòa Thạnh	107	464	21	24	93	7	-	1	14	1	1	114.29%	74	299	7	10	36	1	-	-	8	1	-	142.86%	**16**	65	83	371	80	328	8
3	Hiệp Tân	65	288	13	16	77	1	1	-	12	2	-	123.08%	48	198	5	9	25	0	-	1	5	2	1	180.00%	**12**	60	49	211	51	233	4
11	Tân Thới Hòa	56	241	11	24	115	0	-	-	24	0	-	218.18%	53	225	5	23	107	0	-	-	23	-	-	460.00%	**24**	115	32	126	54	233	-
	Tổng cộng	**1,072**	**4,703**	**215**	**305**	**1,345**	**36**	**8**	**54**	**173**	**33**	**1**	**141.86%**	**866**	**3,706**	**87**	**145**	**620**	**16**	**4**	**21**	**84**	**19**	**1**	**166.67%**	**205**	**920**	**767**	**3,358**	**926**	**4,006**	**100**

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

PHỤ LỤC 2. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH XÓA HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO CẢ NĂM 2017

Stt	Phường	Hộ nghèo trên 16-21 triệu đồng/người/năm											Hộ cận nghèo trên 21-28 triệu đồng/người/năm																Số hộ nghèo còn lại trên 16 21 triệu		Số hộ cận nghèo còn lại trên 21 - 28 triệu		Hộ nghèo vượt ra khỏi chương trình
		Tổng số hộ nghèo	Nhân khẩu	Chỉ tiêu TP giao nâng thu nhập (50%) (số hộ)	Thực hiện xóa hộ nghèo								Tổng số hộ cận nghèo năm 2017	Nhân khẩu	Chỉ tiêu TP giao nâng thu nhập (42 %) (số	Số hộ nghèo cả năm 2017 chuyển sang cận nghèo	Nhân khẩu	Tổng số hộ cận nghèo	Tổng Nhân khẩu	Thực hiện xóa hộ cận nghèo														
					Số hộ	Nhân Khẩu	Nguyên nhân thoát nghèo					Tỷ lệ								Số hộ	Nhân Khẩu	Nguyên nhân thoát cận nghèo				Bán nhà đi nơi khác/nguyên nhân khác	Tỷ lệ							
							Trợ vốn làm ăn	Giới thiệu việc làm	Phấn đấu thoát nghèo	Hỗ trợ thoát nghèo	Bán nhà đi nơi khác/nguyên nhân khác											Trợ vốn làm ăn	Giới thiệu việc làm	Phấn đấu thoát nghèo	Hỗ trợ thoát nghèo										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
1	Tân Sơn Nhì	49	220	25	**26**	126	2	7	16		1	104.00%	61	245	26	**18**	77	79	322	**29**	118	3	8	18			111.54%	23	94	50	204	8
2	Tây Thạnh	101	382	51	**51**	205	4	7	22	10	8	100.00%	66	274	28	**23**	108	89	382	**28**	107	6	7	10	-	5	100.00%	50	177	61	275	28
3	Sơn Kỳ	57	272	29	**33**	175	8	2	10	10	3	113.79%	97	405	41	**30**	163	127	568	**49**	222	7	3	33	6	-	119.51%	24	97	78	346	3
4	Tân Quý	78	309	39	**42**	178			38		4	107.69%	141	592	59	**29**	120	170	712	**62**	260			56		6	105.08%	36	131	108	452	13
5	Tân Thành	48	191	24	**35**	154	7		6	21	1	145.83%	56	234	23	**29**	118	78	352	**35**	141	3	-	2	25	5	152.17%	13	37	43	211	6
6	Phú Thọ Hòa	136	555	68	**74**	323	6	4	15	41	8	108.82%	102	428	43	**18**	53	120	481	**50**	200	5	5	6	20	14	116.28%	62	232	70	281	56
7	Phú Thạnh	48	192	24	**24**	94	5	4	12	0	3	100.00%	94	439	39	**17**	66	111	505	**41**	186	6	3	28	2	2	105.13%	24	98	70	319	7
8	Phú Trung	106	526	53	**70**	371	18	10	14	22	6	132.08%	160	737	67	**64**	295	224	1,032	**96**	435	19	16	19	38	4	143.28%	36	155	128	597	6
9	Hòa Thạnh	85	376	43	**43**	191	10		19	8	6	100.00%	80	329	34	**22**	101	102	430	**45**	185	10	2	22	8	3	132.35%	42	185	57	245	21
3	Hiệp Tân	52	221	26	**32**	155	3		24		5	123.08%	53	230	22	**25**	109	78	339	**24**	104	2		21		1	109.09%	20	66	54	235	7
11	Tân Thới Hòa	35	133	18	**19**	69			19			105.56%	55	238	23	**17**	57	72	295	**23**	106			23			100.00%	16	64	49	189	2
	Tổng cộng	**795**	**3,377**	**400**	**449**	**2,041**	**63**	**34**	**195**	**112**	**45**	**112.25%**	**965**	**4,151**	**405**	**292**	**1,267**	**1,257**	**5,418**	**482**	**2,064**	**61**	**44**	**238**	**99**	**40**	**119.01%**	**346**	**1,336**	**775**	**3,354**	**157**

PHỤ LỤC 3. TỔNG HỢP TÌNH HÌNH XÓA HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO NĂM 2018

Stt	Phường	Hộ nghèo trên 16-21 triệu đồng/người/năm											Hộ cận nghèo trên 21-28 triệu đồng/người/năm															Số hộ nghèo còn lại trên 16-21 triệu		Số hộ cận nghèo còn lại trên 21 - 28 triệu		Hộ nghèo vượt ra khỏi chương trình
		Tổng số hộ nghèo	Nhân khẩu	Chỉ tiêu TP giao nâng thu nhập (100 %) (số hộ)	Thực hiện xóa hộ nghèo								Tổng số hộ cận nghèo năm 2018	Nhân khẩu	Chỉ tiêu TP giao nâng thu nhập (65%) (số hộ)	Số hộ nghèo cả năm 2018 chuyển sang cận nghèo	Nhân khẩu	Tổng số hộ cận nghèo	Tổng Nhân khẩu	Thực hiện xóa hộ cận nghèo												
					Số hộ	Nhân Khẩu	Nguyên nhân thoát nghèo				Bán nhà đi nơi khác /nguyên nhân khác	Tỷ lệ								Số hộ	Nhân Khẩu	Nguyên nhân thoát cận nghèo				Bán nhà đi nơi khác/nguyên nhân khác	Tỷ lệ						
							Trợ vốn làm ăn	Giới thiệu việc làm	Phấn đấu thoát nghèo	Hỗ trợ thoát nghèo													Trợ vốn làm ăn	Giới thiệu việc làm	Phấn đấu thoát nghèo	Hỗ trợ thoát nghèo			Số hộ	Nhân Khẩu	Số hộ	Nhân Khẩu	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16		18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33
1	Tân Sơn Nhì	23	101	23	23	101	2	5	10	5	1	100.00%	50	202	33	21	93	71	295	36	142	5	5	19	3	4	109.09%	0	0	35	153	2
2	Tây Thạnh	50	170	50	50	170	5	5	5	30	5	100.00%	61	275	40	43	140	104	415	40	168	1	2	9	22	6	100.00%	0	0	64	247	7
3	Sơn Kỳ	24	97	24	24	97	3	-	20	0	1	100.00%	78	346	51	23	93	101	439	51	215	2	2	47	0	-	100.00%	0	0	50	224	1
4	Tân Quý	36	131	36	36	131	9	10	8	8	1	100.00%	108	452	70	35	126	143	578	70	305	18	15	28	9	-	100.00%	0	0	73	273	1
5	Tân Thành	13	43	13	13	43	1	1	5	5	1	100.00%	50	211	33	12	41	62	252	33	109	5	6	11	7	4	100.00%	0	0	29	143	1
6	Phú Thọ Hòa	62	230	62	62	230	4	-	25	29	4	100.00%	70	280	45	18	58	88	338	52	206	10	11	20	11	0	115.56%	0	0	36	132	44
7	Phú Thạnh	24	97	24	24	97	10	5	5	3	1	100.00%	70	312	45	23	93	93	405	50	229	2	5	36	5	2	111.11%	0	0	43	176	1
8	Phú Trung	36	188	36	36	188	7	6	7	15	1	100.00%	128	594	83	35	181	163	775	93	460	21	13	16	34	9	112.05%	0	0	70	315	1
9	Hòa Thạnh	42	185	42	42	185	10	4	14	11	3	100.00%	57	245	37	37	169	94	414	37	155	10	7	10	4	6	100.00%	0	0	57	259	5
3	Hiệp Tân	20	72	20	20	72	3	-	12	4	1	100.00%	54	234	35	16	51	70	285	40	179	9	5	25	0	1	114.29%	0	0	30	106	4
11	Tân Thới Hòa	16	64	16	16	64	4	1	3	8	0	100.00%	49	189	32	15	60	64	249	35	140	5	5	19	5	1	109.38%	0	0	29	109	1
	Tổng cộng	**346**	**1,378**	**346**	**346**	**1,378**	**58**	**37**	**114**	**118**	**19**	**100.00%**	**775**	**3,340**	**504**	**278**	**1,105**	**1,053**	**4,445**	**537**	**2,308**	**88**	**76**	**240**	**100**	**33**	**106.55%**	**0**	**-**	**516**	**2,137**	**68**

PHỤ LỤC 4. TỔNG HỢP TÌNH TRẠNG GIẢM THIỂU HỤT CÁC CHIỀU XÃ HỘI TRONG TỔNG SỐ HỘ NGHÈO CỦA 11 PHƯỜNG QUẬN TÂN PHÚ TỪ NĂM 2016 ĐẾN NĂM 2018

STT	Phường	Tổng số hộ nghèo đầu giai đoạn 2016-2020	Thiếu hụt các chiều xã hội																																
			1.Trình độ giáo dục người lớn 15-30 tuổi chưa tốt nghiệp THCS	Đã thực hiện	Tỷ lệ	2. Tình trạng đi học trẻ em từ 5-14 tuổi	Đã thực hiện	Tỷ lệ	3. Trình độ nghề từ 18-35 tuổi	Đã thực hiện	Tỷ lệ	4. Tiếp cận dịch vụ y tế	Đã thực hiện	Tỷ lệ	5. Bảo hiểm y tế từ 6 tuổi trở lên	Đã thực hiện	Tỷ lệ	6. Việc làm	Đã thực hiện	Tỷ lệ	7. Bảo hiểm xã hội	Đã thực hiện	Tỷ lệ	8. Nhà ở dưới 6m²/người	Đã thực hiện	Tỷ lệ	9. Nước sinh hoạt	Đã thực hiện	Tỷ lệ	10. Sử dụng viễn thông gồm điện thoại, internet, cáp truyền hình	Đã thực hiện	Tỷ lệ	11. Tài sản tiếp cận thông tin gồm: Tivi, Radio, máy vi tính	Đã thực hiện	Tỷ lệ
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*35*	*36*
1	Tân Sơn Nhì	61	8	4	50.00	-		-	29	23	79.31	-	-	-	11	11	100.00	8	8	100.00	20	14	70	15	8	53.33	10	10	100.00	2	2	100.00	1	1	100.00
2	Tây Thạnh	128	18	11	61.11	1	1	100.00	35	24	68.57	17	17	100.00	38	38	100.00	25	18	72.00	48	43	90	50	38	76.00	19	19	100.00	21	21	100.00	7	7	100.00
3	Sơn Kỳ	72	12	6	50.00	2	2	100.00	26	18	69.23	-	-	-	16	16	100.00	6	6	100.00	36	21	58	22	14	63.64	13	13	100.00	-	-	-	-	0	-
4	Tân Quý	97	14	12	85.71	4	4	100.00	29	26	89.66	7	7	100.00	16	16	100.00	14	14	100.00	42	24	57	25	19	76.00	18	18	100.00	12	12	100.00	1	1	100.00
5	Tân Thành	77	-	-	-	-	-	-	25	23	92.00	1	1	100.00	33	33	100.00	1	1	100.00	68	64	94	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	0	-
6	Phú Thọ Hòa	235	40	38	95.00	11	11	100.00	107	106	99.07	20	20	100.00	118	118	100.00	36	36	100.00	77	32	42	83	68	81.93	53	53	100.00	25	25	100.00	10	10	100.00
7	Phú Thạnh	59	7	7	100.00	1	1	100.00	19	19	100.00	2	2	100.00	21	21	100.00	19	19	100.00	36	24	67	16	16	100.00	5	5	100.00	6	6	100.00	2	2	100.00
8	Phú Trung	135	48	40	83.33	19	19	100.00	54	46	85.19	1	1	100.00	12	12	100.00	9	9	100.00	104	76	73	35	18	51.43	11	11	100.00	4	4	100.00	1	1	100.00
9	Hòa Thạnh	109	29	23	79.31	6	6	100.00	52	41	78.85	1	1	100.00	31	31	100.00	9	9	100.00	98	61	62	33	23	69.70	16	16	100.00	1	1	100.00	1	1	100.00
10	Hiệp Tân	68	20	18	90.00	4	4	100.00	32	29	90.63	-	-	-	12	12	100.00	5	5	100.00	50	39	78	15	10	66.67	9	9	100.00	6	6	100.00	2	2	100.00
11	Tân Thới Hòa	59	15	10	66.67	2	2	100.00	32	25	78.13	3	3	100.00	25	25	100.00	11	11	100.00	19	16	84	14	12	85.71	10	10	100.00	14	14	100.00	1	1	100.00

TỔNG CỘNG	**1100**	**211**	**169**	**80.09**	**50**	**50**	**100.00**	**440**	**380**	**86.36**	**52**	**52**	**100.00**	**333**	**333**	**100.00**	**143**	**136**	**95.10**	**598**	**414**	**69**	**308**	**226**	**73.38**	**164**	**164**	**100.00**	**91**	**91**	**100.00**	**26**	**26**	**100.00**

PHỤ LỤC 5. TỔNG HỢP TÌNH TRẠNG GIẢM THIỂU HỤT CÁC CHIỀU XÃ HỘI TRONG TỔNG SỐ HỘ CẬN NGHÈO CỦA 11 PHƯỜNG QUẬN TÂN PHÚ TỪ NĂM 2016 ĐẾN NĂM 2018

STT	Phường	Tổng số hộ cận nghèo đầu giai đoạn	Thiếu hụt các chiều xã hội																																		
			1.Trình độ giáo dục người lớn 15-30 tuổi chưa tốt nghiệp THCS	Đã thực hiện	Tỷ lệ	2. Tình trạng đi học trẻ em từ 5-14 tuổi	Đã thực hiện	Tỷ lệ	3. Trình độ nghề từ 18-35 tuổi	Đã thực hiện	Tỷ lệ	4. Tiếp cận dịch vụ y tế	Đã thực hiện	Tỷ lệ	5. Bảo hiểm y tế từ 6 tuổi trở lên	Đã thực hiện	Tỷ lệ	6. Việc làm	Đã thực hiện	Tỷ lệ	7. Bảo hiểm xã hội	Đã thực hiện	Tỷ lệ	8. Nhà ở dưới 6m²/người	Đã thực hiện	Tỷ lệ	9. Nước sinh hoạt	Đã thực hiện	Tỷ lệ	10. Sử dụng viễn thông gồm điện thoại, internet, cáp truyền hình	Đã thực hiện	Tỷ lệ	11. Tài sản tiếp cận thông tin gồm: Tivi, Radio, máy vi tính	Đã thực hiện	Tỷ lệ
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*	*31*	*32*	*33*	*34*	*35*	*36*
1	Tân Sơn Nhì	57	4	2	50.00	1	1	100.00	21	9	42.86	1	1	100.00	12	12	100.00	3	3	100.00	19	-	-	2	1	50.00	9	9	100.00	1	1	100.00	-	-	-
2	Tây Thạnh	46	7	-	-	2	2	-	21	4	19.05	2	2	100.00	4	4	100.00	2	1	50.00	19	4	21	23	5	21.74	2	2	100.00	1	1	100.00	1	1	100.00
3	Sơn Kỳ	93	8	-	-	-	-	-	28	4	14.29	3	3	-	20	20	100.00	4	4	100.00	49	11	22	16	11	68.75	8	8	100.00	3	3	-	1	1	-
4	Tân Quý	140	9	2	22.22	2	2	100.00	26	5	19.23	2	2	100.00	9	9	100.00	10	10	100.00	51	-	-	26	18	69.23	20	20	100.00	5	5	100.00	1	1	100.00
5	Tân Thành	55	-	-	-	-	-	-	17	7	41.18	1	1	100.00	28	28	100.00	-	-	-	52	22	42	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-
6	Phú Thọ Hòa	86	8	8	100.00	3	3	100.00	33	24	72.73	3	3	100.00	33	33	100.00	7	7	100.00	55	26	47	15	8	53.33	13	13	100.00	7	7	100.00	3	3	100.00
7	Phú Thạnh	96	16	16	100.00	3	3	100.00	27	27	100.00	2	2	100.00	18	18	100.00	21	21	100.00	64	24	38	16	14	87.50	2	2	100.00	2	2	100.00	1	1	100.00
8	Phú Trung	153	32	11	34.38	11	11	100.00	45	13	28.89	1	1	100.00	11	11	100.00	6	6	100.00	106	-	-	27	1	3.70	3	3	100.00	5	5	100.00	4	4	100.00
9	Hòa Thạnh	74	6	2	33.33	1	1	100.00	33	9	27.27	-	-	-	15	15	100.00	6	6	100.00	66	15	23	7	2	28.57	7	7	100.00	1	1	100.00	1	1	100.00
10	Hiệp Tân	50	9	4	44.44	-	-		19	4	21.05	1	1	-	6	6	100.00	2	2	100.00	51	3	6	7	3	42.86	2	2	100.00	3	3	100.00	1	1	100.00
11	Tân Thới Hòa	54	7	1	14.29	4	4	100.00	22	-	-	2	2	100.00	20	20	100.00	7	7	100.00	10	-	-	9	3	33.33	4	4	100.00	8	8	100.00	-	-	-
TỔNG CỘNG		**904**	**106**	**46**	**43.40**	**27**	**27**	**100.00**	**292**	**106**	**36.30**	**18**	**18**	**100.00**	**176**	**176**	**100.00**	**68**	**67**	**98.53**	**542**	**105**	**19**	**148**	**66**	**44.59**	**70**	**70**	**100.00**	**36**	**36**	**100.00**	**13**	**13**	**100.00**

Lưu ý:

1	Tân Sơn Nhì																				18	0														
2	Tây Thạnh		5	0		0	0		17	0								1						16	0											
3	Sơn Kỳ		7	2																				14	0											
4	Tân Quý		9	3					18	2											47	-														
5	Tân Thành								15	8																										
6	Phú Thọ Hòa		8	8					33	30											29	-														

8	Phú Trung		25	5		11	11		45	21											102	0		23	1								
10	Hiệp Tân		4	4					18	2											40	0		3	3								
11	Tân Thới Hòa		7	4					19	2														6	1								

PHỤ LỤC 6. TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO, HỘ VƯỢT CHUẨN CẬN NGHÈO, HỘ DÂN NĂM 2018

Stt	Phường-xã, thị trấn	TỔNG SỐ HỘ ĐƯỢC KHẢO SÁT				Trong đó														
		Tổng số hộ được khảo sát	Trong đó			Hộ nghèo				Hộ cận nghèo				Hộ vượt chuẩn cận nghèo				Hộ dân (Hộ không thuộc Chương trình giảm nghèo bền vững Thành phố)			
							Kết quả khảo sát				Kết quả khảo sát				Kết quả khảo sát				Kết quả khảo sát		
			Trong chuẩn hộ nghèo	Trong chuẩn hộ cận nghèo	Vượt chuẩn hộ cận nghèo (hộ không nghèo)	Số hộ	Trong chuẩn hộ nghèo	Trong chuẩn hộ cận nghèo	Vượt chuẩn hộ cận nghèo (hộ không nghèo)	Số hộ	Trong chuẩn hộ nghèo	Trong chuẩn hộ cận nghèo	Vượt chuẩn hộ cận nghèo (hộ không nghèo)	Số hộ	Trong chuẩn hộ nghèo	Trong chuẩn hộ cận nghèo	Vượt chuẩn hộ cận nghèo (hộ không nghèo)	Số hộ	Trong chuẩn hộ nghèo	Trong chuẩn hộ cận nghèo	Hộ không nghèo
A	*B*	*1=5+9+13+17*	*2=6+10+14+18*	*3=7+11+15+19*	*4=8+12+16+20*	*5=6+7+8*	*6*	*7*	*8*	*9=10+11+12*	*10*	*11*	*12*	*13=14+15+16*	*14*	*15*	*16*	*17=18+19+20*	*18*	*19*	*20*
1	Tân Sơn Nhì	22		11	11	16		9	7	5		2	3					1			1
2	Tây Thạnh	34	4	18	12	7	4	3		16		12	4	11		3	8				
3	Sơn Kỳ	19		4	15	7		3	4	11		1	10					1			1
4	Tân Quý	20		10	10	6		6		10		4	6	4			4				
5	Tân Thành	19		9	10	9		9		3		0	3	3			3	4			4
6	Phú Thọ Hòa	45	1	10	34	26	1	8	17	17		2	15					2			2
7	Phú Thạnh	21		7	14	7		3	4	14		4	10								
8	Phú Trung	21		12	9	10		4	6	8		8	0					3			3
9	Hòa Thạnh	26		9	17	12		9	3	11		0	11	3			3				
10	Hiệp Tân	20		11	9	5		5		15		6	9								
11	Tân Thới Hòa	20		5	15	3		3		16		2	14	1			1				

Tổng cộng	**267**	**5**	**106**	**156**	**108**	**5**	**62**	**41**	**126**	**0**	**41**	**85**	**22**	**0**	**3**	**19**	**11**	**0**	**0**	**11**

PHỤ LỤC 7. TỔNG HỢP KẾT QUẢ KHẢO SÁT, KIỂM TRA THỰC TẾ TẠI HỘ THỤ HƯỞNG CÁC CHÍNH SÁCH AN SINH XÃ HỘI TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2018

STT	Phường	Tổng số hộ đi khảo sát, kiểm tra	Hỗ trợ thẻ BHYT (thẻ)			Hỗ trợ Đào tạo nghề (người)		Hỗ trợ Giải quyết việc làm (người)		Miễn giảm học phí (người)		Hỗ trợ học bổng(người)		Chính sách hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo nhóm 1, 2 (hộ)		Chính sách hộ nghèo diện khó khăn đặc biệt (hộ)		Hỗ trợ chi phí hỏa táng (người)	
			Có thụ hưởng diện hộ trong chương trình GN	Có thụ hưởng diện hộ khác	Chưa thụ hưởng	Có thụ hưởng	Chưa thụ hưởng	Có thụ hưởng	Chưa thụ hưởng	Có thụ hưởng	Chưa thụ hưởng	Có thụ hưởng	Chưa thụ hưởng	Có thụ hưởng	Chưa thụ hưởng	Có thụ hưởng	Chưa thụ hưởng	Có thụ hưởng	Chưa thụ hưởng
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*
1	Tân Sơn Nhì	22	78	10		2		5		6		6		16					
2	Tây Thạnh	34	120	19				3		11		11		7					
3	Sơn Kỳ	19	88	16				8		8		8		7					
4	Tân Quý	20	77	12				9		7		7		6					
5	Tân Thành	19	72	11				2		5		5		9					
6	Phú Thọ Hòa	45	161	12				11		12		12		26					
7	Phú Thạnh	21	81	10				3		9		9		7				1	
8	Phú Trung	21	86	18				5		5		5		10				1	
9	Hòa Thạnh	26	100	17				6		10		10		12				1	
10	Hiệp Tân	20	72	15				7		6		6		5				1	
11	Tân Thới Hòa	20	52	8		1		4		5		5		4				3	
Tổng cộng		**267**	**987**	**148**	**0**	**3**	**0**	**63**	**0**	**84**	**0**	**84**	**0**	**109**	**0**	**0**	**0**	**7**	**0**

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng

PHỤ LỤC 8. TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA THỰC TẾ SỬ DỤNG VỐN VAY CÁC NGUỒN QUỸ ƯU ĐÃI, TÍN DỤNG NHỎ TRÊN ĐỊA BÀN NĂM 2018

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Phường	Quỹ Xóa đói giảm nghèo (Quỹ 140)						Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm (Quỹ 61)						Nguồn vốn cho vay giải quyết việc làm cho người có đất bị thu hồi (Quỹ 34)						Vốn vay của NHCSXH (các chương trình: cho vay hộ nghèo, HS-SV, …)						Vốn vay của các Hội đoàn thể (CEP, phụ nữ phát triển kinh tế, Cựu chiến binh…)					
		Đúng mục đích		Không đúng mục đích		Thay đổi mục đích		Đúng mục đích		Không đúng mục đích		Thay đổi mục đích		Đúng mục đích		Không đúng mục đích		Thay đổi mục đích		Đúng mục đích		Không đúng mục đích		Thay đổi mục đích		Đúng mục đích		Không đúng mục đích		Thay đổi mục đích	
		Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền	Số hộ	Số tiền
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*	*26*	*27*	*28*	*29*	*30*
1	Tân Sơn Nhì	14	392																												
2	Tây Thạnh	11	158					1	2											2	69					1	4				
3	Sơn Kỳ	20	642																												
4	Tân Quý	11	274																							1	6				
5	Tân Thành	19	780																												
6	Phú Thọ Hòa	8	220	1	20	1	30	5	117											1	11					4	33				
7	Phú Thạnh	21	622																												
8	Phú Trung	18	443																	3	80										
9	Hòa Thạnh	26	985																												
10	Hiệp Tân	17	260					3	100																						
11	Tân Thới Hòa	17	220																												

Tổng cộng	**182**	**4,996**	**1**	**20**	**1**	**30**	**9**	**219**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6**	**160**	**0**	**0**	**0**	**0**	**6**	**43**	**0**	**0**	**0**	**0**

PHỤ LỤC 9. TỔNG HỢP SỐ LIỆU HỘ NGHÈO – HỘ CẬN NGHÈO QUẬN TÂN PHÚ GIAI ĐOẠN 2019 – 2020 *(THỜI ĐIỂM 01/01/2019)*

Tổng số hộ dân (Thời điểm 01/01/2019)	Hộ nghèo													Hộ cận nghèo		
	Tổng số hộ	Nhân khẩu	Tỷ lệ (%) so với hộ dân	Chia ra										Tổng số hộ	Nhân khẩu	Tỷ lệ (%) so với hộ dân
				Nhóm 1		Nhóm 2		Nhóm 3								
								Số hộ	Số nhân khẩu	3a		3b				
				Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Nhân khẩu			Số hộ	Nhân khẩu	Số hộ	Nhân khẩu			
1	*2=5+7+9*	*3=6+8+10*	*4=2/1*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9=11+13*	*10=12+14*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17=15/1*
10,249	41	174	0.40	-	-	41	174	-	-	-	-	-	-	33	150	0.32
17,927	40	145	0.22	-	-	40	145	-	-	-	-	-	-	37	157	0.21
10,912	37	166	0.34	-	-	37	166	-	-	-	-	-	-	24	97	0.22
17,378	58	217	0.33	-	-	58	217	-	-	-	-	-	-	71	296	0.41
8,753	29	124	0.33	-	-	29	124	-	-	-	-	-	-	28	124	0.32
14,304	29	106	0.20	-	-	29	106	-	-	-	-	-	-	39	149	0.27
9,928	26	102	0.26	-	-	26	102	-	-	-	-	-	-	55	240	0.55
11,802	48	228	0.41	-	-	48	228	-	-	-	-	-	-	110	513	0.93
9,595	51	221	0.53	-	-	51	221	-	-	-	-	-	-	44	191	0.46
9,515	31	110	0.33	-	-	31	110	-	-	-	-	-	-	62	276	0.65
8,019	29	99	0.36	-	-	29	99	-	-	-	-	-	-	33	134	0.41
128,382	**419**	**1,692**	**0.33**	**-**	**-**	**419**	**1,692**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**536**	**2,327**	**0.42**

PHỤ LỤC 10. TỔNG HỢP HỘ NGHÈO – HỘ CẬN NGHÈO QUẬN TÂN PHÚ GIAI ĐOẠN 2019 – 2020 PHÂN TÍCH THEO HỘ THƯỜNG TRÚ VÀ HỘ TẠM TRÚ *(THỜI ĐIỂM 01/01/2019)*

Stt	Đơn vị	Tổng hộ dân (Tính đến 01/01/2019)	HỘ NGHÈO								HỘ CẬN NGHÈO							
			Tổng số hộ nghèo	Tổng nhân khẩu hộ nghèo	Hộ thường trú			Hộ tạm trú			Tổng số hộ cận nghèo	Tổng nhân khẩu hộ cận nghèo	Hộ thường trú			Hộ tạm trú		
					Hộ	Nhân khẩu	Tỷ lệ % so với hộ nghèo	Hộ	Nhân khẩu	Tỷ lệ % so với hộ nghèo			Hộ	Nhân khẩu	Tỷ lệ % so với hộ cận nghèo	Hộ	Nhân khẩu	Tỷ lệ % so với hộ cận nghèo
A	*B*	*1*	*2*	*3*	*4*	*5*	*6=4/2*	*7*	*8*	*9=7/2*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14=12/10*	*15*	*16*	*17=15/10*
1	Tân Sơn Nhì	10,249	41	174	34	143	82.93	7	31	17.07	33	150	32	146	96.97	1	4	3.03
2	Tây Thạnh	17,927	40	145	27	99	67.50	13	46	32.50	37	157	29	134	78.38	8	23	21.62
3	Sơn Kỳ	10,912	37	166	29	139	78.38	8	27	21.62	24	97	18	77	75.00	6	20	25.00
4	Tân Quý	17,378	58	217	43	163	74.14	15	54	25.86	71	296	64	264	90.14	7	32	9.86
5	Tân Thành	8,753	29	124	28	122	96.55	1	2	3.45	28	124	27	120	96.43	1	4	3.57
6	Phú Thọ Hòa	14,304	29	106	26	96	89.66	3	10	10.34	39	149	35	131	89.74	4	18	10.26
7	Phú Thạnh	9,928	26	102	22	86	84.62	4	16	15.38	55	240	50	220	90.91	5	20	9.09
8	Phú Trung	11,802	48	228	43	201	89.58	5	27	10.42	110	513	100	462	90.91	10	51	9.09
9	Hòa Thạnh	9,595	51	221	44	192	86.27	7	29	13.73	44	191	36	168	81.82	8	23	18.18
10	Hiệp Tân	9,515	31	110	26	93	83.87	5	17	16.13	62	276	53	238	85.48	9	38	14.52
11	Tân Thới Hòa	8,019	29	99	28	97	96.55	1	2	3.45	33	134	32	131	96.97	1	3	3.03
Tổng cộng		**128,382**	**419**	**1,692**	**350**	**1,431**	**83.53**	**69**	**261**	**16.47**	**536**	**2,327**	**476**	**2,091**	**88.81**	**60**	**236**	**11.19**

Luận Văn 24 - đơn vị cung cấp Dịch vụ viết luận văn thạc sỹ uy tín, giá cả phải chăng